



**HAGL Agrico**



# **VƯỢT QUA ➔ THÁCH THỨC**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
— 2016 —**



## TRIẾT LÝ KINH DOANH



Một doanh nghiệp được đánh giá cao là một doanh nghiệp phải tạo lập được sự an toàn và ổn định trong hoạt động của mình; Tạo ra lợi nhuận bền vững; Và thị phần liên tục được mở rộng và tăng trưởng.

## SỨ MỆNH



Áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để khai thác tiềm năng đất đai nhằm tạo ra các hàng hóa nông nghiệp hữu ích cho cuộc sống.

Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, Cổ đông và toàn xã hội.

## TẦM NHÌN



Trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI



**Tôn trọng:** Tôn trọng bản thân; Tôn trọng đồng nghiệp; Tôn trọng Công ty; Tôn trọng đối tác; Hợp tác trong sự tôn trọng.

**Tuân thủ:** Tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam, Lào, Campuchia. Tuân thủ quy định, chính sách của Công ty.

**Sẵn sàng vượt khó:** Sẵn sàng đối đầu với thử thách, nỗ lực và quyết tâm tìm mọi giải pháp để vượt qua.





## 04

|                                       |    |
|---------------------------------------|----|
| Thông tin chung                       | 04 |
| Thông tin tài chính cơ bản            | 06 |
| Thông điệp của Chủ tịch HĐQT          | 08 |
| Quá trình hình thành và phát triển    | 10 |
| Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty   | 12 |
| Thông tin các Công ty con và liên kết | 14 |

## 18

|                                       |    |
|---------------------------------------|----|
| Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh        | 18 |
| Định hướng phát triển của HAGL Agrico | 30 |

## 34

|                             |    |
|-----------------------------|----|
| Thông tin Hội đồng Quản trị | 34 |
| Thông tin Ban Tổng Giám Đốc | 38 |
| Thông tin Ban Kiểm soát     | 42 |

## 46

|  |    |
|--|----|
| Báo cáo tình hình hoạt động năm 2016                     | 46 |
| + Diễn biến chỉ tiêu doanh thu theo ngành                |    |
| + Tổ chức nhân sự  |    |
| + Tình hình tài chính                                    |    |
| + Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án đến 31/12/2016 |    |
| + Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu     |    |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                            | 56 |
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị                            | 62 |



## 66

|                                       |    |
|---------------------------------------|----|
| Hoạt động Quản trị Công ty            | 66 |
| + Hoạt động của Hội đồng Quản trị     |    |
| + Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát |    |
| + Các nhân tố rủi ro                  |    |

## 74

|  |    |
|--|----|
| Báo cáo phát triển bền vững  | 74 |
| + Báo cáo đánh giá tác động tới môi trường và xã hội của HAGL Agrico |    |
| + Chính sách liên quan tới người lao động                            |    |
| + Trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng                          |    |

## 80

|                   |    |
|-------------------|----|
| Báo cáo tài chính | 80 |
|-------------------|----|



## THÔNG TIN CHUNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

**Tên Công ty tiếng Việt** : Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai  
**Tên Công ty tiếng Anh** : Hoang Anh Gia Lai Agricultural Joint Stock Company  
**Tên viết tắt** : HAGL AGRICO

**Số điện thoại** : (84.59) 22 22 283  
**Fax** : (84.59) 22 22 218  
**Website** : www.haagrico.com.vn

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** : 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 26/5/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08/03/2016

**Địa chỉ trụ sở chính** : 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam



**VỐN ĐIỀU LỆ:**  
(VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU)  
**7.671.438.950.000 VNĐ**



**MÃ CỔ PHIẾU:**  
**HNG**



**MỆNH GIÁ CỔ PHẦN:**  
**10.000 VNĐ**



**TỔNG SỐ CỔ PHẦN:**  
**767.143.895**



TỔNG NGUỒN VỐN (TỶ)

**35.468**

## THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ĐVT: Tỷ VNĐ

| Kết thúc 31/12                          | 2016          | 2015          | 2014          | 2013          | 2012          | 2011         |
|---|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|--------------|
| <b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>               |               |               |               |               |               |              |
| Tổng doanh thu                          | 4.777         | 4.731         | 2.212         | 1.630         | 134           | 41           |
| Doanh thu thuần                         | 4.776         | 4.731         | 2.212         | 1.630         | 134           | 41           |
| Lợi nhuận gộp                           | 510           | 1.237         | 1.028         | 915           | 40            | 8            |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -412          | 823           | 670           | 681           | 2             | 26           |
| Lãi/lỗ khác                             | -566          | -108          | 78            | -2            | 1             | 1            |
| Lợi nhuận (lỗ) trước thuế               | -978          | 715           | 747           | 679           | 2             | 27           |
| Lợi nhuận (lỗ) sau thuế                 | -1.020        | 744           | 736           | 685           | 3             | 21           |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)          | -1.298        | 1.176         | 1.233         | 1.574         | -20           | 116          |
| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>             |               |               |               |               |               |              |
| Tài sản ngắn hạn                        | 6.643         | 7.221         | 4.732         | 3.342         | 3.577         | 2.815        |
| Trong đó: Hàng tồn kho                  | 1.672         | 2.966         | 1.141         | 798           | 480           | 377          |
| Tài sản dài hạn                         | 28.825        | 19.515        | 12.392        | 9.899         | 6.994         | 3.075        |
| <b>Tổng tài sản</b>                     | <b>35.468</b> | <b>26.736</b> | <b>17.124</b> | <b>13.241</b> | <b>10.571</b> | <b>5.890</b> |
| Vay và nợ ngắn hạn                      | 2.139         | 3.127         | 3.728         | 690           | 165           | 476          |
| Nợ ngắn hạn khác                        | 3.986         | 3.903         | 2.554         | 1.425         | 724           | 691          |
| Vay và nợ dài hạn                       | 17.257        | 9.109         | 3.621         | 4.779         | 4.371         | 908          |
| Nợ dài hạn khác                         | 1.602         | 848           | 366           | 143           | 0             | 0            |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                 | <b>24.984</b> | <b>16.987</b> | <b>10.269</b> | <b>7.037</b>  | <b>5.260</b>  | <b>2.075</b> |
| Vốn chủ sở hữu                          | 10.424        | 9.654         | 6.833         | 6.182         | 5.225         | 3.721        |
| Lợi ích cổ đông thiểu số                | 60            | 95            | 22            | 22            | 86            | 94           |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>                   | <b>35.468</b> | <b>26.736</b> | <b>17.124</b> | <b>13.241</b> | <b>10.571</b> | <b>5.890</b> |

## THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(tiếp theo)

ĐVT: Tỷ VNĐ

| Kết thúc 31/12 (tiếp theo)                                    | 2016       | 2015       | 2014      | 2013       | 2012         | 2011       |
|---|------------|------------|-----------|------------|--------------|------------|
| <b>LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN</b>                                   |            |            |           |            |              |            |
| Lợi nhuận trước thuế  | -978       | 715        | 747       | 679        | 2            | 27         |
| Khấu hao và hao mòn   | 653        | 333        | 208       | 143        | 37           | 19         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 102        | 1.366      | 1.134     | 981        | 40           | 10         |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                       | 685        | 1.378      | -559      | 547        | 320          | -89        |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư                           | -6.483     | -6.458     | -1.802    | -3.803     | -2.922       | -2.591     |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính                        | 5.774      | 5.365      | 2.258     | 1.883      | 3.747        | 2.837      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                       | <b>308</b> | <b>332</b> | <b>47</b> | <b>150</b> | <b>1.524</b> | <b>378</b> |



## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC - CHỦ TỊCH HĐQT

### Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư!

Năm 2016, kết quả kinh doanh của nhóm Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico, Công ty) chưa đạt được theo kế hoạch đề ra, với khoản lỗ trên báo cáo tài chính hợp nhất là 1.020 tỷ đồng. Nguyên nhân gây ra khoản lỗ là do chi phí tài chính vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, biên lợi nhuận của ngành bò đã giảm và trong năm 2016 Công ty đã tiến hành đánh giá lại giá trị một số tài sản.

Bên cạnh đó, giá cao su mặc dù có dấu hiệu phục hồi từ mức 1.100 USD/tấn trong năm 2015 lên đến 2.200 USD/tấn, nhưng việc tăng giá chỉ diễn ra vào các tháng cuối năm 2016, vì vậy trong niên vụ 2016 (bắt đầu từ tháng 5) Công ty vẫn đang hạn chế mở rộng diện tích cao su. Do sản lượng mủ thu hoạch chưa nhiều nên doanh thu từ cao su trong năm vẫn ở mức khiêm tốn. Với giá bán mủ cao su cuối năm 2016 được ghi nhận cao gấp đôi đầu năm 2016, Công ty dự kiến sẽ đẩy mạnh diện tích thu hoạch mủ trong tháng 5 năm 2017.

Mặc dù Công ty chưa đạt được chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận hợp nhất năm 2016 nhưng nhìn nhận ở một khía cạnh tích cực thì đây vẫn là năm HAGL Agrico đạt được nhiều kết quả khả quan khác. Cụ thể, Công ty đã thực hiện cơ cấu lại các khoản nợ để phù hợp với dòng tiền thu được từ các dự án. Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các tổ chức tín dụng.

Việc tái cơ cấu bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt. Từ trạng thái tài chính dễ dàng đổ vỡ do mất khả năng thanh khoản do số tiền lãi và gốc đến hạn quá lớn, khả năng thanh khoản đã dần được cải thiện, rủi ro tài chính được kiểm soát chặt chẽ hơn. Việc xin gia hạn thành công các khoản nợ vay đã không những giúp cho Công ty giảm bớt được gánh nặng về dòng tiền trả nợ, mà còn giúp cho Công ty có quỹ thời gian tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý khối tài sản to lớn để tăng doanh thu, mang lại dòng tiền.

Ngoài tái cơ cấu nợ, HAGL Agrico đã triển khai đề án tái cấu trúc tổng thể Công ty giai đoạn 2016 - 2026. Chi tiết về đề án tái cấu trúc đã được trình bày trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Công ty. Phạm vi tái cấu trúc tổng thể từ việc hoạch định chiến lược đến tái cấu trúc về công tác tổ chức, công tác quản trị và tài chính, trong đó có việc chuyển nhượng và thanh lý tài sản để giảm nợ vay. Trong năm 2016, HAGL Agrico bắt đầu tiến hành các công việc để chuyển nhượng Cổ phần trong Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu. Việc chuyển nhượng này sẽ làm giảm nợ vay của HAGL Agrico.

*Chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn đến các ngân hàng, các đối tác kinh doanh đã đồng hành hỗ trợ Công ty chúng tôi. Cảm ơn đội ngũ nhân sự đã cống hiến và đồng hành cùng HAGL Agrico vượt qua khó khăn, thách thức trong năm vừa qua.*

Trong năm, Công ty cũng rà soát và quyết định sử dụng quỹ đất còn dư để trồng một số loại cây ăn quả có giá trị cao hơn và thời gian đưa vào thu hoạch ngắn hơn. Chúng tôi tin tưởng rằng đây là quyết sách hợp lý trong bối cảnh HAGL Agrico cần có một hướng đi đột phá và mang tính chiến lược để vượt qua khó khăn và bảo đảm khả năng cạnh tranh trong dài hạn.

Định hướng năm 2017, ban lãnh đạo HAGL Agrico sẽ cố gắng nâng cao năng lực tư duy, quản lý và lãnh đạo để tiếp tục đưa Công ty vượt qua được giai đoạn khó khăn. Công ty vẫn tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc tổng thể trên cơ sở đề cao sự an toàn trong hoạt động đầu tư và kinh doanh. Về hoạt động kinh doanh, Công ty vẫn sẽ tập trung vào các ngành nghề cốt lõi như chăn nuôi bò, thu hoạch mủ cao su và cọ dầu. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tận dụng những lợi thế về đất đai và hạ tầng cho nông nghiệp để trồng cây ăn quả. Công ty tiếp tục tham gia chuỗi cung ứng trái cây có nguồn gốc từ Việt Nam, Lào, và Campuchia để xuất khẩu. Dự kiến trong năm 2017 Công ty cũng sẽ có được nguồn thu khả quan từ thanh long, chuối và chanh dây.

Chúng tôi tin tưởng rằng kể từ năm 2017 khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh sẽ được cải thiện tốt hơn so với các năm trước. Có lý do để tin tưởng triển vọng này, bởi vì HAGL Agrico đã vượt qua giai đoạn khó khăn và thách thức nhất, khi mà thị trường hàng hóa nói chung và cao su nói riêng suy giảm và duy trì ở mức giá thấp trong thời gian rất dài.

Chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn đến các ngân hàng, các đối tác kinh doanh đã đồng hành hỗ trợ Công ty chúng tôi. Cảm ơn đội ngũ cán bộ công nhân viên đã cống hiến và đồng hành cùng HAGL Agrico vượt qua khó khăn, thách thức trong năm vừa qua.

Chúng tôi cũng kỳ vọng lớn rằng sự kiên nhẫn của Quý cổ đông sẽ sớm được đền đáp một cách xứng đáng.

**Chủ tịch HĐQT**

ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### NHỮNG CỘT MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG



#### NĂM 2010

- Thành lập Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.



#### NĂM 2011

- Ký hợp đồng thuê đất với Chính phủ Lào và Campuchia, mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài.



#### NĂM 2012

- Khởi công xây dựng cụm công nghiệp mía đường tại tỉnh Attapeu.
- Khởi công xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su, công suất 25.000 tấn/năm tại tỉnh Attapeu.



#### NĂM 2013

- Khánh thành cụm công nghiệp mía đường và nhà máy chế biến mủ cao su.
- Động thổ dự án sân bay quốc tế Nong Khang, tỉnh Hủa Phăn, Lào vào ngày 14/03/2013.



#### NĂM 2014

- Hoàn thành việc trồng trọt 38.428 ha cao su tại Việt Nam, Lào và Campuchia.
- Tham gia lĩnh vực chăn nuôi bò thịt.
- Khởi công xây dựng nhà máy dầu cọ công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ tại Campuchia.



#### NĂM 2015

- Tháng 4 năm 2015, Công ty đổi tên từ Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Tháng 5 năm 2015, Công ty khánh thành và bàn giao Sân bay quốc tế Hoàng Anh Attapeu.
- Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/07/2015.



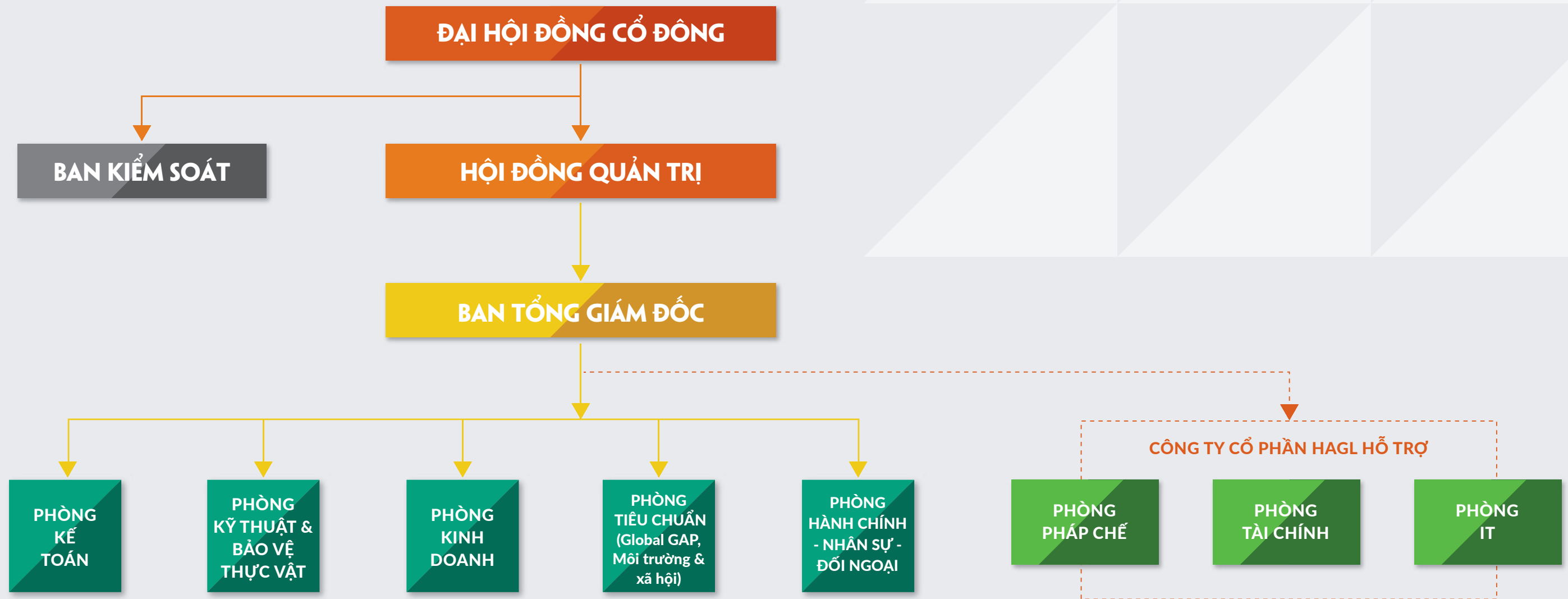
#### NĂM 2016

- Thực hiện đề án Tái cấu trúc tổng thể Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Phát triển dự án trồng cây chanh dây. Tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu quả chanh dây có nguồn gốc từ Lào và Việt Nam.
- Triển khai trồng thanh long, chuối và hơn mười loại cây ăn quả khác.





**SƠ ĐỒ  
CƠ CẤU BỘ  
MÁY QUẢN LÝ  
CÔNG TY**





## THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT



### 1.1. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

CHI TIẾT VỀ CÁC CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016 NHƯ SAU:

#### 01. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP CAO SU HOÀNG ANH - QUANG MINH

Trụ sở: Attapeu, Lào  
Tỷ lệ sở hữu: 97,77 %  
Vốn điều lệ: 40.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su.

#### 02. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀNG ANH - QUANG MINH

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 97,77 %  
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, trồng mía; Chăn nuôi trâu, bò.

#### 03. CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH ĐẮK LẮK

Trụ sở: Đắk Lắk, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 99,53 %  
Vốn điều lệ: 320.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, hồ tiêu, cà phê.

#### 04. CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HOÀNG ANH ATTAPEU

Trụ sở: Attapeu, Lào  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 85.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su; Trồng và chế biến dầu cọ.

#### 05. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH RATTANAKIRI

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 16.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su.

#### 06. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BAN MÊ

Trụ sở: Đắk Lắk, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 99,45 %  
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su.

#### 07. CÔNG TY TNHH HENG BROTHERS

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 17.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su.

#### 08. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH OYADAV

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 67.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su.

#### 09. CÔNG TY TNHH CRD

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 57.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su.

#### 10. CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH GIA LAI

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 99,99 %  
Vốn điều lệ: 815.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất đường; Trồng cây mía, cao su; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

#### 11. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH ANDONG MEAS

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 97,77 %  
Vốn điều lệ: 42.500.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng và chế biến dầu cọ.

#### 12. CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH ATTAPEU

Trụ sở: Attapeu, Lào  
Tỷ lệ sở hữu: 99,99 %  
Vốn điều lệ: 35.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất đường; Trồng cây mía, cao su; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

#### 13. CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH GIA LAI

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất từ mía, đường, cọ dầu, cao su; Bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng khác.

#### 11 CÔNG TY CON TẠI VIỆT NAM

#### 03 CÔNG TY CON TẠI LÀO

#### 10 CÔNG TY CON TẠI CAMPUCHIA

#### 02 CÔNG TY LIÊN KẾT

#### 14. CÔNG TY CỔ PHẦN BÒ SỮA TÂY NGUYÊN

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 99,00 %  
Vốn điều lệ: 550.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi trâu, bò; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi, hoạt động dịch vụ trồng trọt.

#### 15. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG PÊNH

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 99,9 %  
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu.

#### 16. CÔNG TY CỔ PHẦN AN ĐÔNG MIA

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 70 %  
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu.

#### 17. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH LUMPHAT

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 70 %  
Vốn điều lệ: 44.236.800 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến dầu cọ.

#### 18. CÔNG TY TNHH DAUN PENH AGRICO

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 99,9 %  
Vốn điều lệ: 1.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến dầu cọ.

#### 19. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAO SU ĐÔNG DƯƠNG

Trụ sở: TP.HCM, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 1.465.000.000.000 VNĐ  
Trồng cây cao su và chế biến các sản phẩm từ cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, Xây dựng nhà, công trình dân dụng, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, vận tải hàng hóa.

#### 20. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CAO SU ĐÔNG ÂU

Trụ sở: TP.HCM, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và chế biến các sản phẩm từ cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, Xây dựng nhà, công trình dân dụng, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, vận tải hàng hóa.

#### 21. CÔNG TY TNHH EASTERN RUBBER

Trụ sở: Kratie, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 49.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su.

#### 22. CÔNG TY TNHH CAO SU BÌNH PHƯỚC KRATIE 2

Trụ sở: Kratie, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 49.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su

#### 23. CÔNG TY TNHH SOVAN VUTHY

Trụ sở: Kratie, Campuchia  
Tỷ lệ sở hữu: 100,00 %  
Vốn điều lệ: 20.000.000 USD  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su.

#### 24. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TRUNG NGUYÊN

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam  
Tỷ lệ sở hữu: 99,91 %  
Vốn điều lệ: 3.277.487.120.000 VNĐ  
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng và thu hoạch mủ cao su; trồng các loại cây ăn quả.

### 1.2. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BIDIPHAR

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su.  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016  
Tỷ lệ sở hữu: 49,14 %  
Giá trị ghi sổ (ngàn VNĐ): 287.143.307

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI GIA LAI

Lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi bò  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016  
Tỷ lệ sở hữu: 23,46 %  
Giá trị ghi sổ (ngàn VNĐ): 609.017.978

Danh sách được cập nhật tới thời điểm 31/12/2016.





# SẢN SÀNG VƯỢT KHÓ





## LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



### CHĂN NUÔI BÒ

Công ty bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt từ giữa năm 2014 và chọn giống bò Brahman Úc làm sản phẩm chính của Công ty.

**TỔNG XUẤT BÁN TRONG  
NĂM 2016 LÀ  
122.740 con**



### TRỒNG & CHẾ BIẾN MỦ CAO SU

Tính đến 31/12/2016, tổng diện tích cao su của Công ty là 48.793 ha trong đó 20.361 ha tại Lào, 4.844 ha tại Việt Nam, và 23.588 ha tại Campuchia.

**TỔNG DIỆN TÍCH CAO SU  
48.793 HA**



### TRỒNG & CHẾ BIẾN CỌ DẦU

Công ty hiện đang duy trì và chăm sóc 29.307 ha cọ dầu, trong đó tại tỉnh Attapeu, Lào là 6.861 ha và tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 22.446 ha.

**DIỆN TÍCH TRỒNG  
29.307 HA**



### TRỒNG & CHẾ BIẾN MÍA ĐƯỜNG

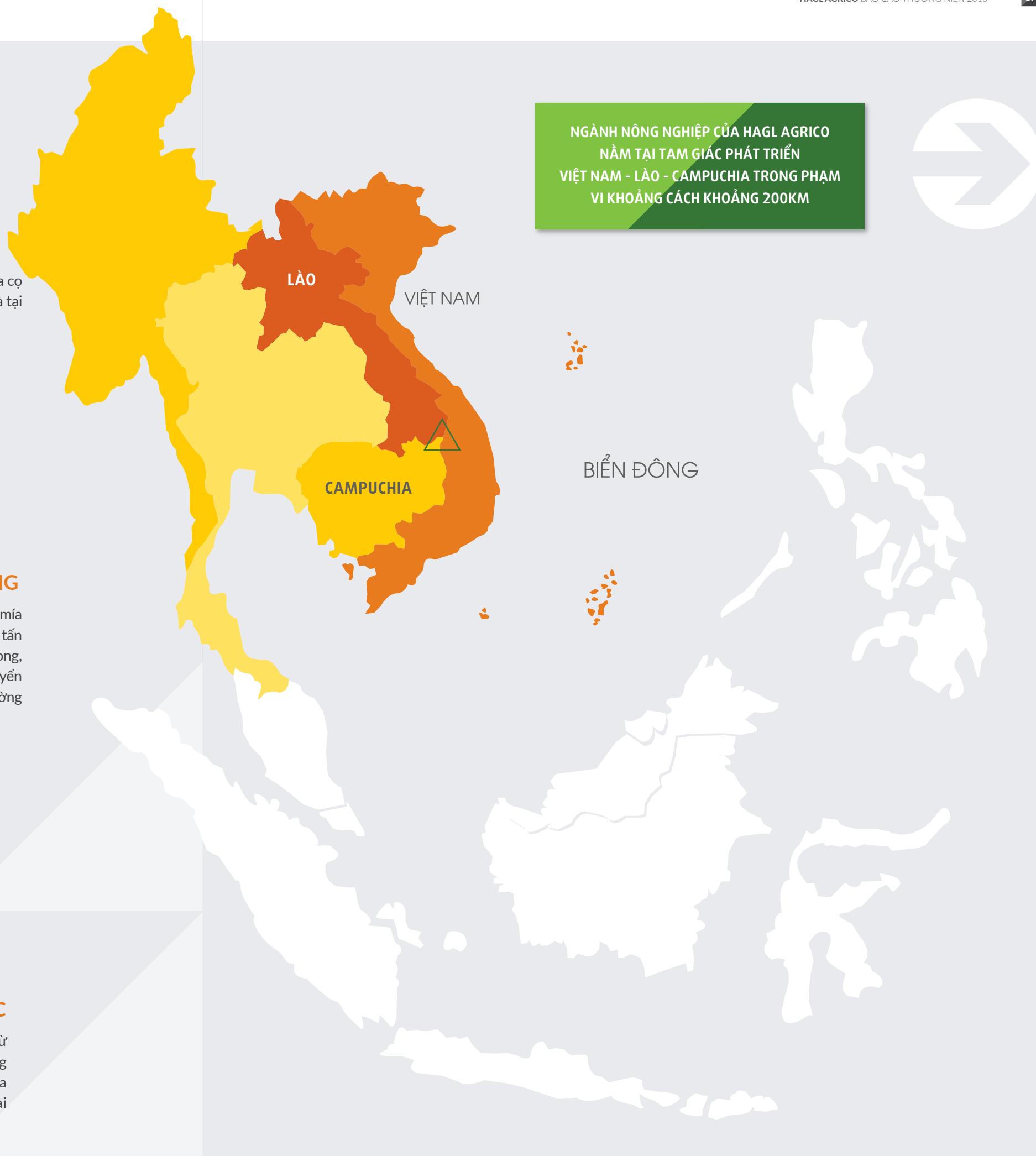
Bao gồm cụm công nghiệp mía đường với vùng mía nguyên liệu 6.000 ha và nhà máy công suất 7.000 tấn mía cây/ngày tại Huyện Samakhixay và Phouvong, Tỉnh Attapeu. Công ty đang tiến hành thủ tục chuyển nhượng vốn góp tại Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai.

**DIỆN TÍCH TRỒNG  
6.000 HA**



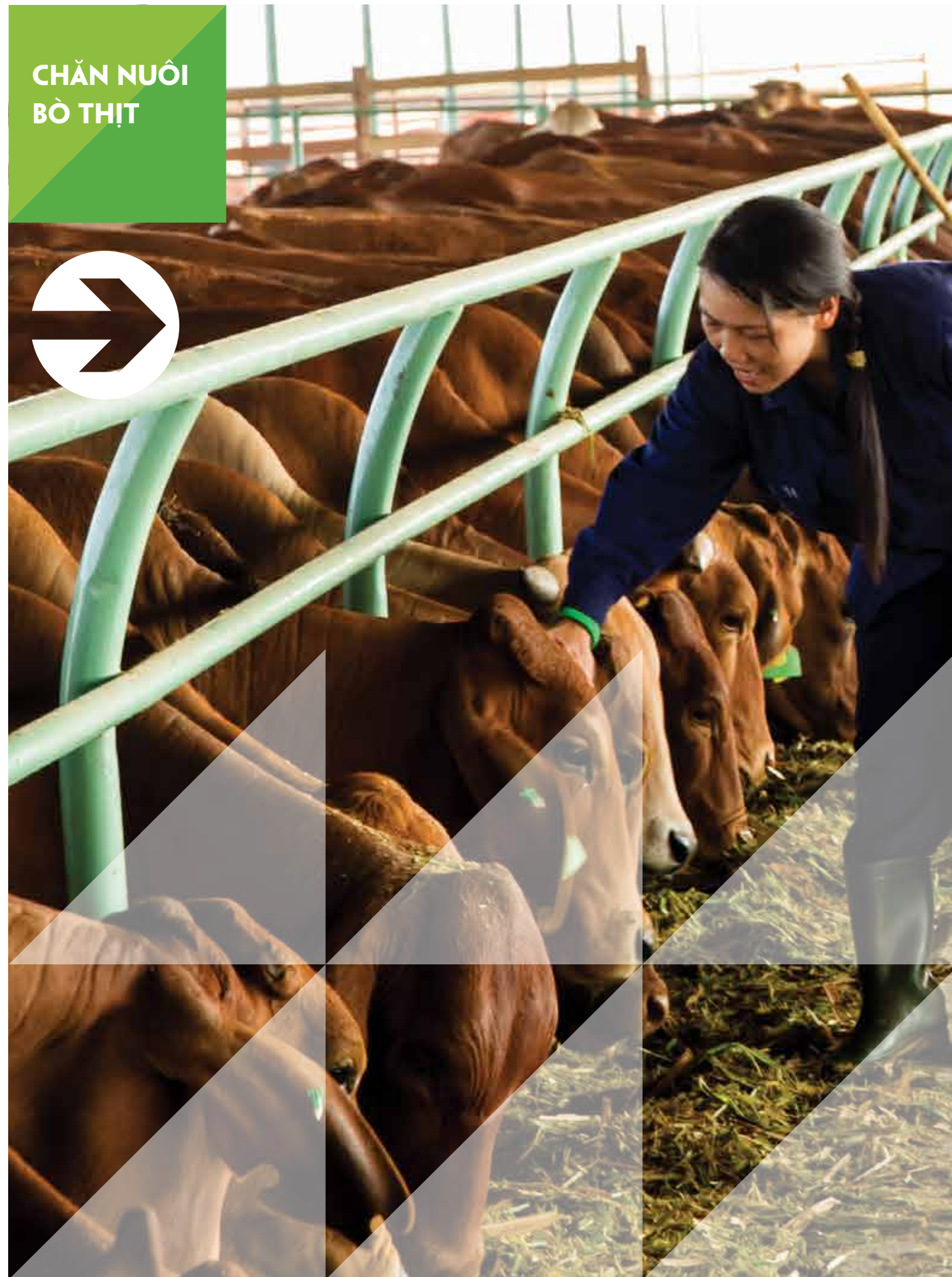
### CHANH DÂY & CÂY ĂN QUẢ KHÁC

Công ty tham gia vào dự án trồng chanh dây từ đầu năm 2016. Ngoài ra, Công ty còn tận dụng quỹ đất dôi dư tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng thanh long, chuối và hơn mười loại cây ăn quả khác.





## CHĂN NUÔI BÒ THỊT



Công ty bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt từ giữa năm 2014, và chọn giống bò Brahman của Úc làm sản phẩm chính.

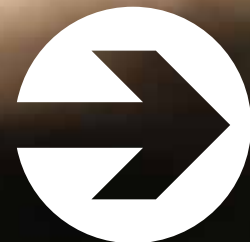
Để có được vị thế cạnh tranh với thịt nhập khẩu ngay trên thị trường nội địa, HAGL Agrico đã có chiến lược chi phí thấp bằng cách “công nghiệp hóa – cơ giới hóa” lĩnh vực chăn nuôi bò thịt, để nâng cao chất lượng và hiệu quả chăn nuôi. Đặc biệt với lợi thế về quỹ đất lớn Công ty đã tiến hành trồng cỏ voi Pakchong 1, đáp ứng nguồn thức ăn chứa nhiều chất xơ cho đàn bò.

**Trong năm 2016, Công ty đã xuất bán được 122.740 con mang lại doanh thu 3.469 tỷ đồng.**

TỔNG XUẤT  
BÁN TRONG NĂM  
2016 LÀ  
**122.740**  
CON



## TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN CAO SU



TÍNH ĐẾN 31/12/2016, TỔNG DIỆN TÍCH CAO SU CỦA CÔNG TY LÀ 48.793 HA TRONG ĐÓ 20.361 HA TẠI LÀO, 4.844 HA TẠI VIỆT NAM, VÀ 23.588 HA TẠI CAMPUCHIA.



Diện tích tăng thêm là do trong tháng 2/2016 Công ty đã phát hành 59 triệu cổ phiếu để mua lại 100% vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh.

Công ty hiện đang vận hành một Nhà máy chế biến mủ cao su có công suất 25.000 tấn mủ tươi/năm tại Lào, hai sản phẩm chính là mủ SVR 3L và SVR10.



Trong năm 2016, Công ty đã tiêu thụ được 3.692 tấn, mang lại doanh thu 114 tỷ đồng. Kế hoạch khai thác trong năm 2017 là 18.000 tấn.

DIỆN TÍCH  
TRỒNG  
**48.793**  
HA



## TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN CỌ DẦU



**HIỆN NAY, HAGL AGRICO ĐANG SỞ HỮU 29.307 HA CỌ DẦU, TRONG ĐÓ TẠI TỈNH ATTAPEU, LÀO LÀ 6.861 HA VÀ TẠI TỈNH RATTANAKIRI, CAMPUCHIA LÀ 22.446 HA.**

Cây cọ dầu là loại cây cho sản lượng dầu cao nhất trong các loại cây có dầu, thành phần dầu phong phú, giá trị dinh dưỡng cao. Các sản phẩm thu được từ buồng quả cọ dầu rất đa dạng, bao gồm:

### Sản phẩm chính:

- Dầu cọ thô: chế biến từ thịt quả cọ, chiếm tỷ lệ 22,5% trọng lượng buồng quả.
- Dầu nhân cọ: chế biến từ hạt, chiếm tỷ lệ 2,5% trọng lượng buồng quả.

Dầu cọ thô và dầu nhân cọ là các nguyên liệu sau khi tinh chế sẽ cung cấp cho ngành thực phẩm, mỹ phẩm và một phần cho ngành công nghiệp khác.

### Sản phẩm phụ:

- Buồng quả rỗng và xơ quả sau khi ép hết dầu: dùng làm nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện hoặc ủ làm phân bón cho vườn cây.
- Bã nhân cọ: làm thức ăn chăn nuôi.
- Vỏ sọ của nhân cọ: dùng làm nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện, sản xuất than hoạt tính hoặc sử dụng làm lớp phủ túi bầu cây con trong vườn ươm.



DIỆN TÍCH  
TRỒNG  
**29.307**  
**HA**





# TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN MÍA ĐƯỜNG



Bao gồm vùng nguyên liệu mía 6.000 ha để phục vụ cho nhà máy đường công suất ép 7.000 tấn mía cây/ngày.

Hiện nay, Công ty đang tiến hành thủ tục chuyển nhượng vốn góp tại Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai.



DIỆN TÍCH TRỒNG  
**6.000 HA**



## CHANH DÂY VÀ CÂY ĂN QUẢ KHÁC



**CÔNG TY THAM GIA VÀO DỰ ÁN TRỒNG CHANH DÂY VÀ CHUỖI GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU QUẢ CHANH DÂY CÓ NGUỒN GỐC TỪ LÀO VÀ VIỆT NAM TỪ ĐẦU NĂM 2016.**

Các vườn cây chanh dây được trồng và thu hoạch theo tiêu chuẩn GlobalGAP nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, chất lượng cao, có thể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

Các dự án đều sử dụng giống Chanh dây Đài Nông 1, được chiết ghép từ nguồn cây giống đầu dòng đạt năng suất cao và chất lượng tốt nhất.

Sản phẩm chính là quả chanh dây tươi xuất khẩu và ruột chanh dây dùng làm nguyên liệu để cung cấp cho các Công ty sản xuất nước giải khát.

Ngoài ra, Công ty còn tận dụng quỹ đất trống tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng thanh long, chuối và hơn mười loại cây ăn quả khác.





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA HAGL AGRICO



### I. MỤC TIÊU TRONG NĂM 2017

#### MỤC TIÊU LỚN NHẤT: CÔNG TY HOẠT ĐỘNG AN TOÀN, ĐẢM BẢO THANH KHOẢN

##### Trồng mới và Chăm sóc:

- Tận dụng quỹ đất dôi dư tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng chuối, thanh long và hơn mười loại cây ăn quả khác.
- Chăm sóc 48.793 ha cao su.

##### Thu hoạch mủ cao su, bò thịt và trái cây:

- Bán 40.000 con bò, mang lại doanh thu 1.240 tỷ đồng.
- Thu hoạch 18.000 tấn mủ cao su, mang lại doanh thu 745 tỷ đồng.
- Thu hoạch 56.250 tấn chanh dây, mang lại doanh thu 1.050 tỷ đồng.
- Thu hoạch 17.000 tấn thanh long, mang lại doanh thu 680 tỷ đồng.
- Thu hoạch 50.000 tấn chuối, mang lại doanh thu 843 tỷ đồng.

Thành lập Công ty phân phối trái cây tại Tp.HCM để bán trái cây trong nước



### II. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

#### SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NÔNG NGHIỆP ĐỂ TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN VÀ TẠO RA SỰ KHÁC BIỆT.

Định vị là Công ty trồng trọt và chăn nuôi tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và hàng đầu Việt Nam

Sản phẩm chủ lực là cao su, dầu cọ và bò thịt. Từng bước phát triển cây ăn quả.

Khách hàng mục tiêu là các Công ty thuộc ngành công nghiệp chế biến sử dụng nguyên liệu từ nông nghiệp. Các khách hàng trong và ngoài nước tiêu thụ trái cây theo số lượng lớn.

Lợi ích cốt lõi cho khách hàng là sự an tâm đối với sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu HAGL Agrico do tính rõ ràng và minh bạch trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

### III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường và chia sẻ cho cộng đồng xã hội các giá trị lợi ích mà mình thu được từ hoạt động đầu tư và kinh doanh.
- Tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương.





# NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG





## THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ CƠ QUAN QUẢN TRỊ CÔNG TY, CÓ TOÀN QUYỀN NHÂN DANH CÔNG TY ĐỂ QUYẾT ĐỊNH, THỰC HIỆN CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY KHÔNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CÓ 07 THÀNH VIÊN, MỖI NHIỆM KỲ TỐI ĐA CỦA TỪNG THÀNH VIÊN LÀ 05 NĂM. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ DO HĐQT BẦU RA.



### 01. ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1963
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

01. Ông Đoàn Nguyên Đức  
Chủ tịch HĐQT

02. Ông Võ Trường Sơn  
Thành viên HĐQT

03. Ông Đoàn Nguyên Thu  
Thành viên HĐQT

04. Ông Nguyễn Xuân Thắng  
Thành viên HĐQT

05. Bà Võ Thị Huyền Lan  
Thành viên HĐQT

06. Ông Nguyễn Ngọc Ánh  
Thành viên HĐQT

07. Ông Nguyễn Quan Anh  
Thành viên HĐQT



### 02. ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính, bằng CFA, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 8/1996 đến tháng 11/2003: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C
  - Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
  - Từ tháng 10/2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

### 03. ÔNG ĐOÀN NGUYỄN THU Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế của trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Fullerton, Hoa Kỳ
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1999 đến năm 2000: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Sài Gòn
  - Từ năm 2003 đến năm 2004: Công tác tại Công ty TNHH Việt May
  - Từ năm 2004 đến năm 2006: Công tác tại Xí nghiệp tư Doanh Hoàng Anh
  - Từ năm 2006 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai
  - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



## THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



#### 04. ÔNG NGUYỄN XUÂN THẮNG

Thành viên HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính  
doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1999 đến năm 2000:  
Công tác tại Công ty Cà phê 15  
- Bình Đoàn 15
  - + Từ năm 2000 đến năm 2003:  
Công tác tại Công ty TNHH Hưng Bình
  - + Từ năm 2003 đến năm 2004:  
Công tác tại Công ty TNHH Trung Hiếu
  - + Từ năm 2004 đến năm 2005:  
Công tác tại Tổng công ty viễn  
thông quân đội
  - + Từ năm 2005 đến năm 2007:  
Công tác tại Trường trung học  
lâm nghiệp Tây Nguyên
  - + Từ năm 2007 đến nay:  
Công tác tại Công ty cổ phần  
Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:  
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức  
khác: Thành viên HĐQT kiêm  
Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần  
Hoàng Anh Gia Lai

#### 05. BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM,  
MBA Thương mại Cao cấp HEC - Pháp,  
Thạc sỹ Tài chính Đại học Dauphine - Pháp
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1996 đến năm 1998:  
Kế toán trưởng Công ty Prezioso
  - + Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng  
Công ty Escape Bourbon An Lạc Việt Nam
  - + Từ năm 2002 đến năm 2006:  
Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính  
hệ thống Siêu thị BigC Việt Nam
  - + Từ năm 2007 đến nay:  
Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:  
Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - + Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần  
Bourbon Bến Lức
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mỹ Lan
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần  
thực phẩm Agrex Sài Gòn
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần  
Hoàng Anh Gia Lai

#### 06. ÔNG NGUYỄN NGỌC ÁNH

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1984 đến năm 1989: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Đăk Lăk
  - + Từ năm 1989 đến năm 1993: Công tác tại  
Nhà máy Cơ khí 17-3 Thành phố Pleiku
  - + Từ năm 1995 đến năm 1997: Công tác tại Công ty Mía đường Gia Lai
  - + Từ năm 1997 đến năm 2002:  
Giám đốc Nhà máy đường Bourbon Gia Lai
  - + Từ năm 2002 đến năm 2007: Phó Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai
  - + Từ năm 2007 đến năm 2009: Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần mía đường nhiệt điện Gia Lai
  - + Từ năm 2009 đến năm 2011: Chủ tịch HĐQT Công ty  
mía đường nhiệt điện Gia Lai, kiêm  
Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
  - + Từ năm 2011 đến 2016: Giám đốc Công ty Cổ phần  
Mía đường Hoàng Anh Gia Lai, Giám đốc Công ty  
Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu
  - + Từ tháng 12 năm 2016 đến nay: Giám đốc Công ty  
cổ phần Cao su Trung Nguyên, Giám đốc Chi nhánh  
Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai, thuộc Công ty  
Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên, Giám đốc Chi nhánh  
Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai, thuộc Công ty  
Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

#### 07. ÔNG NGUYỄN QUAN ANH

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1969
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1993 đến năm 2005:  
Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh  
Hoàng Anh
  - + Từ năm 2006 đến năm 2009:  
Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ xuất  
khẩu Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ năm 2010 đến tháng 6/2012:  
Giám đốc Công ty Cổ phần  
Khoáng sản Gia Lai
  - + Từ năm 2013 đến 2015:  
Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần  
Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai,  
Giám đốc Công ty Cổ phần  
Khoáng sản Kon Tum
  - + Từ năm 2016 đến nay:  
Giám đốc Công ty TNHH MTV  
Nông nghiệp Daun Penh
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:  
Thành viên HĐQT  
kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:  
Giám đốc Công ty TNHH MTV  
Nông nghiệp Daun Penh



## THÔNG TIN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**04. ÔNG NGUYỄN XUÂN THẮNG**  
Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HDQT)

01. Ông Nguyễn Xuân Thắng  
Tổng Giám đốc

02. Ông Trịnh Xuân Nhân  
Phó Tổng Giám đốc

03. Ông Phan Thanh Thủ  
Phó Tổng Giám đốc

04. Ông Hoàng Đình Quý  
Phó Tổng Giám đốc

05. Ông Nguyễn Ngọc Ánh  
Phó Tổng Giám đốc

06. Ông Nguyễn Quan Anh  
Phó Tổng Giám đốc

07. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh  
Phó Tổng Giám đốc



**02. ÔNG TRỊNH XUÂN NHÂN**  
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1960
- Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2010 đến tháng 04/2015:  
Công tác tại Công ty Cổ phần  
Cao su Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 04/2015 đến nay:  
Công tác tại Công ty  
Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:  
Phó Tổng Giám đốc



**03. ÔNG PHAN THANH THỦ**  
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn:  
Nghệ thuật âm nhạc Huế
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1984 đến năm 1992:  
Công tác tại Đoàn nghệ thuật Đam San
  - + Từ năm 1993 đến năm 2003:  
Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh  
Hoàng Anh
  - + Từ năm 2003 đến tháng 5/2016:  
Giám đốc Công ty TNHH Phát triển  
Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:  
Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ  
tại tổ chức khác:  
Thành viên HDQT Công ty Cổ phần  
Hoàng Anh Gia Lai



## THÔNG TIN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**04. ÔNG HOÀNG ĐÌNH QUÝ**  
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1983 đến năm 1987: Đi bộ đội thuộc đơn vị C6E546 - F473 - Binh đoàn 12
  - + Từ năm 1988 đến năm 2007: Công tác tại Công ty TNHH MTV Cao su Chư Pah
  - + Từ năm 2008 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp cao su Hoàng Anh Quang Minh
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp cao su Hoàng Anh Quang Minh



**06. ÔNG NGUYỄN NGỌC ÁNH**  
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HĐQT)



**07. ÔNG NGUYỄN QUAN ANH**  
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HĐQT)



**05. BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH**  
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2001 đến 2006: Công tác tại Xí Nghiệp Tư doanh Hoàng Anh. Giữ chức trưởng phòng kinh doanh năm 2004
  - + Từ năm 2006 đến 2008: Công tác tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia lai. Giữ chức vụ Phó giám đốc chi nhánh Nhà máy gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai
  - + Năm 2009: Giữ chức vụ Phó phòng Kế hoạch Đầu tư và Dự án từ tháng 1 đến tháng 4/2009. Giữ chức Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai từ tháng 4/2009
  - + Từ năm 2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai. Giữ chức Giám đốc từ tháng 9/2013. Kiểm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai từ tháng 12/2014. Kiểm Phó Giám đốc tài chính Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai kể từ tháng 2/2015
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - + Giám đốc Công ty cổ phần gỗ Hoàng Anh Gia Lai
  - + Phó Giám đốc phụ trách tài chính Bệnh viện Đại học y dược - Hoàng Anh Gia Lai
  - + Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



## THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT



### 01. ÔNG LÊ HỒNG PHONG Trưởng Ban Kiểm Soát

- Năm sinh: 1980
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2003 đến năm 2004: Trợ lý kiểm toán Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tư vấn tài chính Sài Gòn
  - + Từ năm 2004 đến năm 2010: Trợ lý kiểm toán, nhóm trưởng kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
  - + Từ năm 2010 đến năm 2011: Chuyên viên ban kiểm soát nội bộ phụ trách về tài chính Tập đoàn Đất Xanh
  - + Từ năm 2011 đến năm 2015: Phó phòng kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 9 năm 2016: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương
  - + Từ tháng 10 năm 2016 đến nay: Trưởng phòng kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 12 năm 2016 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu



### 02. ÔNG PHẠM NGỌC CHÂU Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2001 đến năm 2003: Làm việc tại Công ty cổ phần Phát Triển Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn
  - + Từ năm 2004 đến năm 2007: Làm việc tại Công ty TNHH Âu Á
  - + Từ năm 2008 đến năm 2012: Làm việc tại Công ty cổ phần Quản lý Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ năm 2012 đến nay: Làm việc tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không





# TỪNG BƯỚC CẢI TIẾN





## BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

### DIỄN BIẾN CHỈ TIÊU DOANH THU THEO NGÀNH



| CHỈ TIÊU THỰC HIỆN | THỰC HIỆN<br>NĂM 2016<br>(Tỷ VNĐ) | THỰC HIỆN<br>NĂM 2015<br>(Tỷ VNĐ) | TĂNG/GIẢM SO<br>VỚI NĂM 2015<br>% | KẾ HOẠCH<br>NĂM 2016<br>(Tỷ VNĐ) | HOÀN THÀNH<br>SO VỚI KẾ HOẠCH<br>% |
|--------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| Bò                 | 3.469                             | 2.541                             | 36,52                             | 3.365                            | 103,09                             |
| Mía đường          | 463                               | 958                               | -51,67                            | 370                              | 125,14                             |
| Hàng hóa           | 513                               | 352                               | 45,74                             | 311                              | 164,95                             |
| Bấp                | 135                               | 296                               | -54,39                            | 136                              | 99,26                              |
| Xây dựng           | 0                                 | 284                               | -100,00                           |                                  |                                    |
| Cao su             | 114                               | 197                               | -42,12                            | 127                              | 89,78                              |
| Bất động sản       | 31                                | 57                                | -45,14                            |                                  |                                    |
| Dịch vụ            | 51                                | 45                                | 13,33                             |                                  |                                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>4.776</b>                      | <b>4.730</b>                      | <b>1</b>                          | <b>4.309</b>                     | <b>111</b>                         |

## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

TRONG NĂM 2016, TỔNG DOANH THU CỦA HAGL AGRICO ĐẠT MỨC 4.776 TỶ ĐỒNG, TĂNG 1% SO VỚI NĂM 2015

Trong đó:



# 3.469

Doanh thu ngành bò đạt 3.469 tỷ đồng, chiếm 72,63% trong cơ cấu tổng doanh thu, đây là mảng kinh doanh đem lại doanh thu lớn cho HAGL Agrico trong năm nay.



# 114

Doanh thu mủ cao su đạt 114 tỷ đồng, chiếm 2,39% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 42% so với năm 2015.



# 135

Doanh thu bắp đạt 135 tỷ đồng, chiếm 2,83% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 54% so với năm 2015.



# 463

Doanh thu đường đạt 463 tỷ đồng, chiếm 9,69% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 52% so với năm 2015.



# 513

Doanh thu sản phẩm, hàng hóa đạt 513 tỷ đồng, chiếm 10,74% trong cơ cấu tổng doanh thu và tăng 46% so với năm 2015.



# 51

Doanh thu dịch vụ đạt 51 tỷ đồng, chiếm 1,07% trong cơ cấu tổng doanh thu và tăng 13% so với năm 2015.



# 31

Doanh thu bất động sản đạt 31 tỷ đồng, chiếm 0,65% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 45% so với năm 2015.



**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG  
NĂM 2016**  
(TIẾP THEO)

## II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### 01. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

HAGL Agrico xác định sở hữu nguồn nhân lực tốt là yếu tố hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Công ty.



TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016 HAGL AGRICO CÓ

**12.365**  
NHÂN VIÊN

HAGL Agrico không ngừng tuyển dụng đội ngũ chuyên gia trình độ cao, đội ngũ nhân viên mới, dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm, bằng cấp và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí, nhằm phát triển hệ thống nguồn nhân lực, nâng cao về trình độ và khả năng cho nhân viên. Công ty trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch. Công ty tuyển dụng lao động theo đúng độ tuổi được quy định trong bộ Luật về lao động của mỗi quốc gia.

HAGL Agrico khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mình trong công việc. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, mời các chuyên gia nước ngoài về huấn luyện kỹ thuật ở tất cả các lĩnh vực để cải tiến chất lượng, nâng cao trình độ chuyên môn và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi cá nhân. Nhờ vậy, tất cả các nhân viên đều được cập nhật thường xuyên về chuyên môn kỹ thuật, các chính sách và tình hình hoạt động của Công ty, trang bị các kỹ năng cơ bản để thực hiện tốt công việc được giao.

HAGL Agrico tuân thủ chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật. Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày, cùng với các ngày nghỉ phép, nghỉ lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các nước sở tại nơi HAGL Agrico đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, các chế độ cho người lao động cũng được Công ty phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời và đầy đủ cho người lao động như chế độ ốm đau của người lao động, chế độ thai sản đối với nhân viên nữ khi sinh con, chế độ trợ cấp cho nam khi có vợ sinh con cũng được công ty giải quyết.

Mặt khác, Công ty cũng rất quan tâm đến vấn đề sức khỏe của nhân viên. Ngoài việc khám bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế, Công ty còn hỗ trợ với hình thức miễn giảm chi phí điều trị tại Bệnh viện Đại học Y dược – Hoàng Anh Gia Lai, đặc biệt đối với người lao động được cử đi công tác tại Lào và Campuchia.



Vấn đề an toàn lao động được tuân thủ nghiêm khắc tại Công ty để đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động. Các khóa huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy thường xuyên được tổ chức cho cán bộ công nhân viên, trang bị đồ dùng bảo hộ lao động đầy đủ, kịp thời đáp ứng theo yêu cầu của công việc. Công ty ban hành và giám sát chặt chẽ việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, đồng thời thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại nơi làm việc.

Tại HAGL Agrico, công việc được sắp xếp, phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi người nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình. HAGL Agrico có chủ trương ưu ái đối với nguồn nhân lực địa phương vì tính ổn định cao và góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại địa bàn.

Với tinh thần “Đoàn kết là sức mạnh”, Công ty luôn hướng tới mục tiêu xây dựng một môi trường làm việc mà ở đó mỗi người lao động luôn có sự gắn kết, hỗ trợ tương tác lẫn nhau trong công việc vì một HAGL Agrico phát triển bền vững.



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 (TIẾP THEO)

### II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

#### 02. THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2016

| STT | TÊN CÁ NHÂN       | CHỨC VỤ                     | THỜI ĐIỂM THAY ĐỔI | LÝ DO                                |
|-----|-------------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 01  | Hồ Thị Tuyết Loan | Kế toán trưởng              | 02/08/2016         | Bổ nhiệm Kế toán trưởng              |
| 02  | Đỗ Văn Hải        | Kế toán trưởng              | 02/08/2016         | Từ nhiệm Kế toán trưởng              |
| 03  | Đào Định Phương   | Thành viên<br>Ban kiểm soát | 19/11/2016         | Từ nhiệm thành viên<br>Ban kiểm soát |

### III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ VNĐ

| Chỉ tiêu                               | Năm 2016      | Năm 2015      | % tăng, giảm |
|--|---------------|---------------|--------------|
| <b>Tổng giá trị tài sản</b>            | <b>35.468</b> | <b>26.736</b> | <b>32,7</b>  |
| Trong đó: - Tài sản ngắn hạn           | 6.643         | 7.221         | (8,0)        |
| - Tài sản dài hạn                      | 28.825        | 19.515        | 47,7         |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                   | 10.484        | 9.749         | 7,5          |
| <b>Nợ phải thu</b>                     | <b>7.174</b>  | <b>5.272</b>  | <b>36,1</b>  |
| Trong đó: - Phải thu ngắn hạn          | 4.649         | 3.889         | 19,6         |
| - Phải thu dài hạn                     | 2.525         | 1.384         | 82,5         |
| <b>Nợ phải trả</b>                     | <b>24.984</b> | <b>16.987</b> | <b>47,1</b>  |
| Trong đó: - Nợ ngắn hạn                | 6.125         | 7.030         | (12,9)       |
| - Nợ dài hạn                           | 18.859        | 9.957         | 89,4         |
| Hàng tồn kho                           | 1.672         | 2.966         | (43,6)       |
| Doanh thu thuần                        | 4.776         | 4.731         | 1,0          |
| Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh | -412          | 823           | (150,0)      |
| Lợi nhuận (lỗ) khác                    | -566          | -108          | 422,0        |
| Lợi nhuận (lỗ) trước thuế              | -978          | 715           | (236,7)      |
| Lợi nhuận (lỗ) sau thuế                | -1.020        | 744           | (237,1)      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu               | -1.298        | 1.176         | (210,4)      |

#### B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Các chỉ tiêu  | Năm 2016 | Năm 2015 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <b>01. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                    |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:                                  |          |          |         |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn  | 1,08     | 1,03     |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh:                                     |          |          |         |
| TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn                               | 0,81     | 0,61     |         |
| <b>02. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                             |          |          |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                       | 0,70     | 0,64     |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                     | 2,38     | 1,74     |         |
| <b>03. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>                      |          |          |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                    | -21,4%   | 15,7%    |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                     | -9,7%    | 7,6%     |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                       | -2,9%    | 2,8%     |         |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/<br>Doanh thu thuần | -8,6%    | 17,4%    |         |



**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG  
NĂM 2016**  
(TIẾP THEO)

**IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ  
VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN  
ĐẾN NGÀY 31/12/2016**

**01. CHĂN NUÔI BÒ THỊT**

Trong năm 2016 tổng đàn bò công ty xuất bán là 122.740 con, mang lại doanh thu 3.469 tỷ đồng.

Với quỹ đất lớn Công ty đã tiến hành trồng cỏ voi Pakchong 1, đáp ứng nguồn thức ăn chứa nhiều chất xơ cho đàn bò.



DOANH THU  
**3.469**  
TỶ

TỔNG ĐÀN BÒ XUẤT BÁN  
**122.740 CON**

**02. CỌ DẦU**

Công ty đang duy trì ổn định và chăm sóc 29.307 ha cọ dầu, trong đó tại tỉnh Attapeu, Lào là 6.861 ha và tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 22.446 ha. Công ty sẽ không mở rộng diện tích cọ dầu. Công ty đã hoàn thành nhà máy chế biến dầu cọ công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ tại Campuchia.



DIỆN TÍCH ĐÃ TRỒNG  
**29.307 HA**

**03. MÍA ĐƯỜNG**

Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng vốn góp tại Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai.



DIỆN TÍCH HIỆN TẠI  
**6.000 HA**

**04. CAO SU**

Đến cuối năm 2016, tổng diện tích cao su của Công ty là 48.793 ha, trong đó 20.361 ha tại Lào, 4.844 ha tại Việt Nam, và 23.588 ha tại Campuchia. Công ty sẽ không tăng thêm diện tích cây cao su. Nhà máy chế biến mủ cao su công suất 25.000 tấn/năm tại Lào vẫn đang hoạt động tốt với 2 sản phẩm chủ yếu là SVR 3L, SVR 10.

**Công tác cạo mủ:** triển khai cạo mủ có chọn lọc đối với cây có kích thước lớn, dự kiến đến năm 2022, toàn bộ diện tích cao su sẽ được khai thác mủ.



DIỆN TÍCH HIỆN TẠI  
**48.793 HA**

**05. CHANH DÂY**

Trong năm 2016, Công ty triển khai dự án trồng chanh dây theo tiêu chuẩn GlobalGAP nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, chất lượng cao, có thể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

Ngoài ra, Công ty còn tận dụng quỹ đất trống tại Lào và Campuchia để trồng thanh long, chuối và hơn mười loại cây ăn quả khác.





**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG  
NĂM 2016**  
(TIẾP THEO)

**V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,  
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ  
CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**1. CỔ PHẦN**

(Tính đến ngày 20/03/2017)

**01. Tổng số cổ phần đang lưu hành: 767.143.895 cổ phần**

Trong đó cổ phần phổ thông: 767.143.895 cổ phần

**02. Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 767.143.895 cổ phần**

**03. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần**

**04. Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần**

**2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

| STT | DANH MỤC                                       | SỐ LƯỢNG<br>CỔ PHIẾU | TỶ LỆ %        | SỐ LƯỢNG<br>CỔ ĐÔNG | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG |              |
|-----|--|----------------------|----------------|---------------------|----------------|--------------|
|     |  |                      |                |                     | TỔ CHỨC        | CÁ NHÂN      |
| 1   | Cổ đông Nhà nước                               | 0                    | 0%             | 0                   | 0              | 0            |
| 2   | Cổ đông sáng lập/<br>cổ đông FDI               | 540.463.340          | 70,45%         | 2                   | 1              | 1            |
| 3   | Cổ đông lớn (sở hữu<br>từ 5% cổ phiếu trở lên) | 0                    |                |                     |                |              |
| 4   | Công đoàn Công ty                              | 0                    |                |                     |                |              |
| 5   | Cổ phiếu quỹ                                   | 0                    |                |                     |                |              |
| 6   | Cổ đông khác                                   | 226.680.555          | 29,55%         | 3.213               | 39             | 3.174        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                               | <b>767.143.895</b>   | <b>100,00%</b> | <b>3.215</b>        | <b>40</b>      | <b>3.175</b> |
|     | Trong đó: - Trong nước                         | 762.623.315          | 99,41%         | 3.175               | 24             | 3.151        |
|     | - Nước ngoài                                   | 4.520.580            | 0,59%          | 40                  | 16             | 24           |

**3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

| NỘI DUNG                               | VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ) |
|--|-------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu đầu kỳ       | 7.081.438.950.000 |
| Tăng vốn chủ sở hữu năm 2016           | 590.000.000.000   |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu sau khi tăng | 7.671.438.950.000 |

**Tăng vốn năm 2016:**

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0610/15/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 06/10/2015 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 3010/15/N-QHĐQT-HAGL Agrico ngày 30/10/2015 thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ 590.000.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Ngày 08/03/2016 Công ty nhận được Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ Công ty lên 7.671.438.950.000 đồng.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, kết quả kinh doanh của nhóm Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico, Công ty) chưa đạt như kế hoạch đề ra. Lỗ trên báo cáo tài chính hợp nhất là 1.020 tỷ đồng. Nguyên nhân gây ra khoản lỗ là do chi phí tài chính tăng và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, biên lợi nhuận của ngành bò đã giảm và trong năm 2016 Công ty đã tiến hành đánh giá lại giá trị một số tài sản.

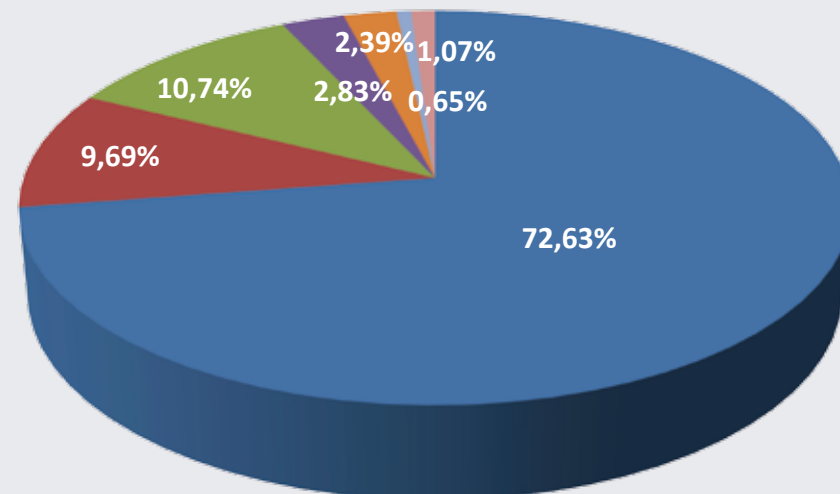
Mặc dù Công ty chưa đạt được chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận hợp nhất năm 2016 nhưng Công ty đã thực hiện xong việc cơ cấu lại các khoản nợ để phù hợp với dòng tiền thu được từ các dự án.

#### 01. DOANH THU

| NGÀNH KINH DOANH | 2016                |            | 2015                |            | 2014                |            |
|------------------|---------------------|------------|---------------------|------------|---------------------|------------|
|                  | Doanh thu (Tỷ đồng) | Tỷ trọng % | Doanh thu (Tỷ đồng) | Tỷ trọng % | Doanh thu (Tỷ đồng) | Tỷ trọng % |
| Bò               | 3.469               | 72,63      | 2.541               | 53,72      | 0                   | 0,00       |
| Mía đường        | 463                 | 9,69       | 958                 | 20,25      | 1.042               | 47,11      |
| Hàng hóa         | 513                 | 10,74      | 352                 | 7,44       | 200                 | 9,04       |
| Bắp              | 135                 | 2,83       | 296                 | 6,26       | 205                 | 9,27       |
| Xây dựng         | -                   | -          | 284                 | 6,00       | 482                 | 21,79      |
| Cao su           | 114                 | 2,39       | 197                 | 4,16       | 226                 | 10,22      |
| Bất động sản     | 31                  | 0,65       | 57                  | 1,21       | 35                  | 1,58       |
| Dịch vụ          | 51                  | 1,07       | 45                  | 0,95       | 22                  | 0,99       |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>4.776</b>        | <b>100</b> | <b>4.730</b>        | <b>100</b> | <b>2.212</b>        | <b>100</b> |

#### CƠ CẤU DOANH THU 2016 (TỶ ĐỒNG)

- Bò
- Mía đường
- Hàng hóa
- Bắp
- Xây dựng
- Cao su
- Bất động sản
- Dịch vụ



#### Tỷ trọng Doanh thu và so sánh với năm 2015

Doanh thu bò thịt đạt 3.469 tỷ đồng, chiếm 72,63% trong cơ cấu tổng doanh thu và tăng 37% so với năm 2015.

Doanh thu đường đạt 463 tỷ đồng, chiếm 9,69% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 52% so với năm 2015.

Doanh thu mù cao su đạt 114 tỷ đồng, chiếm 2,39% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 42% so với năm 2015.



Doanh thu sản phẩm, hàng hóa đạt 513 tỷ đồng, chiếm 10,74% trong cơ cấu tổng doanh thu và tăng 46% so với năm 2015.

Doanh thu bất động sản đạt 31 tỷ đồng, chiếm 0,65% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 45% so với 2015.

Doanh thu bắp đạt 135 tỷ đồng, chiếm 2,83% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 54% so với năm 2015.

Doanh thu dịch vụ đạt 51 tỷ đồng chiếm 1,07% trong cơ cấu tổng doanh thu và tăng 13% so với năm 2015.

#### 02. CHI PHÍ

Đơn vị tính: Ngân đồng

| CHỈ TIÊU                     | NĂM 2016    | NĂM 2015    | NĂM 2014    |
|------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Chi phí bán hàng             | 88.270.096  | 72.904.454  | 15.753.442  |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 306.168.650 | 120.958.460 | 87.274.811  |
| Chi phí lãi vay              | 701.146.747 | 364.676.504 | 277.854.593 |

- Chi phí bán hàng tăng so với năm 2015 (tăng 21%) từ 73 tỷ đồng lên mức 88 tỷ đồng, tương ứng với doanh thu bán hàng tăng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 153% so với năm 2015, từ 121 tỷ đồng lên mức 306 tỷ đồng chủ yếu do phần phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ các nghiệp vụ mua vốn cổ phần một số công ty con.
- Chi phí lãi vay không được vốn hóa tăng 92% so với năm 2015, từ 365 tỷ đồng lên mức 701 tỷ đồng. Chi phí lãi vay này chủ yếu phát sinh từ ngành mía đường và chăn nuôi bò thịt.

#### 03. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2016

**Khó khăn:** nợ vay lớn làm chi phí tài chính của HAGL Agrico tăng cao. Trong khi nguồn thu từ cao su chưa lớn và biên lợi nhuận ngành bò thịt suy giảm.

**Thuận lợi:** Giá cao su đã phục hồi trong những tháng cuối năm 2016. Các chủ nợ đã đồng hành cơ cấu lại nợ cho HAGL Agrico.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## 01. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản năm 2016 có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2015 (tương đương 8.733 tỷ đồng). Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2016              | Năm 2015              | Tăng/(giảm)          |            |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|------------|
|                                    |                       |                       | Giá trị              | %          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>6.643.444.600</b>  | <b>7.220.860.465</b>  | <b>-577.415.865</b>  | <b>-8%</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 308.340.423           | 331.961.020           | -23.620.597          |            |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 4.648.948.580         | 3.888.556.900         | 760.391.680          |            |
| Hàng tồn kho                       | 1.671.761.591         | 2.966.320.073         | -1.294.558.482       |            |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 14.394.006            | 34.022.472            | -19.628.466          |            |
| <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>28.824.808.449</b> | <b>19.514.770.142</b> | <b>9.310.038.307</b> | <b>48%</b> |
| Các khoản phải thu dài hạn         | 2.525.035.814         | 1.383.681.815         | 1.141.353.999        |            |
| Tài sản cố định                    | 7.072.654.253         | 5.596.337.810         | 1.476.316.443        |            |
| Tài sản dở dang dài hạn            | 13.359.625.077        | 9.977.184.540         | 3.382.440.537        |            |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 896.161.285           | 311.150.970           | 585.010.315          |            |
| Lợi thế thương mại                 | 3.906.175.398         | 1.244.184.337         | 2.661.991.061        |            |
| Tài sản dài hạn khác               | 1.065.156.622         | 1.002.230.670         | 62.925.952           |            |
| <b>Tổng tài sản</b>                | <b>35.468.253.049</b> | <b>26.735.630.607</b> | <b>8.732.622.442</b> | <b>33%</b> |

## Về Quy mô:

Trong năm 2016, tổng tài sản Công ty đạt 35.468 tỷ đồng, tăng 8.733 tỷ đồng (tương ứng 33%) so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó tài sản dở dang dài hạn tăng 3.382 tỷ đồng và tài sản cố định tăng 1.476 tỷ đồng.

Điều này cho thấy quy mô của doanh nghiệp có sự mở rộng. Trong đó, sự mở rộng quy mô chủ yếu đến từ việc Công ty đã đầu tư vào tài sản dài hạn thông qua việc mua cổ phần công ty Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên.

## Về cơ cấu:

Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, tài sản dài hạn chiếm 81% tổng tài sản.

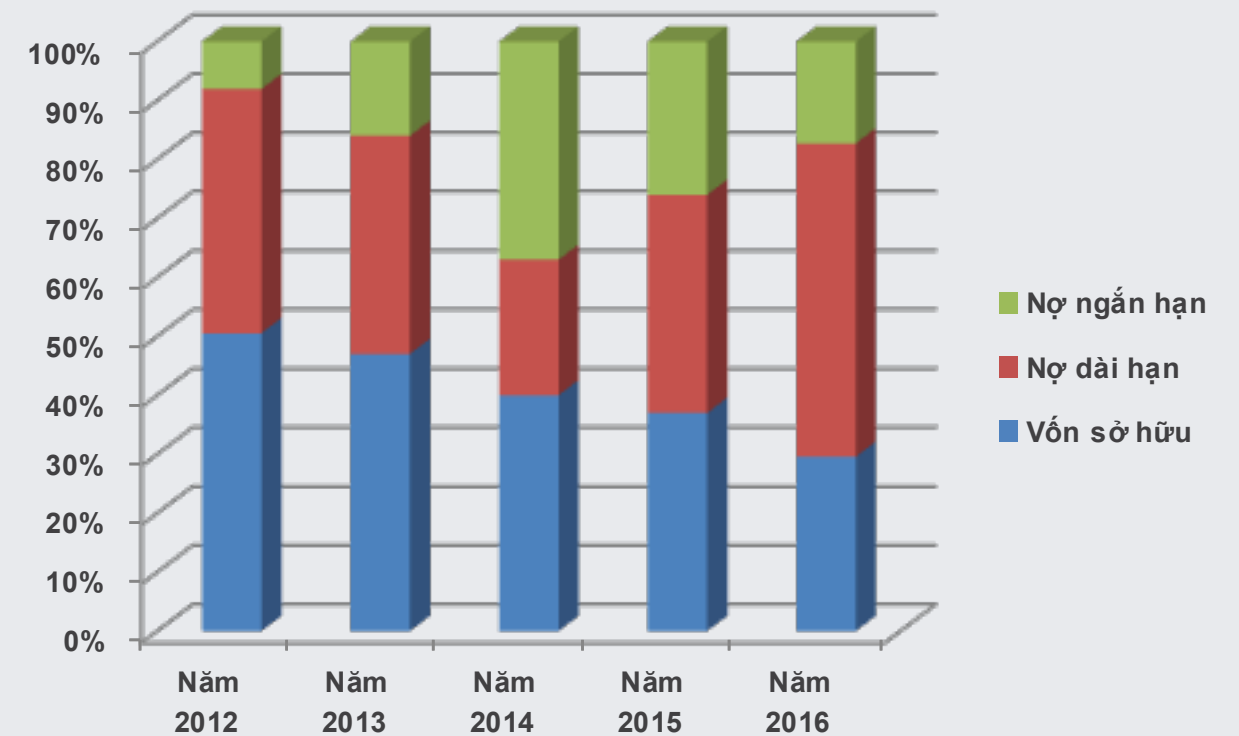
Tài sản dài hạn của HAGL Agrico chủ yếu là các vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu, các trang trại bò và các nhà máy chế biến.

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 02. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả chiếm 70% tổng nguồn vốn, trong đó nợ dài hạn chiếm 53% và nợ ngắn hạn chiếm 17%. Chi tiết như sau:

| Chỉ tiêu    | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Vốn sở hữu  | 50%      | 47%      | 40%      | 37%      | 30%      |
| Nợ dài hạn  | 41%      | 37%      | 23%      | 37%      | 53%      |
| Nợ ngắn hạn | 9%       | 16%      | 37%      | 26%      | 17%      |



Với hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 0,63 lần vào cuối năm 2015 lên 0,7 lần vào cuối năm 2016 và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ mức 1,7 lần vào cuối năm 2015 lên 2,38 lần vào cuối năm 2016 cho thấy Công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính với mong muốn làm gia tăng lợi nhuận ròng trên mỗi cổ phần. Tuy nhiên, việc sử dụng đòn bẩy tài chính này chưa thực sự mang lại hiệu quả cho Công ty do đây là thời điểm chuyển giao giữa giai đoạn kiến thiết cơ bản và giai đoạn hoạt động kinh doanh, trong khi nguồn thu chưa tích lũy đủ lớn nhưng Công ty lại phải chi trả khá nhiều cho các khoản gốc và lãi vay đến hạn dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Công ty bị lỗ.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 03. KHẢ NĂNG SINH LỢI

| CHỈ TIÊU                                   | NĂM 2016 | NĂM 2015 | NĂM 2014 |
|--|----------|----------|----------|
| <b>Khả năng sinh lợi</b>                   |          |          |          |
| Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | -21,4%   | 15,7%    | 33,3%    |
| Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | -9,7%    | 7,6%     | 10,7%    |
| Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | -2,9%    | 2,8%     | 4,3%     |
| <b>Năng lực hoạt động</b>                  |          |          |          |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản               | 13,5%    | 17,7%    | 13,0%    |

Trong năm 2016, các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lợi của Công ty giảm mạnh so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế lỗ trong khi doanh thu thuần chỉ tăng 1%, vốn chủ sở hữu tăng 8% và tổng tài sản tăng 33%.

#### 04. KHẢ NĂNG THANH TOÁN

| CHỈ TIÊU                            | NĂM 2016 | NĂM 2015 | NĂM 2014 |
|-------------------------------------|----------|----------|----------|
| <b>Khả năng thanh toán ngắn hạn</b> |          |          |          |
| Tỷ số thanh khoản hiện thời         | 1,08     | 1,03     | 0,75     |
| Tỷ số thanh khoản nhanh             | 0,81     | 0,61     | 0,57     |
| <b>Cơ cấu vốn</b>                   |          |          |          |
| Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu      | 2,38     | 1,74     | 1,50     |
| Tỷ số nợ so với tổng tài sản        | 0,70     | 0,64     | 0,60     |

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn của HAGL Agrico trong năm 2016 đều tăng lên so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn giảm 905 tỷ đồng (tương ứng -13%) trong khi tài sản ngắn hạn giảm 577 tỷ đồng (tương ứng -8%) và tài sản lưu động trừ hàng tồn kho tăng 717 tỷ đồng (tương ứng 17%).

Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu tăng từ mức 1,7 lần vào cuối năm 2015 lên mức 2,38 lần vào cuối năm 2016, và tỷ số nợ so với tổng tài sản cũng tăng từ mức 0,63 lần vào cuối năm 2015 lên mức 0,7 lần vào cuối năm 2016.

### III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

#### 1.1 CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trong năm 2016, HAGL Agrico đã có những thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức cho phù hợp với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đang có:

**Tổ chức Công ty:** Ngày 22 tháng 2 năm 2016, Nhóm Công ty đã mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương; Ngày 9 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ mua 99,9% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên.

**Tổ chức phòng ban:** HAGL Agrico đã sắp xếp lại các phòng ban phù hợp với yêu cầu của Đề án Tái cấu trúc tổng thể. Giải thể phòng Quản lý tưới nước, Phòng khai thác- chế biến để chuyển giao về các Công ty con quản lý và điều hành; Thành lập một số phòng chức năng mới bao gồm phòng Kinh doanh, phòng Tiêu chuẩn (Global Gap, môi trường & xã hội) và phòng Hành chính- Nhân sự- Đối ngoại. Sáp nhập Phòng Kỹ thuật cây trồng và Phòng bảo vệ thực vật. Để tăng cường quản lý, Phòng tài chính và Pháp chế đã được chuyển lên công ty mẹ (Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai) để quản lý chung phạm vi toàn Tập đoàn HAGL và hỗ trợ trực tiếp cho HAGL Agrico.

#### 1.2 CHÍNH SÁCH

Ngày 1 tháng 8 năm 2016, Công ty đã ban hành Quyết định thời gian đưa vào khai thác vườn cây cao su, theo đó thời gian kiến thiết cơ bản là 7 năm, đến năm thứ 8 đưa vào khai thác. Kế toán trưởng các công ty con căn cứ vào quy định trên để tiến hành kết chuyển vườn cây sang tài sản cố định.

Ngày 1 tháng 11 năm 2016, Công ty đã ban hành Quyết định thời gian đưa vào khai thác vườn cây cọ dầu, theo đó thời gian kiến thiết cơ bản là 4,5 năm. Kế toán trưởng các công ty con căn cứ vào quy định trên để tiến hành kết chuyển vườn cây sang tài sản cố định.

#### 1.3 QUẢN LÝ

Nhằm tăng cường việc giao phó và ủy quyền công việc, đảm bảo tính hiệu quả thực hiện công việc, trong năm 2016 Công ty đã quyết định sắp xếp lại các Phòng chức năng như đã trình bày ở trên.

Công ty đã triển khai việc lập kế hoạch công việc hàng Tuần từ cấp Giám đốc đến cấp Phòng chức năng và cá nhân, từ đó Ban Tổng Giám đốc dễ dàng nắm bắt tình hình làm việc và cải thiện năng lực thực hiện công việc của các phòng chức năng và nhân viên.

Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các phòng chức năng và Giám đốc công ty con để thiết lập mục tiêu, triển khai việc thực hiện kế hoạch, nắm rõ và đôn đốc tình hình sản xuất kinh doanh tại hiện trường cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc.

### IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2017, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc tổng thể trên cơ sở đề cao sự an toàn trong hoạt động đầu tư và kinh doanh.

- Công ty vẫn sẽ tập trung vào các ngành nghề cốt lõi như chăn nuôi bò thịt, thu hoạch cao su và cọ dầu.
- Ngoài ra, tận dụng những lợi thế về đất đai và hạ tầng cho nông nghiệp, Công ty mở rộng có chọn lọc một số diện tích đất dôi dư để trồng cây ăn quả, hướng tới xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.
- Công ty tiếp tục tham gia chuỗi cung ứng trái cây có nguồn gốc từ Việt Nam, Lào, và Campuchia để xuất khẩu ra nước ngoài mà chủ yếu là thị trường Trung Quốc. Công ty cũng dự tính hợp tác với một số đối tác để phát triển chuỗi phân phối trái cây tại Việt Nam.
- Dự kiến trong năm 2017, Công ty sẽ có nguồn thu khả quan từ thanh long, chuối và chanh dây.

### V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Ngoài các cam kết trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội đã được phê duyệt, ban Tổng Giám đốc đã đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện Quyết định của Công ty về việc ban hành quy trình quản lý và sử dụng các loại phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp và Quyết định về việc ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến các dự án đầu tư của HAGL Agrico.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 01. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



**Ngành cao su:** Giá cao su thế giới liên tục phục hồi là đòn bẩy để Công ty đẩy mạnh công tác thu hoạch mủ cao su – là mảng đầu tư chủ lực của Công ty. Dự kiến năm 2017 Công ty sẽ tiến hành thu hoạch 18.000 tấn mủ cao su, mang lại doanh thu 745 tỷ đồng.

**Ngành chăn nuôi:** vẫn đang là ngành đóng góp chính vào nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Dự kiến trong năm 2017 Công ty sẽ xuất bán 40.000 con bò, mang lại doanh thu 1.240 tỷ đồng.

**Ngành mía đường:** Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng vốn góp tại Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai.

**Ngành chanh dây và cây ăn quả:** tận dụng quỹ đất còn dôi dư tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng các loại cây ăn quả. Công ty cũng đã tham gia vào dự án trồng chanh dây và chuối giá trị xuất khẩu chanh dây có nguồn gốc từ Lào và Việt Nam.

**Về tài chính:** Công ty đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, nhờ đó giảm bớt áp lực về dòng tiền trả nợ để có thể tập trung vào đầu tư, chăm sóc và tăng cường quản lý.

**Về hệ thống quản trị:** đang tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo Công ty, tăng cường quản lý theo ngành nghề kinh doanh và thực hiện quản trị chiến lược bao gồm hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá chiến lược.

### 02. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Thông qua các cuộc họp hàng Quý và khi được yêu cầu, Hội đồng Quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc thường xuyên xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc chưa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận được giao trong năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện tái cơ cấu nợ thành công, gia hạn được thời hạn trả nợ vay. Hội đồng Quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc cũng đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành. Hội đồng Quản trị nhận xét rằng các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều có đủ các phẩm chất và kỹ năng cần thiết để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

### 03. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực thi đề án tái cấu trúc như đã trình bày tại Đại hội đồng cổ đông tháng 9 năm 2016. Việc tái cấu trúc giúp cho Công ty cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh, tổ chức và nhân sự một cách hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm, cốt lõi nhằm cải thiện được tình hình tài chính và ổn định sản xuất kinh doanh. Đồng thời tạo tiền đề để Công ty đạt được những mục tiêu chiến lược trong tầm nhìn xa hơn.

Công ty cũng sẽ đẩy mạnh công tác thu hoạch mủ cao su và tập trung nguồn lực các dự án ngắn hạn như chăn nuôi bò thịt, chanh dây và cây ăn quả, vì đây là những dự án tạo ra dòng tiền nhanh, giúp Công ty “lấy ngắn nuôi dài”.





# NÂNG CAO GIÁ TRỊ





## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016 HĐQT Công ty tổ chức họp 7 lần với các nội dung như sau:

- Ngày 31/01/2016, nội dung cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm 31/12/2015;
- Ngày 20/05/2016, nội dung nâng cao công tác quản lý Công ty;
- Ngày 04/07/2016, nội dung chọn Công ty kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2016;
- Ngày 02/08/2016, nội dung thay đổi Kế toán trưởng Công ty;
- Ngày 06/08/2016, nội dung chốt danh sách cổ đông Công ty;
- Ngày 19/08/2016, nội dung cập nhật hình sản xuất kinh doanh và đầu tư 6 tháng đầu năm 2016;
- Ngày 02/12/2016, nội dung bổ nhiệm Giám đốc Công ty con.

Thành phần tham dự:

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------------------|
| 01  | Ông Đoàn Nguyên Đức   | Chủ tịch   | 07                  | 100%              |
| 02  | Ông Võ Trường Sơn     | Thành viên | 07                  | 100%              |
| 03  | Ông Đoàn Nguyên Thu   | Thành viên | 07                  | 100%              |
| 04  | Ông Nguyễn Xuân Thắng | Thành viên | 07                  | 100%              |
| 05  | Bà Võ Thị Huyền Lan   | Thành viên | 07                  | 100%              |
| 06  | Ông Nguyễn Ngọc Ánh   | Thành viên | 07                  | 100%              |
| 07  | Ông Nguyễn Quan Anh   | Thành viên | 07                  | 100%              |

### II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2016, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Hoàn thiện xây dựng đề án tái cấu trúc của Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo các vườn cây cao su, cọ dầu và mía đường được bảo vệ và chăm sóc tốt;
- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, đặc biệt trong công tác quản lý Công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí;
- Chỉ đạo, giám sát việc hoàn thành phát hành riêng lẻ 59.000.000 cổ phiếu Công ty cho nhà đầu tư, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu mới phát hành;
- Chỉ đạo, giám sát trong việc thực hiện tiến trình cơ cấu lại các khoản vay của Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát trong quản lý dòng tiền, duy trì tính thanh khoản của dòng tiền Công ty.

### III. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

| STT  | Họ và tên                                   | Chức vụ                        | Ngày 01/01/2016    |       | Ngày 31/12/2016    |        | Thay đổi            |       | Nguyên nhân thay đổi             |
|--|---|--------------------------------|--------------------|-------|--------------------|--------|---------------------|-------|----------------------------------|
|  |   |                                | Số lượng           | Tỷ lệ | Số lượng           | Tỷ lệ  | Số lượng            | Tỷ lệ |                                  |
| <b>I. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các TV HĐQT</b>               |   |                                |                    |       |                    |        |                     |       |                                  |
| 01   | Đoàn Nguyên Đức                             | Chủ tịch HĐQT                  | 563.106.700        | -     | 540.958.340        | 70,516 | (22.148.360)        | -     | (2,887)                          |
| 02   | Võ Trường Sơn                               | TV HĐQT                        | 563.106.700        | -     | 540.458.340        | 70,451 | (22.648.360)        | -     | (2,952)                          |
|  | - Đại diện vốn Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai |                                | -                  | -     | 500.000            | 0,065  | 500.000             | 0,065 | Bán giải chấp chứng khoán cầm cố |
|  | - Cá nhân sở hữu                            |                                | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | Mua cổ phiếu                     |
| 03   | Đoàn Nguyên Thu                             | TV HĐQT                        | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
| 04   | Võ Thị Huyền Lan                            | TV HĐQT                        | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
| 05   | Nguyễn Xuân Thắng                           | TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc     | 5.000              | 0,001 | 5.000              | 0,001  | -                   | -     | -                                |
| 06   | Nguyễn Quan Anh                             | TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 5.000              | 0,001 | 5.000              | 0,001  | -                   | -     | -                                |
| 07   | Nguyễn Ngọc Ánh                             | TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
| <b>II. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các TV Ban Tổng giám đốc</b> |   |                                |                    |       |                    |        |                     |       |                                  |
| 01   | Trịnh Xuân Nhân                             | Phó Tổng giám đốc              | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
| 02   | Phan Thanh Thủ                              | Phó Tổng giám đốc              | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
| 03   | Hoàng Đình Quý                              | Phó Tổng giám đốc              | 1.000              | 0,000 | 1.000              | 0,000  | -                   | -     | -                                |
| 04   | Võ Thị Mỹ Hạnh                              | Phó Tổng giám đốc              | 5.000              | 0,001 | 5.000              | 0,001  | -                   | -     | -                                |
| <b>III. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các TV Ban kiểm soát</b>    |   |                                |                    |       |                    |        |                     |       |                                  |
| 01   | Lê Hồng Phong                               | Trưởng Ban kiểm soát           | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
| 02   | Phạm Ngọc Châu                              | Thành viên Ban kiểm soát       | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
| 03   | Đào Định Phương                             | Thành viên Ban kiểm soát       | -                  | -     | -                  | -      | -                   | -     | -                                |
|  | <b>TỔNG</b>                                 |                                | <b>563.122.700</b> |       | <b>540.974.340</b> |        | <b>(22.148.360)</b> |       |                                  |



## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS     | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|------------|--------------------------------|-------------------------|---------------|-------------------------|
| 1   | Ông Lê Hồng Phong  | Trưởng ban | 04/04/2015                     | 03                      | 3/3           |                         |
| 2   | Ông Phạm Ngọc Châu | Thành viên | 04/04/2015                     | 03                      | 3/3           |                         |
| 3   | Bà Đào Định Phương | Thành viên | 04/04/2015                     | 02                      | 2/3           | Từ nhiệm                |

Ngày 05/11/2016, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai nhận được Đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của bà Đào Định Phương, theo đó bà Đào Định Phương sẽ không còn là thành viên của Ban Kiểm soát kể từ ngày 19/11/2016.

**Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo những công việc sau:**

- Xây dựng kế hoạch kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát;
- Đánh giá công tác quản lý điều hành, triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành dựa trên chiến lược kinh doanh cũng như quyết sách hoạt động Công ty của Hội đồng Quản trị đề ra;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, giám sát tình hình và kết quả thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý;
- Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm;
- Trao đổi với Kiểm toán viên độc lập về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

### II. KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### 01. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2016

Trong năm, Công ty đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Cụ thể:

- + Hoàn thành việc cơ cấu gia hạn các khoản nợ vay đối với các tổ chức tín dụng theo đề án tái cấu trúc đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- + Chưa thực hiện việc phát hành riêng lẻ 110 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước.

#### 02. Giám sát tình hình tài chính năm 2016

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, soát xét, phân tích thông tin, số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty và trao đổi định kỳ với kiểm toán viên độc lập của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động tài chính.

Công tác kế toán và Báo cáo tài chính được lập đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng và hợp lý.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.

#### 03. Giám sát hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông

Giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ, nắm bắt kịp thời tình hình thực tế hoạt động kinh doanh và tham gia đóng góp ý kiến trên nguyên tắc vì lợi ích Công ty, của Cổ đông.

Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến Cổ đông một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng không nhận được đơn thư, yêu cầu hoặc khiếu nại nào của Cổ đông trong năm.

### III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc:
  - + Thực hiện triển khai chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư thực hiện dự án của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị thông qua;
  - + Xem xét tình hình quản lý sử dụng vốn, hoạt động tái cơ cấu nợ và kế hoạch dòng tiền sử dụng trong năm.
- Tổ chức thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và năm cùng với việc kiểm tra các vấn đề khác liên quan đến hoạt động tài chính.
- Kiểm tra, giám sát việc đầu tư các dự án mới và đầu tư chăm sóc vườn cây.



## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

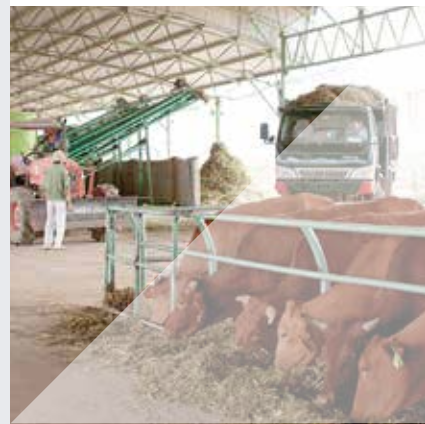
### 01. RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Giá cả các sản phẩm từ ngành trồng trọt và chăn nuôi của Công ty như mủ cao su, đường, dầu cọ, thịt bò đều chịu ảnh hưởng bởi thị trường thế giới và biến động hàng ngày, hàng giờ. Điều này tác động trực tiếp đến dòng tiền và lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, là một doanh nghiệp mới trong ngành nông nghiệp, HAGL Agrico còn chịu rủi ro cạnh tranh từ một số đối thủ trong nước và từ các quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan, Malaysia và Indonesia là những nước có bề dày lịch sử và nhiều kinh nghiệm trong hoạt động trồng cây cao su, mía đường và cọ dầu.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Bằng chiến lược chi phí thấp, áp dụng nhất quán trong tất cả các ngành, Công ty luôn kiểm soát chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Đồng thời, tận dụng ưu thế quỹ đất lớn, liền vùng, có nguồn nước dồi dào rất thuận lợi cho công tác cơ giới hóa và áp dụng công nghệ cao để đạt được hiệu quả tối ưu trong sản xuất, đạt năng suất cao và tạo ra sản phẩm cạnh tranh.

### 02. RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác nhau do Công ty hoạt động trên ba quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia, các chi phí tại mỗi quốc gia được thanh toán bằng đồng nội tệ.



Tỷ giá các đồng tiền dùng trong giao dịch chính tại Lào và Campuchia có thể tăng lên so với Việt Nam đồng, làm tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến hiệu quả lợi nhuận của Công ty. Phần lớn các sản phẩm cao su và cọ dầu dự kiến sẽ tiêu thụ tại thị trường nước ngoài và được giao dịch bằng đồng đô la Mỹ, khi tỷ giá đô la Mỹ giảm dẫn tới doanh thu xuất khẩu cao su và cọ dầu giảm. Đối với lĩnh vực chăn nuôi, Công ty nhập khẩu bò thịt từ Úc và tiêu thụ nội địa, chi phí nhập bò được thanh toán bằng đô la Mỹ trong khi doanh thu thu được là đồng Việt Nam, những biến động tăng của tỷ giá đô la Mỹ có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu bò của Công ty, dẫn đến giảm biên lợi nhuận.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, do đó các biến động tăng hoặc giảm của tỷ giá sẽ được bù trừ lẫn nhau làm giảm ảnh hưởng lên lợi nhuận và dòng tiền. Bên cạnh đó, nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Công ty chủ động hơn trong giao dịch nhập khẩu cần ngoại tệ. Để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất, Công ty thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ.

### 03. RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án dài hạn. Phần lớn nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Công ty chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ có mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại lớn, Công ty có thể đạt được những thỏa thuận vay vốn với chi phí hợp lý. Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu, Công ty còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu.

### 04. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động kinh doanh của Công ty phần lớn chịu sự điều chỉnh của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ và các cơ quan địa phương ban hành tại các quốc gia mà Công ty đang hoạt động bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia.



Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các văn bản luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** HAGL Agrico được phòng pháp chế trực thuộc Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thường xuyên cập nhật các văn bản và các thay đổi của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty và phổ biến đến các bộ phận có liên quan để kịp thời dự báo và giúp Công ty hoạt động tuân thủ theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bộ phận này còn có trách nhiệm rà soát các văn bản, hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Công ty để hạn chế các rủi ro pháp lý.

### 05. RỦI RO DO ĐẶC THÙ NGÀNH

**Trồng trọt:** Vườn cây của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai như bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán và sâu bệnh có thể ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và hoạt động trồng trọt của Công ty.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Công ty đã mua bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, cọ dầu và mía.

Công ty có đội ngũ kỹ sư chuyên ngành bảo vệ thực vật sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để phát hiện xử lý kịp thời các dịch bệnh, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho vườn cây.

**Chăn nuôi:** Đàn gia súc có thể chịu ảnh hưởng của các loại bệnh phổ biến đối với gia súc, dẫn đến giảm số lượng và chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến chi phí đầu tư và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Công ty thường xuyên đào tạo đội ngũ thú y có kiến thức chuyên sâu về các bệnh phổ biến của bò, đồng thời đưa ra các quy trình xử lý vệ sinh thức ăn, nước uống, chất thải để hạn chế tối đa phát triển và lây nhiễm mầm bệnh.

### 06. RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG:

**Khí quyển:** Các hoạt động khai hoang làm phát tán bụi đất, khí thải và mùi hôi nước thải của các nhà máy phát tán trong bầu khí quyển làm ô nhiễm bầu không khí.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Các dự án của Công ty thực hiện xa khu dân cư, các phương tiện vận tải đất khi lưu thông luôn luôn có bạt che đậy hoặc tưới nước. Các công nhân làm việc trực tiếp tại dự án đều được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng sức khỏe.

**Nguồn nước:** Việc tưới tiêu làm nguồn nước ngày càng cạn kiệt, các hoạt động bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật, nước thải từ các nhà máy chế biến đã ảnh hưởng nguồn nước.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Để tiết kiệm nước, Công ty đã áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt để hạn chế sự thất thoát nước. Hạn chế tối đa việc dùng phân hóa học tại các dự án, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học thân thiện môi trường để phòng trị sâu bệnh hại cây trồng. Các bao bì chứa hóa chất đều được xử lý đúng quy trình. Nước thải từ các nhà máy được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn và được tận dụng làm nước tưới tiêu cho các dự án.

### 07. RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn các cơ sở kinh doanh, trang trại, đồn điền.

**Biện pháp hạn chế rủi ro:** Công ty đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, cọ dầu, mía; Bảo hiểm rủi ro trong chăn nuôi cho các nông trường bò; Bảo hiểm tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên; bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba.





# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA HAGL AGRICO

#### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu Công ty hiện đang sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm bao gồm các loại sau:

- Bao đựng phân chuồng: Hàng năm, Công ty dùng bao sợi nylon để đựng phân chuồng phân phối đến các nông trường, 50% trong đó được tái sử dụng. Bao đựng phân chuồng được tái sử dụng để thu gom rác thực vật trong lô như quả hỏng, cành, lá, v.v.
- Công ty sử dụng thùng giấy carton để đựng trái chanh dây xuất ra thị trường. Thùng carton là vật liệu dễ dàng phân hủy sinh học, thân thiện với môi trường.
- Ống nước tưới các loại (như ống PVC, ống HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới nước nhỏ giọt cho các vườn cây. Các ống tưới đã qua sử dụng bị đứt, gãy được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.
- Công ty sử dụng nguồn phân chuồng sẵn có trong chăn nuôi bò để bón lót và bón thúc cho cây trồng.

#### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

HAGL Agrico đã áp dụng các biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng như:

- Áp dụng việc tưới nước nhỏ giọt cho cây trồng: tiết kiệm được lượng nước, điện năng, và chi phí.
- Bón phân qua hệ thống tưới nhỏ giọt (bón tưới): Cùng với việc tưới nước nhỏ giọt, Công ty đã áp dụng kỹ thuật bón tưới bằng cách hòa tan sẵn phân bón trong các bồn chứa phân, sau đó hòa vào đường ống tưới nhỏ giọt để bón phân đến từng cây trồng. Biện pháp này giúp tiết kiệm đáng kể công lao động, thời gian và phân phối đều đặn phân bón đến cây trồng.

- Thay thế dần các loại dụng cụ và thiết bị cũ như bóng đèn dây tóc và đèn huỳnh quang bằng loại bóng đèn LED.
- Sử dụng bình nước nóng dùng sức nóng mặt trời.
- Sử dụng điện từ các phụ phẩm như bã mía của nhà máy đường.
- Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi để lợi dụng trọng lực đưa nước về các hồ chứa để tưới cho vườn cây.
- Phổ biến và thực hiện các quy định về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.

#### TIÊU THỤ NƯỚC

Nước được bơm từ các sông suối lớn (như Srepok, Se Kaman, Se Xou, suối Ayun, hồ Ayun Hạ, suối Ea Hleo) với lượng nước dồi dào quanh năm để tưới trong mùa khô và sử dụng cho chế biến sản phẩm, sinh hoạt.

Nước được sử dụng cho nhà máy chế biến mủ cao su, sản xuất đường, các cơ sở xử lý và đóng gói trái cây, các chuồng trại chăn nuôi bò và nước sinh hoạt.

Mặc dù có được lợi thế về nguồn nước nhưng Công ty vẫn sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt của Israel – định mức tưới chuẩn xác tới từng mililit – để tối ưu lượng nước sử dụng.

Đồng thời, toàn bộ nước thải từ các nhà máy chế biến được xử lý và tái sử dụng để tưới cho cây trồng. Nước thải từ các chuồng trại chăn nuôi một phần được xử lý để sản xuất khí điện và phần còn lại được xử lý để tưới cho cây trồng.



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động của HAGL Agrico đến 31/12/2016 có 12.365 người. Trong đó, lao động gián tiếp 2.101 người với mức lương bình quân là 7.000.000 đồng/tháng và lao động trực tiếp 10.264 người với mức lương bình quân 6.000.000 đồng/tháng.

#### Đối với cán bộ, nhân viên quản lý và kỹ thuật là người Việt Nam:

- Công ty thực hiện các chính sách tiền lương, trong đó có phụ cấp, khuyến khích và hỗ trợ công tác tại nước ngoài.
- Chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ chi phí điều trị tại bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai và xét miễn giảm chi phí đối với nhân viên đang công tác tại nước ngoài.
- Thực hiện các nội quy, quy định về an toàn lao động để đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ, công nhân viên.
- Thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện về sử dụng phần mềm thống kê, phần mềm kế toán, phòng cháy - chữa cháy, sơ cứu - cấp cứu, vệ sinh - an toàn thực phẩm, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật, nhận thức tiêu chuẩn ISO 9001 và GlobalGAP, vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, đào tạo đánh giá viên nội bộ, hướng dẫn vận hành an toàn máy móc - thiết bị tại các nhà máy và nông trường.
- Đối với chuyên gia tư vấn nước ngoài (Thái Lan, Malaysia, Israel, Úc) và chuyên gia trong nước, Công ty đã hợp đồng đào tạo và chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới trong nông nghiệp như trồng cây cọ dầu, cây mía, cây ăn quả, xây dựng và quản lý nhà máy dầu cọ, chăn nuôi bò.



- Thời gian đào tạo bình quân cho 1 người trong năm là 20 ngày.
- Tại HAGL Agrico, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình. Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn.

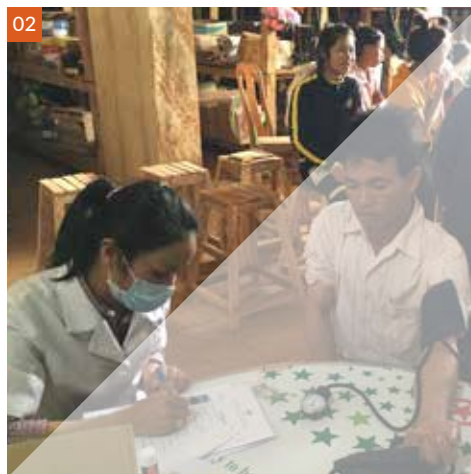
#### Đối với người lao động địa phương:

- Công ty ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ.
- Hàng năm, Công ty đã kết hợp với Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai tổ chức các đợt khám và chữa bệnh miễn phí cho người lao động có hợp đồng, phát thuốc và hỗ trợ lương thực cho các cộng đồng lân cận vùng dự án.
- Công ty đã xây dựng các công trình phục vụ người lao động trong phạm vi các dự án như: nhà ở công nhân, nhà ở gia đình, nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh trên lô, v.v.
- Người lao động được tham dự các khóa tập huấn về quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, sơ cứu trong sản xuất, thu hoạch sản phẩm và chế biến mủ cao su.
- Thời gian đào tạo bình quân cho mỗi công nhân trong năm là 30 ngày.



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



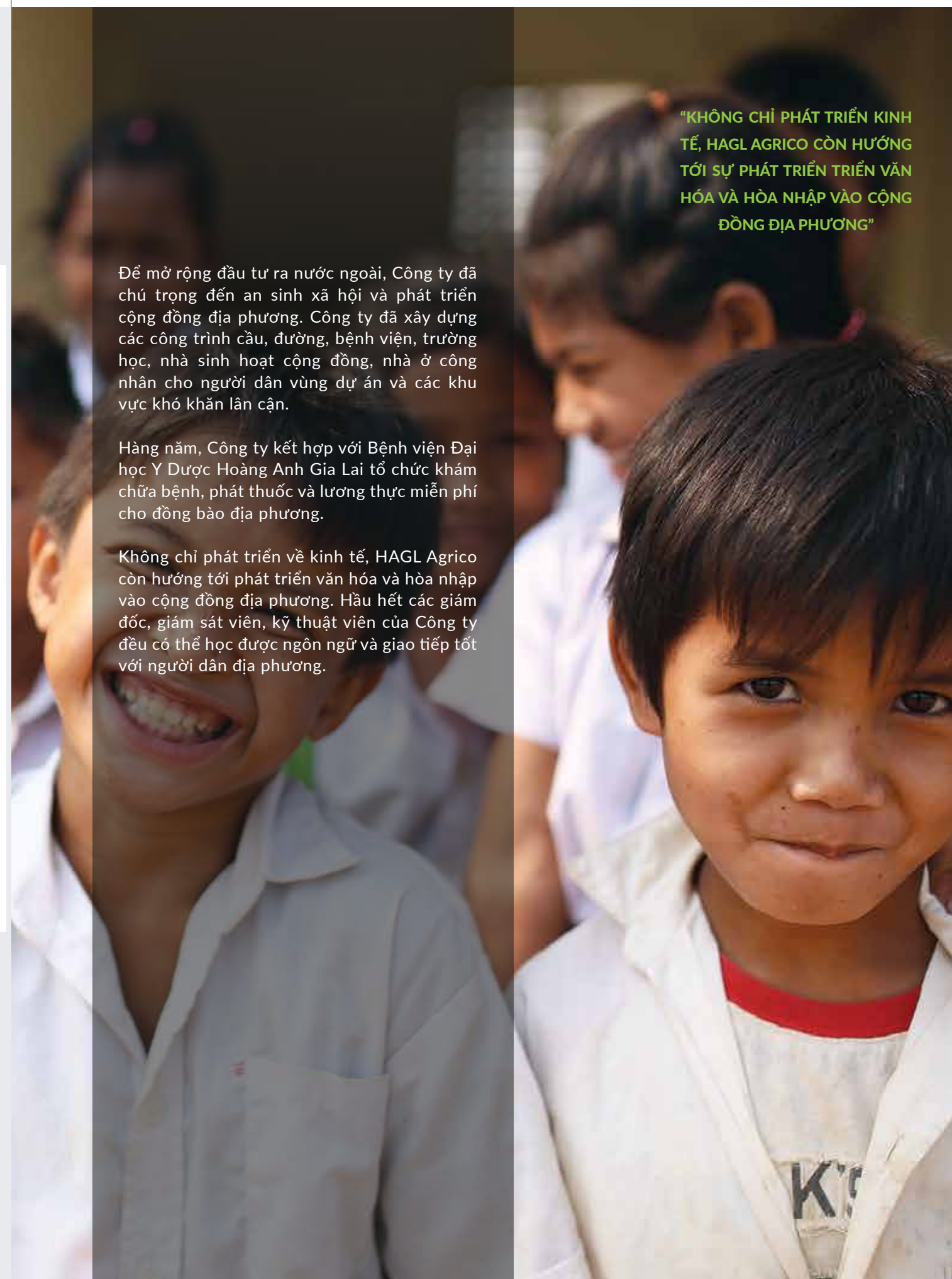
- 01. Lao động địa phương làm việc tại vùng dự án.
- 02 & 03. Khám chữa bệnh miễn phí cho công nhân nông trường.
- 04. Khu nhà cho người lao động địa phương tại dự án.
- 05 & 06. Tập huấn về sơ cứu cấp cứu cho nhân viên nông trường.

"KHÔNG CHỈ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, HAGL AGRICO CÒN HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRIỂN VĂN HÓA VÀ HÒA NHẬP VÀO CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG"

Để mở rộng đầu tư ra nước ngoài, Công ty đã chú trọng đến an sinh xã hội và phát triển cộng đồng địa phương. Công ty đã xây dựng các công trình cầu, đường, bệnh viện, trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà ở công nhân cho người dân vùng dự án và các khu vực khó khăn lân cận.

Hàng năm, Công ty kết hợp với Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai tổ chức khám chữa bệnh, phát thuốc và lương thực miễn phí cho đồng bào địa phương.

Không chỉ phát triển về kinh tế, HAGL Agrico còn hướng tới phát triển văn hóa và hòa nhập vào cộng đồng địa phương. Hầu hết các giám đốc, giám sát viên, kỹ thuật viên của Công ty đều có thể học được ngôn ngữ và giao tiếp tốt với người dân địa phương.

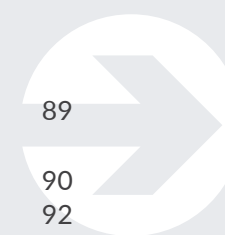






## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

|                                   |    |   |    |
|-----------------------------------|----|---|----|
| 01. Thông tin chung               | 82 | 05. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 89 |
| 02. Báo cáo của Ban Giám đốc      | 84 | 06. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 90 |
| 03. Báo cáo kiểm toán độc lập     | 85 | 07. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 92 |
| 04. Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 87 |   |    |





## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, mười hai (12) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên             | Chức vụ    |
|-----------------------|------------|
| Ông Đoàn Nguyên Đức   | Chủ tịch   |
| Ông Võ Trường Sơn     | Thành viên |
| Ông Đoàn Nguyên Thu   | Thành viên |
| Ông Nguyễn Xuân Thắng | Thành viên |
| Bà Võ Thị Huyền Lan   | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Ánh   | Thành viên |
| Ông Nguyễn Quan Anh   | Thành viên |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên          | Chức vụ    |                                    |
|--------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Lê Hồng Phong  | Trưởng ban |                                    |
| Ông Phạm Ngọc Châu | Thành viên |                                    |
| Bà Đào Định Phương | Thành viên | Từ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2016 |

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên             | Chức vụ           |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Thắng | Tổng Giám đốc     |
| Ông Phan Thanh Thủ    | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Ánh   | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trịnh Xuân Nhân   | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh     | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Đình Quý    | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quan Anh   | Phó Tổng Giám đốc |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Thắng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- + lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- + thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- + nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- + lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng  
Tổng Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 4 năm 2017



Ernst & Young Việt Nam Limited  
28th floor, Bitexco Financial Tower,  
2 Hai Trieu Street District 1, Ho Chi Minh City  
Socialist Republic of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
Website: ey.com

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61280353/18688688-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 27 tháng 4 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 74, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

B01-DN/HN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

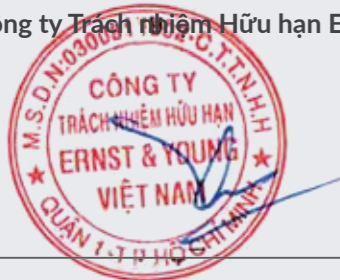
### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 4.4 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Nhóm công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty. Do các thủ tục pháp lý cần thiết chưa được hoàn tất, chúng tôi đã không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định thời điểm Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường. Đồng thời, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để kiểm tra các số dư trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm công ty Mía đường này, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty này cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 như được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến số liệu tài chính của Nhóm công ty Mía đường hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1



Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ngàn VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm<br>(trình bày lại -<br>Thuyết minh số 38) |
|------------|--|-------------|-----------------------|--|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>6.643.444.600</b>  | <b>7.220.860.465</b>                                 |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>5</b>    | <b>308.340.423</b>    | <b>331.961.020</b>                                   |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 293.340.423           | 331.961.020  |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 15.000.000            | -  |
| <b>130</b> | <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       |             | <b>4.648.948.580</b>  | <b>3.888.556.900</b>                                 |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 6           | 1.680.875.463         | 1.065.007.018  |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 7           | 1.732.975.730         | 2.257.718.117  |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 8           | 399.490.706           | 265.641.262  |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 9           | 840.786.681           | 302.560.292  |
| 137        | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 6           | (5.180.000)           | (2.369.789)  |
| <b>140</b> | <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>10</b>   | <b>1.671.761.591</b>  | <b>2.966.320.073</b>                                 |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 1.704.449.696         | 2.971.502.880  |
| 149        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            |             | (32.688.105)          | (5.182.807)  |
| <b>150</b> | <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             |             | <b>14.394.006</b>     | <b>34.022.472</b>                                    |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                |             | 2.967.605             | 8.857.139  |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 6.115.529             | 22.934.095   |
| 153        | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 20          | 5.310.872             | 2.231.238  |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>28.824.808.449</b> | <b>19.514.770.142</b>                                |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>2.525.035.814</b>  | <b>1.383.681.815</b>                                 |
| 215        | 1. Phải thu về cho vay dài hạn               | 8           | 1.897.793.366         | 1.307.804.207  |
| 216        | 2. Phải thu dài hạn khác                     | 9           | 627.242.448           | 75.877.608   |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>7.072.654.253</b>  | <b>5.596.337.810</b>                                 |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 11          | 7.036.174.317         | 5.553.475.832  |
| 222        | Nguyên giá                                   |             | 8.209.060.771         | 6.246.257.348  |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (1.172.886.454)       | (692.781.516)  |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 12          | 36.479.936            | 42.861.978   |
| 228        | Nguyên giá                                   |             | 54.845.260            | 54.845.260   |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (18.365.324)          | (11.983.282)   |
| <b>240</b> | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          |             | <b>13.359.625.077</b> | <b>9.977.184.540</b>                                 |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 13          | 13.359.625.077        | 9.977.184.540  |
| <b>250</b> | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>15</b>   | <b>896.161.285</b>    | <b>311.150.970</b>                                   |
| 252        | 1. Đầu tư vào công ty liên kết               |             | 896.161.285           | 271.950.970  |
| 253        | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            |             | -                     | 39.200.000   |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               |             | <b>4.971.332.020</b>  | <b>2.246.415.007</b>                                 |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 16          | 1.026.392.360         | 944.944.277  |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 33,2        | 38.764.262            | 57.286.393   |
| 269        | 3. Lợi thế thương mại                        | 17          | 3.906.175.398         | 1.244.184.337  |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>35.468.253.049</b> | <b>26.735.630.607</b>                                |



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN  
(tiếp theo)

Ngàn VND

| Mã số      | TÀI SẢN   | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm<br>(trình bày lại -<br>Thuyết minh số 38) |
|------------|---|-------------|-----------------------|--|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   |             | <b>24.984.262.903</b> | <b>16.986.609.990</b>                                |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   |             | <b>6.124.980.643</b>  | <b>7.030.109.890</b>                                 |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 18          | 644.831.970           | 630.784.705  |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 19          | 180.807.868           | 787.064.002  |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 20          | 120.251.709           | 148.940.710  |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 52.564.498            | 27.580.067   |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 21          | 144.091.844           | 474.504.889  |
| 318        | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                          |             | 9.101.752             | -  |
| 319        | 7. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 22          | 2.834.677.638         | 1.834.130.467  |
| 320        | 8. Vay ngắn hạn   | 24          | 2.138.653.364         | 3.127.105.050  |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>   |             | <b>18.859.282.260</b> | <b>9.956.500.100</b>                                 |
| 337        | 1. Phải trả dài hạn khác                                      | 22          | 1.309.428.416         | 847.958.773  |
| 338        | 2. Vay dài hạn  | 24          | 17.257.342.463        | 9.108.541.327  |
| 341        | 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                            | 33,2        | 21.285.888            | -  |
| 342        | 4. Dự phòng phải trả dài hạn                                  | 23          | 271.225.493           | -  |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      |             | <b>10.483.990.146</b> | <b>9.749.020.617</b>                                 |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      |             | <b>10.483.990.146</b> | <b>9.749.020.617</b>                                 |
| 411        | 1. Vốn cổ phần  | 25,1        | 7.671.438.950         | 7.081.438.950  |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 7.671.438.950         | 7.081.438.950  |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 25,1        | 1.064.550.810         | 2.550.810  |
| 417        | 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                 | 25,1        | 546.519.640           | 443.148.354  |
| 421        | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 25,1        | 1.141.711.973         | 2.126.574.755  |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước |             | 2.126.574.755         | 1.419.585.622  |
| 421b       | - (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay              |             | (984.862.782)         | 706.989.133  |
| 429        | 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                            | 26          | 59.768.773            | 95.307.748   |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>35.468.253.049</b> | <b>26.735.630.607</b>                                |

Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-DN/HN

Ngàn VND

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|-------|---|-------------|-----------------|-----------------|
| 01    | 1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ            | 28,1        | 4.777.217.797   | 4.730.680.433   |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 28,1        | (1.249.713)     | -               |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 28,1        | 4.775.968.084   | 4.730.680.433   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                 | 29          | (4.265.868.089) | (3.493.579.993) |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ        |             | 510.099.995     | 1.237.100.440   |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 28,2        | 236.063.665     | 164.880.632     |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                    | 30          | (779.118.866)   | (383.460.219)   |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                               |             | (701.146.747)   | (364.676.504)   |
| 24    | 8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết                 | 15,1        | 15.581.670      | (1.225.021)     |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                     | 31          | (88.270.096)    | (72.904.454)    |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 31          | (306.168.650)   | (120.958.460)   |
| 30    | 11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | (411.812.282)   | 823.432.918     |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                       | 32          | 146.890.520     | 2.233.328       |
| 32    | 13. Chi phí khác  | 32          | (712.608.755)   | (110.612.760)   |
| 40    | 14. Lỗ khác   | 32          | (565.718.235)   | (108.379.432)   |
| 50    | 15. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | (977.530.517)   | 715.053.486     |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 33,1        | (2.769.781)     | (3.048.663)     |
| 52    | 17. (Chi phí) thu nhập thuế hoãn lại                    | 33,2        | (39.808.019)    | 32.003.555      |
| 60    | 18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | (1.020.108.317) | 744.008.378     |
| 61    | 19. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              |             | (984.862.782)   | 724.591.678     |
| 62    | 20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 26          | (35.245.535)    | 19.416.700      |
| 70    | 21. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)                 | 27          | (1.298)         | 1.176           |
| 71    | 22. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)               | 27          | (1.298)         | 957             |

Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

| Mã số   | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|---|--|-------------|-----------------|-----------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |  |             |                 |                 |
| 01  | (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế  |             | (977.530.517)   | 715.053.486     |
| Điều chỉnh cho các khoản:                         |  |             |                 |                 |
| 02  | Khấu hao và hao mòn<br>(bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)                          | 11, 12,17   | 653.452.212     | 333.420.043     |
| 03  | Các khoản dự phòng   |             | 30.315.509      | 5.655.836       |
| 04  | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | 41.043.322      | 328.995         |
| 05  | Lãi từ hoạt động đầu tư  |             | (346.011.414)   | (52.746.866)    |
| 06  | Chi phí lãi vay  | 30          | 701.146.747     | 364.676.504     |
| 08  | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                        |             | 102.415.859     | 1.366.387.998   |
| 09  | Giảm các khoản phải thu  |             | 875.215.570     | 344.086.017     |
| 10  | Giảm (tăng) hàng tồn kho   |             | 938.230.687     | (2.180.235.216) |
| 11  | (Giảm) tăng các khoản phải trả   |             | (691.305.524)   | 2.159.563.563   |
| 12  | (Tăng) giảm chi phí trả trước  |             | (197.173.232)   | 66.793.246      |
| 14  | Tiền lãi vay đã trả  |             | (341.716.133)   | (371.302.612)   |
| 15  | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 33,1        | (239.528)       | (6.794.852)     |
| 17  | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | -               | (265.314)       |
| 20  | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | 685.427.699     | 1.378.232.830   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |  |             |                 |                 |
| 21  | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định                                      |             | (2.178.926.107) | (4.421.246.855) |
| 22  | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                     |             | 547.530.515     | 27.568.222      |
| 23  | Tiền chi cho các đơn vị khác vay   |             | (715.111.278)   | (969.807.867)   |
| 24  | Tiền thu hồi cho vay   |             | 389.552.552     | 304.157.896     |
| 25  | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  |             | (4.619.176.184) | (1.852.343.193) |
| 26  | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  |             | -               | 425.663.640     |
| 27  | Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi   |             | 93.015.805      | 28.114.041      |
| 30  | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư                                   |             | (6.483.114.697) | (6.457.894.116) |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN/HN  
(tiếp theo)

Ngàn VNĐ

| Mã số  | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--|---|-------------|-----------------|-----------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |   |             |                 |                 |
| 31   | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu                      | 25.1        | 1.652.000.000   | 1.797.972.760   |
| 33   | Tiền thu từ đi vay, mượn                            |             | 9.623.507.911   | 9.304.243.116   |
| 34   | Tiền trả nợ gốc vay, mượn                           |             | (5.501.441.510) | (5.654.081.191) |
| 36   | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu                        |             | -               | (83.317.160)    |
| 40   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính        |             | 5.774.066.401   | 5.364.817.525   |
| 50   | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm |             | (23.620.597)    | 285.156.239     |
| 60   | Tiền đầu năm  |             | 331.961.020     | 46.804.781      |
| 70   | Tiền và tương đương tiền cuối năm                   | 5           | 308.340.423     | 331.961.020     |

Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 01. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, mười hai (12) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

| Tên công ty con   | Trụ sở                 | Tình trạng hoạt động | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|------------------------|----------------------|------------------|
| (1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Sekong, Lào            | Đang hoạt động       | 97,77            |
| (2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh                         | Gia Lai, Việt Nam      | Đang hoạt động       | 97,77            |
| (3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk                                     | Đắk Lắk, Việt Nam      | Đang hoạt động       | 99,53            |
| (4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu                 | Attapeu, Lào           | Đang hoạt động       | 100,00           |
| (5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri                                    | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (6) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê   | Đắk Lắk, Việt Nam      | Trước hoạt động      | 99,45            |
| (7) Công ty TNHH Heng Brothers  | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav   | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (9) Công ty TNHH CRD  | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (10) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai                          | Gia Lai, Việt Nam      | Chờ thanh lý         | 99,99            |
| (11) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu                             | Attapeu, Lào           | Chờ thanh lý         | 99,99            |
| (12) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas                               | Rattanakiri, Campuchia | Đang hoạt động       | 97,77            |
| (13) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai         | Gia Lai, Việt Nam      | Đang hoạt động       | 100,00           |
| (14) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên                                    | Gia Lai, Việt Nam      | Đang hoạt động       | 99,00            |
| (15) Công ty Cổ phần Đông Pênh  | Gia Lai, Việt Nam      | Đang hoạt động       | 99,90            |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

| Tên công ty con  | Trụ sở                 | Tình trạng hoạt động | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--|------------------------|----------------------|------------------|
| (16) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh   | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động      | 99,90            |
| (17) Công ty Cổ phần An Đông Mia                         | Gia Lai, Việt Nam      | Đang hoạt động       | 70,00            |
| (18) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat                  | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động      | 70,00            |
| (19) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương | Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Đang hoạt động       | 100,00           |
| (20) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2                    | Kratie, Campuchia      | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (21) Công ty TNHH Sovann Vuthy                           | Kratie, Campuchia      | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (22) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu                  | Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (23) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)              | Kratie, Campuchia      | Trước hoạt động      | 100,00           |
| (24) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên                 | Gia Lai, Việt Nam      | Đang hoạt động       | 99,91            |

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.249 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.074).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 02. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

#### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

#### 3.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 02. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

#### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kết toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế năm nay.

### 03. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

**Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa** - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang** - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                                 |             |
|---------------------------------|-------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc        | 10 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị             | 3 - 20 năm  |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 20 năm  |
| Thiết bị văn phòng              | 3 - 10 năm  |
| Vật nuôi                        | 8 năm       |
| Quyền sử dụng đất               | 20 năm      |
| Chương trình phần mềm           | 5 - 8 năm   |
| Tài sản khác                    | 8 - 15 năm  |

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su là 7 năm và cây cọ dầu là 4,5 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cao su và cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

| Năm khai thác | Tỷ lệ khấu hao (%) |
|---------------|--------------------|
| Năm thứ 1     | 2,50               |
| Năm thứ 2     | 2,80               |
| Năm thứ 3     | 3,50               |
| Năm thứ 4     | 4,40               |
| Năm thứ 5     | 4,80               |
| Năm thứ 6     | 5,40               |
| Năm thứ 7     | 5,40               |
| Năm thứ 8     | 5,10               |
| Năm thứ 9     | 5,10               |
| Năm thứ 10    | 5,00               |
| Năm thứ 11    | 7,00               |
| Năm thứ 12    | 6,60               |
| Năm thứ 13    | 6,20               |
| Năm thứ 14    | 5,90               |
| Năm thứ 15    | 5,50               |
| Năm thứ 16    | 5,40               |
| Năm thứ 17    | 5,00               |
| Năm thứ 18    | 5,50               |
| Năm thứ 19    | 5,20               |
| Năm thứ 20    | Giá trị còn lại    |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu, mía và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

##### *Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

##### *Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

##### *Dự án bò*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn mía và vườn cây ăn quả và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- Chi phí phát triển vườn mía, cây ăn quả, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư vào đơn vị khác*

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Vốn được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm; và

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Các bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoạt động nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại và dịch vụ và khác). Ban Giám đốc Công ty xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

#### 4.1 Tái cơ cấu nợ vay

Như được trình bày ở Thuyết minh số 24, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay, bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Việc tái cơ cấu bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

#### 4.2 Mua cổ phần trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương cùng các công ty con

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSDD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh theo các Hợp đồng chuyển nhượng có liên quan với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 880.000.000 ngàn VND và 770.000.000 ngàn VND. Theo đó, CSDD đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

CSDD là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 11D, Đường Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày mua, CSDD có các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

| Tên công ty                                | Trụ sở                | Hoạt động kinh doanh | Tình trạng hoạt động | Tỷ lệ sở hữu |
|--|-----------------------|----------------------|----------------------|--------------|
| (1) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu     | Hồ Chí Minh, Việt Nam | Trồng cây cao su     | Trước hoạt động      | 100%         |
| (2) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia) | Kratie, Campuchia     | Trồng cây cao su     | Trước hoạt động      | 100%         |
| (3) Công ty TNHH Sovann Vuthy              | Kratie, Campuchia     | Trồng cây cao su     | Trước hoạt động      | 100%         |
| (4) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2       | Kratie, Campuchia     | Trồng cây cao su     | Trước hoạt động      | 100%         |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

#### 4.2 Mua cổ phần trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương cùng các công ty con (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh chính của CSDD và các công ty con ("Nhóm CSDD") trong năm hiện hành là trồng và chăm sóc cao su tại các tỉnh thuộc Vương Quốc Campuchia.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua. Theo đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua được trình bày dưới đây:

|   | Ngàn VND  |
|---|---|
|   | Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua |
| <b>Tài sản</b>  |   |
| Tiền  | 684.785.662   |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                               | 276.612.284   |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                              | 32.460.055  |
| Tài sản cố định   | 2.839.163   |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                               | 1.680.586.665   |
| <b>Nợ phải trả</b>  |   |
| Các khoản phải trả  | (203.027.005)   |
| Vay ngắn hạn  | (488.455.486)   |
| Vay dài hạn   | (504.688.437)   |
| <b>Tổng tài sản thuần</b>                                     | <b>1.481.112.901</b>  |
| Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) | 168.887.099   |
| <b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh</b>                       | <b>1.650.000.000</b>  |

#### 4.3 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("CSTN")

Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ mua 81.937.178 cổ phiếu, tương đương với 99,9% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("CSTN") từ bên liên quan là chủ sở hữu CSTN với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 3.277.737.120 ngàn VND. Theo đó, CSTN đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

CSTN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900189156, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của CSTN trong năm hiện hành là trồng trọt, kinh doanh cây cao su, nuôi bò và các loại cây ăn quả.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của CSTN tại ngày mua. Theo đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

#### 4.3 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (tiếp theo)

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của CSTN tại ngày mua được trình bày dưới đây:

|  | Ngàn VND   |
|--|--|
|  | <i>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua</i> |
| <b>Tài sản</b>   |  |
| Tiền   | 150.156.944  |
| Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng                             | 1.067.788.689  |
| Hàng tồn kho   | 251.734.900  |
| Tài sản ngắn hạn khác  | 4.115.080  |
| Tài sản cố định hữu hình   | 127.142.696  |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (vườn cây cao su và cây ăn quả)        | 988.522.788  |
| Chi phí trả trước dài hạn  | 8.107.961  |
| Các khoản phải thu dài hạn   | 764.670.000  |
| <b>Nợ phải trả</b>   |  |
| Vay ngắn hạn   | (192.510.774)  |
| Các khoản phải trả   | (1.027.882.185)  |
| Vay dài hạn  | (1.531.400.617)  |
| <b>Tổng tài sản thuần</b>  | <b>610.445.482</b>   |
| Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh ( <i>Thuyết minh số 17</i> ) | 2.667.823.198  |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát ( <i>Thuyết minh số 26</i> )           | (531.560)  |
| <b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh</b>                                | <b>3.277.737.120</b>   |

#### 4.4 Chuyển nhượng Cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu

Nhóm Công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa được hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty Mía đường vào ngày 31 tháng 8 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, được trình bày như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

#### 4.4 Chuyển nhượng Cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu (tiếp theo)

##### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

|                                   | Ngàn VND                                    |
|-----------------------------------|---|
|                                   | <i>Giá trị tại ngày 31 tháng 8 năm 2016</i> |
| <b>Tài sản</b>                    |   |
| Tiền                              | 8.420.846                                   |
| Tài sản ngắn hạn                  | 101.755                                     |
| Hàng tồn kho                      | 371.383.029                                 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn       | 5.567.522                                   |
| Chi phí trả trước                 | 279.113.465                                 |
| Tài sản cố định hữu hình          | 1.920.521.443                               |
| <b>Nợ phải trả</b>                |   |
| Vay                               | (794.079.850)                               |
| Phải trả khác                     | (764.853.195)                               |
| <b>Tổng tài sản thuần</b>         | <b>1.026.175.015</b>                        |
| Vốn chủ sở hữu                    | 815.000.000                                 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái        | 67.461.794                                  |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 143.713.221                                 |
| <b>Tổng tài sản thuần</b>         | <b>1.026.175.015</b>                        |

##### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

|                                    | Ngàn VND  |
|------------------------------------|---|
|                                    | <i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016</i> |
| Doanh thu bán hàng                 | 700.511.814   |
| Giá vốn hàng bán                   | (529.149.304)   |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng          | 171.362.510   |
| Chi phí hoạt động tài chính        | (145.174.439)   |
| Chi phí quản lý và chi phí khác    | (21.359.825)  |
| Lợi nhuận thuần kế toán trước thuế | 4.828.246   |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>    | <b>4.828.246</b>  |

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                | Ngàn VND           | Ngàn VND           |
| Tiền gửi ngân hàng             | 288.844.262        | 299.868.168        |
| Tiền mặt                       | 4.496.161          | 32.092.852         |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 15.000.000         | -                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>308.340.423</b> | <b>331.961.020</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi với lãi suất 5% một năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|  | Số cuối năm          | Ngàn VND<br>Số đầu năm |
|--|----------------------|------------------------|
| Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 863.014.853          | 334.427.275            |
| - Somphot Sanyachack                           | 123.100.073          | -                      |
| - Phải thu từ các khách hàng khác              | 739.914.780          | 334.427.275            |
| Phải thu từ xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào | 727.713.177          | 730.579.743            |
| Phải thu về chuyển nhượng dự án                | 90.147.433           | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>1.680.875.463</b> | <b>1.065.007.018</b>   |
| Trong đó:                                      |                      |                        |
| Phải thu các bên khác                          | 1.101.584.150        | 795.469.537            |
| Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 34)     | 579.291.313          | 269.537.481            |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi             | (5.180.000)          | (2.369.789)            |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                           | <b>1.675.695.463</b> | <b>1.062.637.229</b>   |

### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|   | Số cuối năm          | Ngàn VND<br>Số đầu năm |
|---|----------------------|------------------------|
| Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ          | 1.536.521.416        | 1.704.406.965          |
| - Công ty TNHH Kasimex                                  | -                    | 372.988.152            |
| - Các khoản trả trước khác                              | 1.536.521.416        | 1.331.418.813          |
| Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị | 193.133.363          | 225.683.640            |
| Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào    | 3.320.951            | 327.627.512            |
| - Ông Nguyễn Đắc Quốc                                   | -                    | 70.266.565             |
| - Bà Phạm Thanh Thủy                                    | -                    | 28.044.369             |
| - Trả trước cho các nhà thầu khác                       | 3.320.951            | 229.316.578            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>1.732.975.730</b> | <b>2.257.718.117</b>   |
| Trong đó:   |                      |                        |
| Trả trước bên liên quan (Thuyết minh số 34)             | 1.613.397.390        | 1.427.806.350          |
| Trả trước bên khác                                      | 119.578.340          | 829.911.767            |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

|  | Số cuối năm          | Ngàn VND<br>Số đầu năm |
|--|----------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>  | <b>399.490.706</b>   | <b>265.641.262</b>     |
| Cho vay Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (i) | 53.350.581           | 91.785.395             |
| Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 34) (ii)         | 346.140.125          | 173.855.867            |
| <b>Dài hạn</b>   | <b>1.897.793.366</b> | <b>1.307.804.207</b>   |
| Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 34) (ii)         | 1.815.702.624        | 1.245.353.038          |
| Cho vay các công ty và các cá nhân khác                | 82.090.742           | 62.451.169             |
| - Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (i)       | 82.090.742           | 18.415.519             |
| - Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Dara Rattanakiri        | -                    | 44.035.650             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b>2.297.284.072</b> | <b>1.573.445.469</b>   |

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2020.

(ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2020 có lãi suất từ 6,0%/năm đến 12,5%/năm.

### 9. PHẢI THU KHÁC

|   | Số cuối năm          | Ngàn VND<br>Số đầu năm |
|---|----------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                               | <b>840.786.681</b>   | <b>302.560.292</b>     |
| Cho mượn các công ty                          | 663.774.612          | 14.184.867             |
| Lãi cho vay các công ty                       | 119.212.551          | 77.470.619             |
| Tạm ứng cho nhân viên                         | 42.086.601           | 204.857.675            |
| Khác  | 15.712.917           | 6.047.131              |
| Trong đó:                                     |                      |                        |
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34) | 507.112.005          | 89.611.563             |
| Phải thu từ bên khác                          | 333.674.676          | 212.948.729            |
| <b>Dài hạn</b>                                | <b>627.242.448</b>   | <b>75.877.608</b>      |
| Cho mượn các công ty                          | 397.983.108          | 36.633.182             |
| Phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)   | 132.347.166          | -                      |
| Lãi cho vay các công ty                       | 81.356.191           | 27.421.314             |
| Ký quỹ, ký cược                               | 14.973.481           | 11.823.112             |
| Khác  | 582.502              | -                      |
| Trong đó:                                     |                      |                        |
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34) | 588.990.280          | 23.349.092             |
| Phải thu từ bên khác                          | 38.252.168           | 52.528.516             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                              | <b>1.468.029.129</b> | <b>378.437.900</b>     |

(\*) Thể hiện khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án bò với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai và dự án vườn cây ăn quả với Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 10. HÀNG TỒN KHO

|   | Số cuối năm          | Ngàn VND<br>Số đầu năm |
|---|----------------------|------------------------|
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang     | 1.389.742.505        | 2.378.243.787          |
| Trong đó:                               |                      |                        |
| Hợp đồng xây dựng                       | 571.123.747          | 473.525.915            |
| Chi phí nuôi bò thịt (i)                | 437.115.594          | 1.417.725.816          |
| Hoạt động sản xuất                      | 381.503.164          | 486.992.056            |
| Nguyên vật liệu                         | 186.905.652          | 410.514.950            |
| Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán (ii) | 85.207.487           | 116.436.784            |
| Thành phẩm                              | 24.107.256           | 35.923.410             |
| Công cụ, dụng cụ                        | 9.214.595            | 17.412.328             |
| Hàng hóa                                | 9.272.201            | 12.971.621             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        | <b>1.704.449.696</b> | <b>2.971.502.880</b>   |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho          | (32.688.105)         | (5.182.807)            |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                    | <b>1.671.761.591</b> | <b>2.966.320.073</b>   |

- (i) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).  
(ii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|   | Nguyên giá    | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị văn phòng | Vật nuôi và cây trồng lâu năm | Tài sản khác  | Ngàn VND<br>Tổng cộng |
|---|---------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------------------|---------------|-----------------------|
| Số đầu năm  | 1.751.998.830 | 1.550.006.980            | 1.125.435.420       | 1.128.933                       | 1.800.069.049      | 17.618.136                    | 6.246.257.348 |                       |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang                         | 196.516.888   | 347.910.763              | 695.961.341         | -                               | 778.706.242        | 864.581                       | 2.019.959.815 |                       |
| Mua trong năm   | 26.807.321    | 31.003.209               | 26.279.246          | 167.081                         | 58.745.617         | 1.155.000                     | 144.157.474   |                       |
| Tặng từ mua công ty con                                   | 25.988.803    | 2.021.522                | 56.974.590          | 74.570                          | 71.217.751         | -                             | 156.277.236   |                       |
| Thanh lý trong năm  | (7.840.564)   | (8.661.355)              | (22.023.202)        | (55.150)                        | (299.350.587)      | -                             | (337.930.858) |                       |
| Chênh lệch tỷ giá   | (2.658.017)   | 6.232.270                | (5.840.849)         | (1.863)                         | (17.329.892)       | (61.893)                      | (19.660.244)  |                       |
| Số cuối năm   | 1.990.813.261 | 1.928.513.389            | 1.876.786.546       | 1.313.571                       | 2.392.058.180      | 19.575.824                    | 8.209.060.771 |                       |
| Trong đó:   |               |                          |                     |                                 |                    |                               |               |                       |
| Đã khấu hao hết   | 2.847.477     | 8.038.454                | 15.274.895          | 681.749                         | -                  | 1.264.222                     | 28.106.797    |                       |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>                                    |               |                          |                     |                                 |                    |                               |               |                       |
| Số đầu năm  | 182.587.724   | 264.276.795              | 154.622.415         | 932.663                         | 85.387.327         | 4.974.592                     | 692.781.516   |                       |
| Khấu hao trong năm  | 95.339.793    | 108.042.404              | 117.686.888         | 123.914                         | 147.412.478        | 3.745.457                     | 472.350.934   |                       |
| Tặng từ mua công ty con                                   | 9.018.725     | 964.918                  | 11.722.114          | 74.570                          | 4.515.050          | -                             | 26.295.377    |                       |
| Thanh lý trong năm  | (181.731)     | (504.453)                | (3.512.178)         | (55.150)                        | (12.047.639)       | -                             | (16.301.151)  |                       |
| Chênh lệch tỷ giá   | (734.118)     | 206.252                  | (673.932)           | (2.197)                         | (1.003.726)        | (32.501)                      | (2.240.222)   |                       |
| Số cuối năm   | 286.030.393   | 372.985.916              | 279.845.307         | 1.073.800                       | 224.263.490        | 8.687.548                     | 1.172.886.454 |                       |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                    |               |                          |                     |                                 |                    |                               |               |                       |
| Số đầu năm  | 1.569.411.106 | 1.285.730.185            | 970.813.005         | 196.270                         | 1.714.681.722      | 12.643.544                    | 5.553.475.832 |                       |
| Số cuối năm   | 1.704.782.868 | 1.555.527.473            | 1.596.941.239       | 239.771                         | 2.167.794.690      | 10.888.276                    | 7.036.174.317 |                       |
| Trong đó:   |               |                          |                     |                                 |                    |                               |               |                       |
| Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 24) | 1.704.782.868 | 1.555.527.473            | 1.596.941.239       | 239.771                         | 2.167.794.690      | 10.888.276                    | 7.036.174.317 |                       |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                           | Ngàn VND          |                       |            |
|---------------------------|-------------------|-----------------------|------------|
|                           | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Tổng cộng  |
| <b>Nguyên giá</b>         |                   |                       |            |
| Số đầu năm và số cuối năm | 6.648.075         | 48.197.185            | 54.845.260 |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>     |                   |                       |            |
| Số đầu năm                | 249.303           | 11.733.979            | 11.983.282 |
| Hao mòn trong năm         | 332.404           | 6.049.638             | 6.382.042  |
| Số cuối năm               | 581.707           | 17.783.617            | 18.365.324 |
| <b>Giá trị còn lại</b>    |                   |                       |            |
| Số đầu năm                | 6.398.772         | 36.463.206            | 42.861.978 |
| Số cuối năm               | 6.066.368         | 30.413.568            | 36.479.936 |

### 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|  | Ngàn VND              |  |
|--|-----------------------|--|
|  | Số cuối năm           | Số đầu năm<br>(Trình bày lại -<br>Thuyết minh số 38) |
| Chi phí phát triển vườn cây cao su và cây cọ dầu (*) | 11.830.017.268        | 8.960.446.565  |
| Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)               | 621.401.558           | -  |
| Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu                     | 379.158.960           | 116.271.731  |
| Nhà cửa và vật kiến trúc (*)                         | 317.896.555           | 497.170.668  |
| Chi phí vườn tiêu                                    | 118.707.592           | 83.114.339   |
| Chi phí dự án bò (*)                                 | 6.637.816             | 249.346.043  |
| Các công trình khác                                  | 85.805.328            | 70.835.194   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                     | <b>13.359.625.077</b> | <b>9.977.184.540</b>                                 |

(\*) Vườn cây cao su, cọ dầu, cây ăn quả, nhà cửa và vật kiến trúc và chi phí dự án bò đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

### 14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 793.789.753 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 557.954.522 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su và cọ dầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

|   | Ngàn VND           |                    |
|---|--------------------|--------------------|
|   | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1) | 896.161.285        | 271.950.970        |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)  | -                  | 39.200.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>896.161.285</b> | <b>311.150.970</b> |

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| Tên công ty liên kết                               | Lĩnh vực kinh doanh     | Số cuối năm    |                            | Số đầu năm     |                            |
|--|-------------------------|----------------|----------------------------|----------------|----------------------------|
|  |                         | Tỷ lệ sở hữu % | Giá trị ghi sổ<br>Ngàn VND | Tỷ lệ sở hữu % | Giá trị ghi sổ<br>Ngàn VND |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi và Chăn nuôi Gia Lai (*) | Chăn nuôi và cây ăn quả | 23,46          | 609.017.978                | -              | -                          |
| Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (**)               | Trồng cây cao su        | 49,14          | 287.143.307                | 47,80          | 271.950.970                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                   |                         |                | <b>896.161.285</b>         |                | <b>271.950.970</b>         |

(\*) Vào ngày 10 tháng 8 năm 2016, công ty con trong Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên đã mua thêm 14.850.000 cổ phiếu, tương đương 18,56% tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") từ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (bên liên quan), với tổng giá mua là 550.000.000 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong CNGL từ 4,9% lên 23,46% và trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 15.2).

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã mua thêm 285.081 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") công ty mẹ với tổng giá mua là 12.828.645 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong Bidiphar từ 47,80% lên 49,14%.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

|  | Ngàn VND    |            |
|--|-------------|------------|
|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
| <b>Giá trị đầu tư</b>                            |             |            |
| Số đầu năm                                       | 273.175.991 |            |
| Tăng giá trị đầu tư                              | 608.628.645 |            |
| Số cuối năm                                      | 881.804.636 |            |
| <b>Phần (lỗ) lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư</b> |             |            |
| Số đầu năm                                       | (1.225.021) |            |
| Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ                | (6.826.722) |            |
| Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm     | 22.408.392  |            |
| Số cuối năm                                      | 14.356.649  |            |
| <b>Giá trị còn lại</b>                           |             |            |
| Số đầu năm                                       | 271.950.970 |            |
| Số cuối năm                                      | 896.161.285 |            |

#### 15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| Tên công ty liên kết                                       | Lĩnh vực kinh doanh     | Số cuối năm    |                            | Số đầu năm     |                            |
|--|-------------------------|----------------|----------------------------|----------------|----------------------------|
|  |                         | Tỷ lệ sở hữu % | Giá trị ghi sổ<br>Ngàn VND | Tỷ lệ sở hữu % | Giá trị ghi sổ<br>Ngàn VND |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai<br>(Thuyết minh số 15.1) | Chăn nuôi và cây ăn quả | -              | -                          | 4,9            | 39.200.000                 |

### 16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

|                                    | Ngàn VND             |                    |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
| Chi phí phát triển vườn mía        | 619.284.626          | 658.428.542        |
| Chi phí phát triển vườn cây ăn quả | 186.650.602          | -                  |
| Chi phí khai hoang                 | 109.720.596          | 119.334.616        |
| Tiền thuê đất                      | 64.100.399           | 81.399.952         |
| Công cụ, dụng cụ                   | 19.653.096           | 18.864.683         |
| Chi phí thuê văn phòng             | 5.510.308            | 5.521.946          |
| Chi phí phát triển vườn bắp        | -                    | 49.185.469         |
| Chi phí khác                       | 21.472.733           | 12.209.069         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>1.026.392.360</b> | <b>944.944.277</b> |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

|   | Ngàn VND      |            |
|---|---------------|------------|
|   | Số cuối năm   | Số đầu năm |
| <b>Nguyên giá</b>                                       |               |            |
| Số đầu năm (Trình bày trước đây)                        | 438.189.885   |            |
| Số đầu năm (Trình bày lại)                              | 1.248.999.561 |            |
| Tăng từ mua các công ty con (Thuyết minh số 4.2 và 4.3) | 2.836.710.297 |            |
| Số cuối năm   | 4.085.709.858 |            |
| <b>Phân bổ lũy kế</b>                                   |               |            |
| Số đầu năm  | (4.815.224)   |            |
| Phân bổ trong năm (Thuyết minh số 31)                   | (174.719.236) |            |
| Số cuối năm   | (179.534.460) |            |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                  |               |            |
| Số đầu năm (Trình bày trước đây)                        | 433.374.661   |            |
| Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)          | 1.244.184.337 |            |
| Số cuối năm   | 3.906.175.398 |            |

### 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|   | Ngàn VND           |                    |
|---|--------------------|--------------------|
|   | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ   | 610.608.725        | 400.037.969        |
| - Công ty International Livestock Export Pty Ltd. | 98.785.512         | -                  |
| - Khác  | 511.823.213        | 400.037.969        |
| Phải trả người bán máy móc và thiết bị            | 12.654.466         | 164.346.595        |
| Phải trả nhà thầu xây dựng                        | 4.368.714          | 4.910.141          |
| Phải trả khác                                     | 17.200.065         | 61.490.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>644.831.970</b> | <b>630.784.705</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                  |                    |                    |
| Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)        | 377.425.999        | 451.203.895        |
| Phải trả bên khác                                 | 267.405.971        | 179.580.810        |

### 19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

|  | Ngàn VND           |                    |
|--|--------------------|--------------------|
|  | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| Người mua trả tiền trước                         | 134.374.484        | 684.971.696        |
| - Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bình Hà              | 103.163.300        | 105.643.300        |
| - Công ty Cổ phần Bò Đông Dương                  | -                  | 574.711.583        |
| - Các công ty khác                               | 31.211.184         | 4.616.813          |
| Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 34) | 46.433.384         | 102.092.306        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>180.807.868</b> | <b>787.064.002</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|   | Ngàn VND           |                   |                      |                    |
|---|--------------------|-------------------|----------------------|--------------------|
|   | Số đầu năm         | Số tăng trong năm | Số giảm trong năm    | Số cuối năm        |
| <b>Phải thu</b>                                     |                    |                   |                      |                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp<br>(Thuyết minh số 33.1) | 1.511.872          | -                 | -                    | 1.511.872          |
| Thuế khác   | 719.366            | 3.079.634         | -                    | 3.799.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>2.231.238</b>   | <b>3.079.634</b>  | <b>-</b>             | <b>5.310.872</b>   |
| <b>Phải nộp</b>                                     |                    |                   |                      |                    |
| Thuế giá trị gia tăng                               | 142.676.704        | 35.481.597        | (80.416.147)         | 97.742.154         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp<br>(Thuyết minh số 33.1) | 2.229.860          | 14.753.475        | (1.533.261)          | 15.450.074         |
| Thuế thu nhập cá nhân                               | 4.034.146          | 27.314.973        | (27.621.209)         | 3.727.910          |
| Thuế khác   | -                  | 4.107.542         | (775.971)            | 3.331.571          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>148.940.710</b> | <b>81.657.587</b> | <b>(110.346.588)</b> | <b>120.251.709</b> |

### 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                              | Ngàn VND           |                    |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
|                              | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| Chi phí lãi vay              | 112.196.446        | 330.277.520        |
| Chi phí hoạt động kinh doanh | 8.267.249          | 16.441.862         |
| Khác                         | 23.628.149         | 127.785.507        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>             | <b>144.091.844</b> | <b>474.504.889</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 22. PHẢI TRẢ KHÁC

|  | Ngàn VND             |                      |
|--|----------------------|----------------------|
|  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| <b>Ngắn hạn</b>                            | <b>2.834.677.638</b> | <b>1.834.130.467</b> |
| Phải trả tiền mượn các công ty             | 1.625.718.749        | 1.615.923.757        |
| Phải trả lãi vay                           | 1.020.275.337        | 165.665.618          |
| Phải trả tiền thuê đất                     | 83.353.623           | 16.237.999           |
| Phải trả cổ tức                            | 5.331.441            | 5.109.394            |
| Phải trả ngắn hạn khác                     | 99.998.488           | 31.193.699           |
| <i>Trong đó:</i>                           |                      |                      |
| Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34) | 1.946.457.800        | 1.778.504.016        |
| Phải trả bên khác                          | 888.219.838          | 55.626.451           |
| <b>Dài hạn</b>                             | <b>1.309.428.416</b> | <b>847.958.773</b>   |
| Phải trả về hợp tác kinh doanh (*)         | 550.000.000          | -                    |
| Phải trả lãi vay                           | 247.882.752          | 35.245.319           |
| Phải trả tiền thuê đất                     | 148.216.941          | 188.478.724          |
| Phải trả tiền mượn                         | 9.648.592            | 624.165.730          |
| Phải trả dài hạn khác                      | 353.680.131          | 69.000               |
| <i>Trong đó:</i>                           |                      |                      |
| Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34) | 686.237.677          | 659.411.049          |
| Phải trả bên khác                          | 623.190.739          | 188.547.724          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                           | <b>4.144.106.054</b> | <b>2.682.089.240</b> |

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con trong Nhóm Công ty), và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến") (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND và thời hạn 5 năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHT ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700 tỷ VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, An Tiến đã góp số tiền là 550 tỷ VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.

### 23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản thuế nhà thầu trích trước liên quan đến các khoản vay của các công ty con ở ngoài Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 11. VAY

|   | Số đầu năm            | Tăng trong năm        | Giảm trong năm         | Ngàn VND<br>Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn</b>   | <b>3.127.105.050</b>  | <b>4.153.262.203</b>  | <b>(5.141.713.889)</b> | <b>2.138.653.364</b>    |
| Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)                | 2.101.643.091         | 1.746.914.533         | (2.776.496.631)        | 1.072.060.993           |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24.2)     | 659.401.026           | 130.350               | (292.308.526)          | 367.222.850             |
| Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4) | 66.060.933            | 387.037.020           | (120.000.000)          | 333.097.953             |
| Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 24.3)    | 300.000.000           | 1.950.000.000         | (1.952.908.732)        | 297.091.268             |
| Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (Thuyết minh số 24.6)    | -                     | 61.357.300            | -                      | 61.357.300              |
| Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 24.5)         | -                     | 7.823.000             | -                      | 7.823.000               |
| <b>Vay dài hạn</b>  | <b>9.108.541.327</b>  | <b>10.504.986.042</b> | <b>(2.356.184.906)</b> | <b>17.257.342.463</b>   |
| Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 24.4)             | 3.377.388.430         | 7.764.885.895         | (1.491.132.570)        | 9.651.141.755           |
| Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.2)                 | 4.031.152.897         | 2.309.100.147         | (551.258.256)          | 5.788.994.788           |
| Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 24.3)                | 1.700.000.000         | 431.000.000           | (313.794.080)          | 1.817.205.920           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>12.235.646.377</b> | <b>14.658.248.245</b> | <b>(7.497.898.795)</b> | <b>19.395.995.827</b>   |

Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay, bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Theo đó, Nhóm Công ty được các ngân hàng này cho gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu thêm từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

#### 24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

|   | Số cuối năm          | Ngàn VND<br>Số đầu năm |
|---|----------------------|------------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")       | 504.124.600          | 1.248.291.110          |
| Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")                        | 350.471.619          | 853.351.981            |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank") | 193.307.774          | -                      |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")             | 24.157.000           | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>1.072.060.993</b> | <b>2.101.643.091</b>   |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

| Ngân hàng  | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Nguyên tệ<br>USD | Thời hạn<br>thanh toán  | Lãi suất<br>%/năm | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)   |
|--|-------------------------|------------------|---|-------------------|---|
| BIDV, Chi nhánh Gia Lai<br>Hợp đồng tín dụng hạn mức số<br>04/2015/6261950/HĐTD<br>ngày 4 tháng 5 năm 2015 - Phụ lục<br>số 01/2016/6261950 | 504.124.600             | -                | Từ ngày 1 tháng 5<br>năm 2017 đến ngày 8<br>tháng 7 năm 2017  | 6,50 - 9,00       | Tài sản hình thành từ vốn vay<br>thuộc dự án chăn nuôi<br>bò thịt tại Huyện Chuprong,<br>Tỉnh Gia Lai, Việt Nam   |
| Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu<br>Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 080/HD-LVB.ATP/2015<br>ngày 1 tháng 7 năm 2015                      | 216.919.925             | -                | Từ ngày 8 tháng 1<br>năm 2017 đến ngày 31<br>tháng 8 năm 2017 | 8,00              | Máy cắt mía trị giá<br>5,16 tỷ LAK tương đương<br>với 137,722 tỷ VND;<br>quyền sử dụng đất 18.313 m2<br>tại Huyện Samakhixay,<br>Tỉnh Attpeu, Lào và các tài sản<br>gắn liền trên đất |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 083/HD-LVB.ATP/2015<br>ngày 9 tháng 7 năm 2015   | 133.551.694             | 5.982.684        | Từ ngày 28 tháng 3<br>năm 2017 đến ngày 7<br>tháng 9 năm 2017 | 8,00 - 9,50       | Quyền sử dụng 3 lô đất<br>1.001,78 ha tại Huyện Laman,<br>Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ<br>tài sản trên đất thuộc dự án<br>nuôi bò và đàn bò nhập khẩu                                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>350.471.619</b>      |                  |   |                   |   |

**24. VAY (tiếp theo)****24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng   | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Nguyên tệ<br>USD | Thời hạn<br>thanh toán   | Lãi suất<br>%/năm                               | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)   |
|---|-------------------------|------------------|--|---|---|
| HD Bank, Chi nhánh Gia Lai<br>Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 0481/2015/HĐTDHM - DN/170<br>ngày 12 tháng 9 năm 2016 | 192.510.774             | -                | Từ ngày 18 tháng 1<br>năm 2017 đến ngày 9<br>tháng 7 năm 2017  | 10,50   | Đàn bò thịt hình thành từ vốn<br>vay thuộc sở hữu của Công ty<br>Cổ phần Cao Su Trung Nguyên  |
| HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk<br>Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 1762/2015/HĐTDHM - DN/111<br>ngày 29 tháng 9 năm 2016 | 797.000                 | -                | Từ ngày 28 tháng 2<br>năm 2017 đến ngày 26<br>tháng 4 năm 2017 | Điều chỉnh<br>3 tháng 1 lần<br>(2016:<br>10,50) | Đàn bò sinh sản và<br>bé con sinh ra thuộc sở hữu<br>Công ty Cổ phần<br>Hoàng Anh Đắk Lắk   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>193.307.774</b>      |                  |  |   |   |
| Sacombank, Chi nhánh Campuchia<br>Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số LD161688000                                       | 24.157.000              | 1.000.000        | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2017                                    | 9,00  | Quyền sử dụng đất thuê<br>lâu dài tại Xã Talao,<br>Huyện Ouchum,<br>Tỉnh Rattanakiri và Xã Nhang,<br>Huyện Andong Meas,<br>Tỉnh Rattanakiri |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)****24.2 Vay dài hạn ngân hàng**

|                                     | Ngàn VND             |                      |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                     | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| BIDV                                | 3.097.922.762        | 2.335.644.860        |
| HD Bank                             | 1.042.206.160        | 937.322.850          |
| Laos - Viet Bank                    | 1.022.006.112        | 669.030.620          |
| Sacombank                           | 994.082.604          | 569.974.355          |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu | -                    | 178.581.238          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>6.156.217.638</b> | <b>4.690.553.923</b> |
| Trong đó:                           |                      |                      |
| Vay dài hạn                         | 5.788.994.788        | 4.031.152.897        |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả   | 367.222.850          | 659.401.026          |

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, cọ dầu; mua sắm máy móc thiết bị và các dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

| Ngân hàng  | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Nguyên tệ<br>USD | Thời hạn<br>thanh toán  | Lãi suất<br>%/năm   | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)   |
|--|-------------------------|------------------|---|---|---|
| BIDV, Chi nhánh Bình Định<br>Hợp đồng vay số<br>01/2013/BIDV - Attapeu<br>ngày 18 tháng 2 năm 2013 | 656.877.231             | 29.436.736       | Từ ngày 25<br>tháng 3 năm<br>2016 đến ngày<br>25 tháng 12<br>năm 2022 | Lãi suất huy động<br>tiết kiệm của<br>BIDV bằng USD<br>kỳ hạn 12 tháng<br>trả lãi sau +<br>5,00%<br>(2016: 7,00)  | Căn hộ thuộc cao ốc Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng 4.320 m <sup>2</sup> đất tại hồ sinh thái Đổng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam; nhà máy đá Grannite HAGL tại Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng 6.993,2 m <sup>2</sup> đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; 117 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV tại Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam; số dư tiền gửi không kỳ hạn 47.989.463 ngàn VND của HAG tại BIDV; 9 căn hộ chung cư Thương mại Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng |
| Hợp đồng vay số<br>01/2012/BIDV-HAGL-<br>Attapeu ngày 22 tháng<br>3 năm 2012                       | 577.159.925             | 25.722.235       | Từ ngày 30<br>ngày 3 năm<br>2017 đến ngày<br>21 tháng 4<br>năm 2023   | Lãi suất huy động<br>tiết kiệm của<br>BIDV bằng 12<br>tháng tiền gửi trả<br>sau + 3,50%<br>(2016: 7,00 -<br>8,00) | Quyền sử dụng 51 ha và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attpeu, Lào  |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng  | Số cuối năm | Nguyên tệ   |            | Thời hạn<br>thanh toán  | Lãi suất<br>%/năm  | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)  |
|--|-------------|-------------|------------|---|--|--|
|  | Ngàn VND    | Ngàn VND    | USD        |   |  |  |
| BIDV, Chi nhánh Gia Lai<br>Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 01/20155331375/HĐTĐ<br>ngày 19 tháng 6 năm 2015 | 761.457.207 | 473.876.601 | 12.618.719 | Từ ngày 25<br>tháng 3 năm<br>2016 đến ngày<br>25 tháng 12<br>năm 2022 | USD 6,8 -<br>7,64; VND<br>9,10 -<br>11,60  | Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; số dư tiền gửi ngân hàng 10.700.000 ngàn VND của HAG tại BIDV; căn hộ và một phần khu thương mại Bàu Thạc Gián tại Thành phố Đà Nẵng của HAG |
| Hợp đồng vay số<br>01/2010/HĐTĐ ngày 1<br>tháng 4 năm 2010   | 731.055.979 | -           | 32.077.928 | Từ ngày 30<br>ngày 3 năm<br>2017 đến ngày<br>21 tháng 4<br>năm 2023   | Lãi suất huy<br>động tiết kiệm<br>của BIDV bằng<br>USD kỳ hạn 12<br>tháng trả lãi sau<br>+ 4,70% (2016:<br>7,00) | Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% (2016: 7,00)   |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng  | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Nguyên tệ<br>USD | Thời hạn<br>thanh toán  | Lãi suất<br>%/năm   | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)                                       |
|--|-------------------------|------------------|---|---|---|
| BIDV, Chi nhánh Gia Lai<br>(tiếp theo)<br>Hợp đồng vay số<br>01/2015/6261950/HĐTD<br>ngày 4 tháng 5 năm 2015 | 225.859.830             | -                | Từ ngày 4<br>tháng 5 năm<br>2017 đến ngày<br>4 tháng 5 năm<br>2022  | Lãi suất bán vốn nội<br>bộ kỳ hạn lớn hơn 12<br>tháng do BIDV thông<br>báo + 3,20%<br>(2016: 9,50 - 11,2) | Tài sản hình thành từ vốn vay,<br>dự án chăn nuôi bò thịt tại<br>Tỉnh Gia Lai, Việt Nam |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 02/2015/6261950/HĐTD<br>ngày 4 tháng 5 năm 2015                              | 79.544.318              | -                | Từ ngày 4<br>tháng 5 năm<br>2017 đến ngày<br>4 tháng 5 năm<br>2022  | Lãi suất bán vốn nội<br>bộ kỳ hạn lớn hơn 12<br>tháng do BIDV thông<br>báo + 3,20%<br>(2016: 9,50 - 11,2) | Tài sản hình thành từ vốn vay,<br>dự án chăn nuôi bò thịt tại<br>Tỉnh Gia Lai, Việt Nam |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 05/2015/6261950/HĐTD<br>ngày 1 tháng 12 năm 2015                             | 65.968.272              | -                | Từ ngày 12<br>tháng 5 năm<br>2017 đến ngày<br>5 tháng 9 năm<br>2022 | Lãi suất bán vốn nội<br>bộ kỳ hạn lớn hơn 12<br>tháng do BIDV thông<br>báo + 3,20%<br>(2016: 9,50 - 11,2) | Tài sản hình thành từ vốn vay,<br>dự án chăn nuôi bò thịt tại<br>Tỉnh Gia Lai, Việt Nam |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>3.097.922.762</b>    |                  |   |   |   |
| Trong đó:  | 313.652.495             |                  |   |   |   |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 2.784.270.267           |                  |   |   |   |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho khoản vay ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Định khoản vay đến hạn trả trị giá 43.302.759 ngàn VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng  | Số cuối năm |             | Nguyên tệ  | Lãi suất  | Thời hạn<br>thanh toán  | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)   |
|--|-------------|-------------|------------|---|---|---|
|  | Ngàn VND    | USD         |            |   |   |   |
| HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai<br>Hợp đồng vay số<br>0044/2014/HĐTDTDH-ĐN<br>ngày 25 tháng 4 năm 2014 | 879.445.535 | 450.000.000 | 18.827.073 | Điều chỉnh 2<br>lần mỗi năm<br>(2016: USD<br>7,00 - 7,50<br>và VND<br>10,50 -<br>12,00) | Từ ngày 25<br>tháng 6 năm<br>2020 đến ngày<br>31 tháng 12<br>năm 2023 | 42.880.000 cổ phiếu HAG của<br>Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và<br>Bà Hoàng Thị Ngọc Bích -<br>vợ Chủ tịch |
|  |             |             |            |   |   | Quyền sử dụng 7.924 ha đất<br>tại Tỉnh Rattaniki, Campuchia<br>và tài sản gắn liền trên đất           |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng  | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Nguyên tệ<br>USD | Thời hạn<br>thanh toán  | Lãi suất<br>%/năm                            | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)  |
|--|-------------------------|------------------|---|--|--|
| HD Bank, Chi nhánh Gia Lai<br>Hợp đồng vay số<br>0588/16/HĐLĐTDH<br>-DN/170/DNGN-KUN-<br>N/DN/01 ngày 30 tháng 9<br>năm 2016 | 99.800.000              | 99.800.000       | Ngày 30 tháng<br>9 năm 2021   | 12,50  | Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai<br>thác hình thành trong tương lai<br>của dự án trồng cây ăn quả bao<br>gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức<br>phát sinh từ dự án. |
| HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk<br>Hợp đồng vay số<br>1761/2015/HĐLĐTDH - DN<br>ngày 2 tháng 12 năm 2015                          | 62.960.625              | 62.960.625       | Từ ngày 26<br>tháng 12 năm<br>2017 đến ngày<br>2 tháng 12<br>năm 2020 | Lãi suất thả nổi<br>(2016: 10,50 -<br>11,25) | Tài sản hình thành từ vốn vay,<br>đàn bò và bê con thuộc dự án<br>chăn nuôi bò   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>1.042.206.160</b>    |                  |   |  |  |
| Trong đó:  | 4.392.601               |                  |   |  |  |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 1.037.813.559           |                  |   |  |  |
| Vay dài hạn  |                         |                  |   |  |  |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng  | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Nguyên tệ<br>Ngàn LAK | USD        | Thời hạn<br>thanh toán  | Lãi suất<br>%/năm  | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)  |
|--|-------------------------|-----------------------|------------|---|--|--|
| Laos- Viet Bank,<br>Chi nhánh Attapeu<br>Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 098/HĐLVB.ATP/2015<br>ngày 5 tháng 8 năm 2015 | 312.525.377             | -                     | 14.005.246 | Ngày 21 tháng<br>3 năm 2023   | Điều chỉnh<br>2 lần một năm<br>(2016: 8,00 -<br>9,75)  | Trụ sở làm việc của công ty TNHH<br>Phát triển nông nghiệp Hoàng Anh<br>Attapeu tại Km 31, bản Hatzan,<br>Huyện Xaysettha, tỉnh Attapeu theo<br>bản đồ đất số 17 001 0008; diện tích<br>đất 0,3 ha, của Nhà máy chế biến mù<br>cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh<br>Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập<br>về của TNHH Phát triển Nông<br>nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền<br>thuê đất và tài sản gắn liền trên đất<br>bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6<br>ha cò dậu tại Tỉnh Attapeu, Lào |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 010/2013/LVB - ATTAPEU<br>ngày 15 tháng 3 năm 2013                                     | 277.751.463             | 39.355.143            | 7.649.850  | Ngày 21 tháng<br>6 năm 2018<br>đến ngày<br>21 tháng 3<br>năm 2023     | Điều chỉnh 2 lần một<br>năm (2016: 9,50 -<br>11,00); Vay bằng LAK:<br>lãi suất tiết kiệm 13<br>tháng + 3,00%, điều<br>chỉnh 2 lần một năm<br>(2016: 12,75 - 13,75) | Quyền thuê đất và tài sản gắn<br>liền trên đất bao gồm 5.588 ha<br>cao su và 2.093,6 ha cò dậu tại<br>Tỉnh Attapeu, Lào  |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức<br>số 083/HD - LVB.ATP/2015<br>ngày 9 tháng 7 năm 2015                                       | 223.844.284             | -                     | 10.027.500 | Từ ngày 25<br>tháng 1 năm<br>2019 đến ngày<br>25 tháng 10<br>năm 2022 | 9,50   | Quyền sử dụng 3 lô đất<br>1.001,78 ha tại Huyện Laman,<br>Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài<br>sản trên đất thuộc dự án nuôi bò<br>và đàn bò nhập khẩu   |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

| Ngân hàng  | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Nguyên tệ<br>USD | Thời hạn<br>thanh toán   | Lãi suất<br>%/năm                            | Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)   |
|--|-------------------------|------------------|--|--|---|
| Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức<br>Hợp đồng tín dụng số<br>LD1333200419 ngày 29<br>tháng 11 năm 2013    | 250.000.000             | 250.000.000      | Từ ngày 29<br>tháng 5 năm<br>2017 đến ngày<br>29 tháng<br>5 năm 2019 | Lãi suất thả nổi<br>(2016: 10,00 -<br>11,00) | Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao<br>su và tài sản gắn liền trên đất tại<br>Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai, Việt<br>Nam; quyền sử dụng đất 479,2 ha tại<br>Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị<br>95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại<br>Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo |
| Hợp đồng tín dụng hạn<br>mức số LD1623900077<br>ngày 10 tháng 11 năm 2016                            | 85.000.000              | 85.000.000       | Ngày 11 tháng<br>10 năm 2021   | 9,50   | Quyền sử dụng 1.382 ha cao su<br>và tài sản gắn liền trên đất tại<br>Xã Talao, Huyện Ouchum và<br>Xã Nhang, Huyện Andong Meas,<br>Tỉnh Rattanakiri, Campuchia   |
| Sacombank, Chi nhánh<br>Campuchia<br>Hợp đồng tín dụng số<br>D1616880002 ngày 16 tháng<br>6 năm 2016 | 96.628.000              | 4.000.000        | Ngày 23 tháng<br>6 năm 2021  | 9,00   | Quyền sử dụng đất thuê lâu dài<br>tại Xã Talao, Huyện Ouchum và<br>Xã Nhang, Huyện Andong Meas,<br>Tỉnh Rattanakiri, Campuchia  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>994.082.604</b>      |                  |  |  |   |
| Trong đó:  | 25.000.000              |                  |  |  |   |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 969.082.604             |                  |  |  |   |
| Vay dài hạn  |                         |                  |  |  |   |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.3 Trái phiếu

##### Trái phiếu thường

Chi tiết các trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

| Tổ chức thu<br>xếp phát hành                     | Trái chủ   | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Lãi suất<br>%/năm   | Thời hạn<br>thanh toán   | Mục đích   | Tài sản thế chấp   |
|--|--|-------------------------|---|--|--|--|
| Công ty Cổ<br>phần Chứng<br>khoán<br>EuroCapital | Ngân hàng<br>TMCP Việt Nam<br>Thịnh Vương<br>("VPB") (*) | 1.400.000.000           | 10,5% cho 3 kỳ<br>tính lãi đầu tiên<br>và các kỳ tính lãi<br>tiếp theo bằng<br>tổng lãi suất tiết<br>kiệm 12 tháng<br>trả sau của VPB<br>- Chi nhánh<br>Sở Giao dịch<br>cộng với biên độ<br>4,5%/năm<br>(2016: 11%) | Từ ngày 17<br>tháng 8 năm<br>2019 đến<br>ngày 17 tháng<br>8 năm 2021<br>Từ ngày 17<br>tháng 12 năm<br>2017 đến<br>ngày 17 tháng<br>12 năm 2018 | Mục đích phát hành trái<br>phiếu này là để cơ cấu<br>lại một phần nợ gốc trái<br>phiếu có tổng mệnh giá<br>2.000 tỷ VND được<br>phát hành vào tháng 12<br>năm 2012, bổ sung vốn<br>cho các dự án đầu tư<br>của Nhóm Công ty bao<br>gồm dự án trồng và<br>chăm sóc cây cao su, cò<br>đầu và mía đường tại<br>Campuchia và Lào | 181.717.250 cổ phiếu<br>HNG được nắm giữ bởi<br>Công ty Cổ Phần Hoàng<br>Anh Gia Lai ("HAG").<br>Trong đó, 31.000.000 cổ<br>phiếu HNG đã được<br>dùng để đảm bảo cho trái<br>phiếu có tổng mệnh giá<br>600 tỷ VND - Trái phiếu<br>HAGL 600 do HAG<br>phát hành   |
| Công ty Cổ<br>phần chứng<br>khoán IB             | VPB  | 431.000.000             | 10,5% cho 3 kỳ<br>tính lãi đầu tiên và<br>các kỳ tính lãi tiếp<br>theo bằng tổng lãi<br>suất tiết kiệm 12<br>tháng trả sau của<br>VPB cộng với biên<br>độ 4,0% (2016:<br>10,5 - 11,3)                               | Từ ngày 23<br>tháng 3 năm<br>2018 đến<br>ngày 27 tháng<br>12 năm 2020  | Mục đích phát hành<br>trái phiếu này là để<br>cơ cấu lại nợ<br>tài sản gắn liền trên đất với<br>lãi trái phiếu của trái<br>phiếu mệnh giá<br>1.400 tỷ VND  | 234.484.450 cổ phiếu HNG<br>được nắm giữ bởi HAG; và<br>toàn bộ quyền sử dụng đất và<br>tài sản gắn liền trên đất đối với<br>7.376 ha đất tại Huyện<br>Lumphat, Tỉnh Rattanakiri,<br>Campuchia thuộc sở hữu của<br>các công ty con và 4.700.000<br>cổ phiếu HAG thuộc sở hữu<br>của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức |
| Chi phí phát hành trái phiếu                     |  | (16.702.812)            |   |  |  |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 |  | <b>2.114.297.188</b>    |   |  |  |  |
| Trong đó:  |  | 297.091.268             |   |  |  |  |
| Trái phiếu dài hạn đến hạn                       |  | 1.817.205.920           |   |  |  |  |
| Trái phiếu dài hạn                               |  |                         |   |  |  |  |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.3 Trái phiếu (tiếp theo)

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết. Tuy nhiên, theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VP Bank, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

#### Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS - công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.4 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

| Bên cho vay   | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Thời hạn<br>thanh toán    | Lãi suất<br>%/năm |
|---|-------------------------|---------------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (Thuyết minh số 34)   |                         |                           |                   |
| Hợp đồng vay số 10/HDVHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016  | 3.218.877.000           | Ngày 1 tháng 9 năm 2021   | 4,20              |
| Hợp đồng vay số 09.2016/HDVHAGL-HATTAPEU ngày 1 tháng 9 năm 2016  | 1.348.777.109           | Ngày 1 tháng 9 năm 2021   | 13,00             |
| Hợp đồng vay số 01-01/2016/HDV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016   | 1.324.410.532           | Ngày 1 tháng 1 năm 2019   | 8,00 - 11,50      |
| Hợp đồng hợp tác kinh doanh - 36 tháng - HAGL ngày 28 tháng 8 năm 2015  | 600.000.000             | Ngày 1 tháng 1 năm 2019   | 10,50             |
| Hợp đồng vay số 04/2014/HDV-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2014  | 500.000.000             | Ngày 3 tháng 4 năm 2019   | 12,87             |
| Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015  | 350.000.000             | Ngày 25 tháng 7 năm 2020  | 9,75 - 10,35      |
| Hợp đồng vay số 07/2013/HDV-HAGL ngày 8 tháng 7 năm 2013  | 350.000.000             | Ngày 30 tháng 12 năm 2027 | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 03/2014/HDV-HAGL ngày 6 tháng 11 năm 2014   | 300.000.000             | Ngày 8 tháng 1 năm 2018   | 10,87             |
| Hợp đồng vay số 0507/HTKD/HAGL-CSHAQM ngày 5 tháng 7 năm 2015   | 300.000.000             | Ngày 7 tháng 7 năm 2018   | 10,35             |
| Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016   | 273.443.000             | Ngày 24 tháng 3 năm 2019  | 12,50             |
| Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014  | 200.000.000             | Ngày 28 tháng 3 năm 2017  | 9,75 - 12,00      |
| Hợp đồng vay số 2402/HDV-HAGL ngày 24 tháng 2 năm 2016  | 157.030.698             | Ngày 24 tháng 2 năm 2019  | 11,90             |
| Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012 - Phụ lục 20082012/HĐV-HAGL-PL1 ngày 20 tháng 8 năm 2015 | 150.000.000             | Ngày 20 tháng 8 năm 2018  | 11,50 - 16,00     |
| Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012   | 120.872.953             | Ngày 28 tháng 4 năm 2017  | 14,00 - 17,00     |
| Hợp đồng vay số 02/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015  | 100.000.000             | Ngày 6 tháng 1 năm 2018   | 9,75 - 10,87      |
| Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 - Phụ lục 02/2011/HĐV-HAGL-PL3 ngày 28 tháng 12 năm 2014 | 99.278.400              | Ngày 30 tháng 12 năm 2027 | 9,75 - 11,93      |
| Hợp đồng vay số 04/2015/HDV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015  | 80.000.000              | Ngày 28 tháng 3 năm 2018  | 10,87             |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.4 Các khoản vay dài hạn bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên cho vay   | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Thời hạn<br>thanh toán    | Lãi suất<br>%/năm |
|---|-------------------------|---------------------------|-------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"),<br/>Công ty mẹ (Thuyết minh số 34) (tiếp theo)</i>                          |                         |                           |                   |
| Hợp đồng vay số 02-06/HĐV-HAGL<br>ngày 1 tháng 6 năm 2016   | 73.076.978              | Ngày 1 tháng 6 năm 2019   | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL<br>ngày 17 tháng 5 năm 2013 -<br>Phụ lục 01/2013/HĐV-HAGL-PL1<br>ngày 1 tháng 6 năm 2016 | 66.073.000              | Ngày 17 tháng 5 năm 2019  | 11,50 - 15,00     |
| Hợp đồng vay số 12/HĐVHAGL-ADM<br>ngày 30 tháng 12 năm 2016   | 34.007.538              | Ngày 30 tháng 12 năm 2023 | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 01/HĐVHAGL<br>ngày 14 tháng 1 năm 2016  | 28.167.500              | Ngày 14 tháng 1 năm 2019  | 6,00              |
| Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL<br>ngày 9 tháng 12 năm 2014   | 10.225.000              | Ngày 9 tháng 12 năm 2017  | 9,75 - 12,00      |
| Hợp đồng vay số 05-02/2014/HĐV-HAGL<br>ngày 28 tháng 3 năm 2014   | 2.000.000               | Ngày 23 tháng 3 năm 2017  | 12,00             |
| <i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai<br/>(Thuyết minh số 34)</i>  |                         |                           |                   |
| Hợp đồng vay số 28/09/16-HĐV<br>ngày 28 tháng 9 năm 2016  | 298.000.000             | Ngày 28 tháng 9 năm 2018  | 6,00              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>9.984.239.708</b>    |                           |                   |
| <i>Trong đó:</i>  |                         |                           |                   |
| Vay dài hạn   | 9.651.141.755           |                           |                   |
| Vay dài hạn đến hạn trả   | 333.097.953             |                           |                   |

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.5 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

| Bên cho vay   | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Thời hạn<br>thanh toán   | Lãi suất<br>%/năm |
|---|-------------------------|--------------------------|-------------------|
| <i>Ông Dương Hoàng Bắc (Thuyết minh số 34)</i>                      |                         |                          |                   |
| Hợp đồng vay số 0511/2016/HĐVT/DHB-CSDD<br>ngày 11 tháng 5 năm 2016 | 1.115.000               | Ngày 11 tháng 5 năm 2017 | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 0606/2016/HĐVT/DHB-CSDD<br>ngày 6 tháng 6 năm 2016  | 1.119.500               | Ngày 6 tháng 6 năm 2017  | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 0608/2016/HĐVT/DHB-CSDD<br>ngày 8 tháng 6 năm 2016  | 2.238.000               | Ngày 8 tháng 6 năm 2017  | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 0722/2016/HĐVT/DHB-CSDD<br>ngày 22 tháng 7 năm 2016 | 1.116.000               | Ngày 22 tháng 7 năm 2017 | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 0812/2016/HĐVT/DHB-CSDD<br>ngày 12 tháng 8 năm 2016 | 1.115.500               | Ngày 12 tháng 8 năm 2017 | 10,00             |
| Hợp đồng vay số 1104/2016/HĐVT/DHB-CSDD<br>ngày 4 tháng 11 năm 2016 | 1.119.000               | Ngày 4 tháng 11 năm 2017 | 10,00             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>7.823.000</b>        |                          |                   |

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.6 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân như sau:

| Bên cho vay                         | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Thời hạn<br>thanh toán    | Lãi suất<br>%/năm |
|-------------------------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------|
| Bà Trần Thị Hữu Duyên               |                         |                           |                   |
| Khoản vay số 1                      | 24.581.000              | Ngày 27 tháng 8 năm 2017  | 7,00              |
| Khoản vay số 2                      | 8.948.000               | Ngày 29 tháng 1 năm 2017  | 10,00             |
| Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Đại Thành |                         |                           |                   |
| Khoản vay số 3                      | 18.000.000              | Ngày 27 tháng 10 năm 2016 | 9,00              |
| Ông Vũ Duy Khương                   |                         |                           |                   |
| Khoản vay số 4                      | 9.200.000               | Ngày 24 tháng 12 năm 2016 | 10,87             |
| Ông Chế Đức Toàn                    |                         |                           |                   |
| Khoản vay số 5                      | 628.300                 | Ngày 3 tháng 3 năm 2016   | 8,00              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>61.357.300</b>       |                           |                   |

Các khoản vay công ty và cá nhân là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

|  | Vốn cổ phần   | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Chênh lệch<br>tỷ giá hối đoái | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Ngàn VND<br>Lợi nhuận |
|--|---------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Năm trước</b>   |               |                         |                               |                                      |                       |
| Số đầu năm   | 3.990.670.000 | 1.295.347.000           | 143.518.473                   | 1.404.012.572                        | 6.833.548.045         |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                | -             | -                       | -                             | 724.591.678                          | 724.591.678           |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền                         | 798.723.950   | 999.248.810             | -                             | -                                    | 1.797.972.760         |
| Phát hành cổ phiếu bằng<br>nguồn thặng dư vốn cổ phần    | 2.292.045.000 | (2.292.045.000)         | -                             | -                                    | -                     |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                               | -             | -                       | 299.629.881                   | -                                    | 299.629.881           |
| Giao dịch mua thêm cổ phần từ<br>cổ đông không kiểm soát | -             | -                       | -                             | (2.029.495)                          | (2.029.495)           |
| Số cuối năm  | 7.081.438.950 | 2.550.810               | 443.148.354                   | 2.126.574.755                        | 9.653.712.869         |
| <b>Năm nay</b>   |               |                         |                               |                                      |                       |
| Số đầu năm   | 7.081.438.950 | 2.550.810               | 443.148.354                   | 2.126.574.755                        | 9.653.712.869         |
| Lỗ thuần trong năm                                       | -             | -                       | -                             | (984.862.782)                        | (984.862.782)         |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)                     | 590.000.000   | 1.062.000.000           | -                             | -                                    | 1.652.000.000         |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                               | -             | -                       | 103.371.286                   | -                                    | 103.371.286           |
| Số cuối năm  | 7.671.438.950 | 1.064.550.810           | 546.519.640                   | 1.141.711.973                        | 10.424.221.373        |

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015, chấp thuận số 7406/UBCK-QLPH về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của HNG ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2015 và các hợp đồng chào bán và chào mua chứng khoán phát hành riêng lẻ, Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Cao Su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao Su An Thịnh với số lượng cổ phiếu phát hành lần lượt là 27.500.000 cổ phiếu và 31.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty được SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp GCNĐKKD số 5900712753 thay đổi lần thứ 14 ngày 8 tháng 3 năm 2016 với nội dung thay đổi vốn điều lệ tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 25.2 Cổ phiếu

|  | Số cuối năm<br>Cổ phiếu | Số đầu năm<br>Cổ phiếu |
|--|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành            | 767.143.895             | 708.143.895            |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 767.143.895             | 708.143.895            |
| Cổ phiếu phổ thông                               | 767.143.895             | 708.143.895            |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 767.143.895             | 708.143.895            |
| Cổ phiếu phổ thông                               | 767.143.895             | 708.143.895            |

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

### 26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

|  | Năm nay           | Ngàn VND<br>Năm trước<br>(Trình bày lại -<br>Thuyết minh số 38) |
|--|-------------------|---|
| Số đầu năm (Trình bày trước đây - Thuyết minh số 38) | 225.915.036       | 21.540.191  |
| Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)       | 95.307.748        | 21.540.191  |
| (Lỗ) lợi nhuận trong năm                             | (35.245.535)      | 19.416.700  |
| Mua công ty con                                      | 531.560           | 60.116.156  |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát          | (825.000)         | (602.954)   |
| Thanh lý công ty con                                 | -                 | (3.790.480)   |
| Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát          | -                 | (1.371.865)   |
| <b>Số cuối năm</b>                                   | <b>59.768.773</b> | <b>95.307.748</b>   |

### 27. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu:

|  | Năm nay       | Năm trước   |
|--|---------------|-------------|
| (Lỗ) lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngàn VND)                   | (984.862.782) | 724.591.678 |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)                     | 758.738.416   | 616.408.608 |
| Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu (i) | 140.718.703   | 140.718.703 |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm                       | 899.457.119   | 757.127.311 |
| (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)  | (1.298)       | 1.176       |
| (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)  | (1.298)       | 957         |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.3 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các chứng quyền này có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, các chứng quyền này có tác động suy giảm ngược.

### 28. DOANH THU

#### 28.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

|   | Năm nay              | Ngàn VND<br>Năm trước |
|---|----------------------|-----------------------|
| <b>Doanh thu gộp</b>                          | <b>4.777.217.797</b> | <b>4.730.680.433</b>  |
| Trong đó:                                     |                      |                       |
| Doanh thu bán bò                              | 3.469.931.141        | 2.541.497.018         |
| Doanh thu bán hàng hóa                        | 513.254.738          | 352.436.994           |
| Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường        | 463.077.421          | 957.503.311           |
| Doanh thu bán bắp                             | 134.803.013          | 295.939.624           |
| Doanh thu bán mù cao su                       | 114.025.799          | 197.055.040           |
| Doanh thu từ cung cấp dịch vụ                 | 50.856.559           | 45.416.997            |
| Doanh thu bán căn hộ                          | 31.269.126           | 56.972.736            |
| Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng            | -                    | 283.858.713           |
| <b>Các khoản giảm trừ - giảm giá hàng bán</b> | <b>(1.249.713)</b>   | <b>-</b>              |
| <b>Doanh thu thuần</b>                        | <b>4.775.968.084</b> | <b>4.730.680.433</b>  |
| Trong đó:                                     |                      |                       |
| Doanh thu bán bò                              | 3.468.681.428        | 2.541.497.018         |
| Doanh thu bán hàng hóa                        | 513.254.738          | 352.436.994           |
| Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường        | 463.077.421          | 957.503.311           |
| Doanh thu bán bắp                             | 134.803.013          | 295.939.624           |
| Doanh thu bán mù cao su                       | 114.025.799          | 197.055.040           |
| Doanh thu từ cung cấp dịch vụ                 | 50.856.559           | 45.416.997            |
| Doanh thu bán căn hộ                          | 31.269.126           | 56.972.736            |
| Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng            | -                    | 283.858.713           |
| Trong đó:                                     |                      |                       |
| Doanh thu thuần với các bên liên quan         | 641.557.909          | 846.957.526           |

#### 28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

|                                    | Năm nay            | Ngàn VND<br>Năm trước |
|------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Lãi tiền cho vay                   | 182.762.010        | 64.891.633            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái     | 40.748.252         | 51.665.188            |
| Lãi tiền gửi ngân hàng             | 5.930.603          | 2.325.965             |
| Lãi từ thanh lý khoản đầu tư       | -                  | 45.997.846            |
| Khác                               | -                  | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>236.063.665</b> | <b>164.880.632</b>    |
| Trong đó:                          |                    |                       |
| Lãi tiền cho vay các bên liên quan | 159.534.036        | 74.361.907            |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|                                      | Năm nay              | Ngàn VND<br>Năm trước |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Giá vốn bò                           | 3.048.276.086        | 1.803.513.299         |
| Giá vốn hàng hóa                     | 486.135.628          | 323.091.122           |
| Giá vốn của các sản phẩm ngành đường | 330.447.196          | 576.122.070           |
| Giá vốn bắp                          | 65.695.455           | 109.668.097           |
| Giá vốn mù cao su đã bán             | 131.997.480          | 175.834.362           |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp          | 46.238.998           | 44.590.172            |
| Giá vốn căn hộ đã bán                | 31.509.854           | 54.180.462            |
| Giá vốn của các hợp đồng xây dựng    | 125.567.392          | 406.580.409           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>4.265.868.089</b> | <b>3.493.579.993</b>  |

### 30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                               | Năm nay            | Ngàn VND<br>Năm trước |
|-------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay               | 701.146.747        | 364.676.504           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 70.108.894         | 13.039.447            |
| Khác                          | 7.863.225          | 5.744.268             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>779.118.866</b> | <b>383.460.219</b>    |

### 31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                     | Năm nay            | Ngàn VND<br>Năm trước |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>Chi phí bán hàng</b>             | <b>88.270.096</b>  | <b>72.904.454</b>     |
| Chi phí vận chuyển                  | 58.930.917         | 55.891.637            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 17.024.928         | 2.015.813             |
| Chi phí nhân viên                   | 5.448.382          | 4.281.427             |
| Chi phí khấu hao                    | 1.674.658          | 1.119.391             |
| Khác 5.191.211                      | 9.596.186          |                       |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b> | <b>306.168.650</b> | <b>120.958.460</b>    |
| Phân bổ lợi thế thương mại          | 174.719.236        | 6.365.806             |
| Chi phí nhân viên                   | 66.128.408         | 52.657.453            |
| Chi phí khấu hao và hao mòn         | 19.810.644         | 8.475.312             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 11.464.244         | 14.924.533            |
| Khác 34.046.118                     | 38.535.356         |                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>394.438.746</b> | <b>193.862.914</b>    |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

|   | Năm nay              | Ngàn VND<br>Năm trước |
|---|----------------------|-----------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>                          | <b>146.890.520</b>   | <b>2.233.328</b>      |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản                  | 141.737.131          | -                     |
| Khác 5.153.389                                | 2.233.328            |                       |
| <b>Chi phí khác</b>                           | <b>(712.608.755)</b> | <b>(110.612.760)</b>  |
| Lỗ từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả | (473.559.413)        | (59.062.258)          |
| Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản     | (216.186.694)        | -                     |
| Khấu hao tài sản ngưng sử dụng                | (7.655.041)          | (3.521.561)           |
| Các khoản phạt                                | (3.168.992)          | (3.266.826)           |
| Khác  | (12.038.615)         | (44.762.115)          |
| <b>LỖ KHÁC</b>                                | <b>(565.718.235)</b> | <b>(108.379.432)</b>  |

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

|                                       | Năm nay           | Ngàn VND<br>Năm trước |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành           | 2.769.781         | 3.048.663             |
| Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 39.808.019        | (32.003.555)          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                      | <b>42.577.800</b> | <b>(28.954.892)</b>   |

Dưới đây là đối chiếu (lỗ) lợi nhuận thuần trước thuế và (lỗ) tính thuế) thu nhập chịu thuế:

|  | Năm nay              | Ngàn VND<br>Năm trước |
|--|----------------------|-----------------------|
| <b>(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>(977.530.517)</b> | <b>715.053.486</b>    |
| Điều chỉnh cho các khoản:                              |                      |                       |
| Các khoản lỗ của các công ty con                       | 1.235.055.651        | 42.767.708            |
| Chi phí phân bổ lợi thế thương mại                     | 174.719.236          | 6.365.806             |
| Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện               | 74.231.279           | 44.450.642            |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản phải thu   | 37.417.295           | -                     |
| Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế                  | (166.006.469)        | (1.086.533.478)       |
| Chi phí phải trả                                       | (150.734.194)        | 149.512.019           |
| Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con              | (106.429.442)        | -                     |
| (Lãi) lỗ từ công ty liên kết                           | (22.408.392)         | 1.225.021             |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                             | 9.220.144            | 123.640.211           |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ                  | 7.223.061            | 47.750.201            |
| Thặng dư từ việc thanh lý công ty con                  | -                    | (45.960.202)          |
| Các khoản khác   | 4.602.087            | 2.460.784             |
| <b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b> | <b>119.359.739</b>   | <b>732.198</b>        |
| Thuế TNDN hiện hành ước tính                           | 4.063.514            | 161.084               |
| Điều chỉnh thuế TNDN (trích thừa) thiếu của năm trước  | (1.293.733)          | 2.887.579             |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm</b>  | <b>2.769.781</b>     | <b>3.048.663</b>      |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm                             | 717.988              | 699.945               |
| Các khoản tăng khác                                    | 10.689.961           | 3.764.232             |
| Thuế TNDN đã trả trong năm                             | (239.528)            | (6.794.852)           |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>                     | <b>13.938.202</b>    | <b>717.988</b>        |
| Trong đó:  |                      |                       |
| Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)                 | 15.450.074           | 2.229.860             |
| Thuế TNDN trả trước (Thuyết minh số 20)                | (1.511.872)          | (1.511.872)           |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 33.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm thể hiện như sau:

|  | Bảng cân đối<br>kế toán hợp nhất |                   | Báo cáo kết quả hoạt động<br>kinh doanh hợp nhất |                   |
|--|----------------------------------|-------------------|--|-------------------|
|  | Số cuối năm                      | Số đầu năm        | Năm nay  | Năm trước         |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>            |                                  |                   |  |                   |
| Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện                  | 38.764.262                       | 32.558.351        | 6.205.911  | 7.275.513         |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | -                                | 24.728.042        | (24.728.042)                                     | 24.728.042        |
|  | <b>38.764.262</b>                | <b>57.286.393</b> | <b>(18.522.131)</b>                              | <b>32.003.555</b> |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  |                                  |                   |  |                   |
| Dự phòng khoản đầu tư                            | (21.285.888)                     | -                 | (21.285.888)                                     | -                 |
| <b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b> |                                  |                   | <b>(39.808.019)</b>                              | <b>32.003.555</b> |

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

| Bên liên quan                              | Mối quan hệ          | Nội dung nghiệp vụ  | Năm nay   | Ngàn VND<br>Năm trước  |
|--|----------------------|---|---|--|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Công ty mẹ liên quan | Vay và mượn<br>Chi phí lãi vay  | 5.734.871.154<br>614.885.108  | 3.056.390.738<br>135.653.129   |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai          | Công ty liên kết     | Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu<br>Mua các khoản đầu tư<br>Mua tài sản<br>Bán hàng hóa<br>Cung cấp dịch vụ<br>Trả cổ tức | 209.151.193<br>12.828.645<br>7.307.567<br>5.905.223<br>4.545.153<br>-       | 889.411.032<br>485.731.688<br>94.824.025<br>134.831.238<br>-<br>83.091.160 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên        | Công ty liên quan    | Vay và mượn<br>Lãi từ cho vay   | 587.000.000<br>56.764.111   | -<br>34.071.666  |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai          | Công ty liên kết     | Mua nguyên vật liệu<br>Bán bò<br>Bán hàng hóa<br>Lãi từ cho vay<br>Mua tài sản cố định<br>Đầu tư vào công ty liên kết             | 259.815.547<br>273.564.474<br>226.706.126<br>66.362.897<br>-<br>550.000.000 | 1.031.200.105<br>-<br>360.660.622<br>23.349.092<br>306.271.359<br>-        |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên        | Công ty liên quan    | Cho mượn<br>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ<br>Lãi từ cho vay<br>Mua hàng hóa và dịch vụ   | 396.670.011<br>83.817.705<br>27.991.709<br>17.990.175                       | -<br>351.465.666<br>16.941.149<br>1.444.260                                |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan                                      | Mối quan hệ       | Nội dung nghiệp vụ   | Năm nay                                 | Ngàn VND<br>Năm trước |
|--|-------------------|--|---|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng  | Công ty liên quan | Chuyển nhượng dự án<br>Mua hàng hóa và dịch vụ<br>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 173.143.070<br>34.977.483<br>47.019.228 | -<br>-<br>-           |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long | Công ty liên quan | Cho mượn   | 61.397.807                              | -                     |
| Bà Nguyễn Thị Kim Loan                             | Bên liên quan     | Cho vay<br>Lãi từ cho vay  | 150.000.000<br>3.232.192                | -<br>-                |
| Bà Nguyễn Thị Nga                                  | Bên liên quan     | Cho vay<br>Lãi từ cho vay  | 150.000.000<br>3.100.087                | -<br>-                |
| Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang                     | Bên liên quan     | Cho vay<br>Lãi từ cho vay  | 96.670.000<br>2.083.040                 | -<br>-                |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang                           | Bên liên quan     | Mua cổ phần CSTN   | 3.277.487.120                           | -                     |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau:

| Bên liên quan  | Mối quan hệ       | Nội dung nghiệp vụ                  | Năm nay                  | Ngàn VND<br>Năm trước |
|--|-------------------|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</b> |                   |                                     |                          |                       |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                          | Công ty liên kết  | Bán hàng hóa                        | 320.117.214              | 251.301.873           |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                          | Công ty mẹ        | Bán hàng hóa                        | 143.484.740              | 14.272.963            |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng          | Công ty liên quan | Chuyển nhượng dự án<br>Bán hàng hóa | 90.147.433<br>23.731.185 | -<br>-                |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai                       | Công ty liên quan | Bán hàng hóa                        | 1.117.123                | -                     |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai                 | Công ty liên quan | Bán hàng hóa                        | 413.196                  | -                     |
| Công ty Thủy điện Hoàng Anh Attapeu                        | Công ty liên quan | Bán hàng hóa                        | 25.005                   | 19.661                |
| Công ty TNHH ĐT&PT nhà Hoàng Nguyên                        | Công ty liên quan | Bán hàng hóa                        | 153.649                  | -                     |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai       | Công ty liên quan | Bán tài sản                         | -                        | 3.870.645             |
| Khác Bên liên quan   |                   | Bán hàng hóa                        | 101.768                  | 72.339                |
|  |                   |                                     | <b>579.291.313</b>       | <b>269.537.481</b>    |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Ngàn VND<br>Bên liên quan                                  | Mối quan hệ       | Nội dung nghiệp vụ          | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--|-------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b> |                   |                             |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Công ty mẹ               |                   | Tạm ứng mua nguyên vật liệu | 897.478.880          | 938.403.361          |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                          | Công ty liên kết  | Tạm ứng mua hàng hóa        | 702.918.510          | 467.936.006          |
| Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ                 | Công ty liên quan | Tạm ứng mua hàng hóa        | 13.000.000           | -                    |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok                   | Công ty liên quan | Tạm ứng mua hạt giống       | -                    | 11.398.000           |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai       | Công ty liên quan | Tạm ứng công trình xây dựng | -                    | 10.068.983           |
|  |                   |                             | <b>1.613.397.390</b> | <b>1.427.806.350</b> |
| Các bên liên quan  | Mối quan hệ       | Lãi suất %/năm              | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| <b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) (*)</b> |                   |                             |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú                 | Công ty liên quan | (i)                         | 280.000.000          | -                    |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long         | Công ty liên quan | 12,5                        | 61.397.808           | -                    |
| Công ty TNHH V&H (Lào)                                     | Công ty liên quan |                             | 4.742.317            | 3.905.051            |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên                        | Công ty liên quan | 11,0 - 13,0                 | -                    | 123.358.579          |
| Ông Đỗ Thái Cơ   | Bên liên quan     | 11,0                        | -                    | 16.157.837           |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                          | Công ty mẹ        |                             | -                    | 30.434.400           |
|  |                   |                             | <b>346.140.125</b>   | <b>173.855.867</b>   |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan   | Mối quan hệ       | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay              | Ngàn VND<br>Năm trước |
|---|-------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8) (*)</b> |                   |                    |                      |                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú                | Công ty liên quan | (i)                | 870.000.000          | 280.000.000           |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                         | Công ty liên kết  | 6 - 9,75%          | 573.691.667          | 608.275.000           |
| Bà Nguyễn Thị Kim Loan                                    | Bên liên quan     | 6,5%               | 125.340.957          | -                     |
| Bà Nguyễn Thị Nga   | Bên liên quan     | 6,5%               | 150.000.000          | -                     |
| Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang                            | Bên liên quan     | 6,5%               | 96.670.000           | -                     |
| Ông Huỳnh Hữu Vũ  | Bên liên quan     | 11%                | -                    | 294.936.000           |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên                       | Công ty liên quan | 11 - 13%           | -                    | 62.142.038            |
|   |                   |                    | <b>1.815.702.624</b> | <b>1.245.353.038</b>  |

(\*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 9 năm 2016, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

(i) Thể hiện khoản cho vay tín chấp cho An Phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Nhóm Công ty theo kế hoạch tái cấu trúc của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

| Khoản cho vay    | Số cuối năm<br>Ngàn VND | Ngày đáo hạn         | Lãi suất<br>%/năm |
|------------------|-------------------------|----------------------|-------------------|
| Khoản cho vay 1  | 280.000.000             | 8 tháng 8 năm 2017   | 12                |
| Khoản cho vay 2  | 287.000.000             | 30 tháng 12 năm 2021 | 10                |
| Khoản cho vay 3  | 283.000.000             | 30 tháng 8 năm 2020  | 6                 |
| Khoản cho vay 4  | 300.000.000             | 27 tháng 5 năm 2018  | 1,5               |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>1.150.000.000</b>    |                      |                   |

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Nhóm Công ty đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty liên quan khác.

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Ngàn VND<br>Bên liên quan                          | Mối quan hệ       | Nội dung nghiệp vụ            | Số cuối năm               | Số đầu năm        |
|--|-------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</b>   |                   |                               |                           |                   |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                  | Công ty mẹ        | Cho mượn tạm Khác             | 252.120.865<br>5.092.869  | 6.710.392         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú         | Công ty liên quan | Lãi từ cho vay                | 84.116.944                | 45.321.667        |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                  | Công ty liên kết  | Lãi từ cho vay Chi trả hộ     | 20.317.649<br>4.418.868   | -<br>-            |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng  | Công ty liên quan | Cho mượn vật tư và tài sản    | 132.565.743               | -                 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Loan                             | Bên liên quan     | Lãi từ cho vay                | 3.100.087                 | -                 |
| Bà Nguyễn Thị Nga                                  | Bên liên quan     | Lãi từ cho vay                | 3.232.192                 | -                 |
| Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang                     | Bên liên quan     | Lãi từ cho vay                | 2.083.040                 | -                 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên                | Công ty liên quan | Lãi từ cho vay                | -                         | 29.765.040        |
| Ông Đoàn Nguyên Đức                                | Chủ tịch          | Chi trả hộ                    | -                         | 7.779.191         |
| Khác   | Bên liên quan     | Chi trả hộ                    | 63.748                    | 35.273            |
|  |                   |                               | <b>507.112.005</b>        | <b>89.611.563</b> |
| <b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)</b>    |                   |                               |                           |                   |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long | Công ty liên quan | Cho mượn vật tư và tài sản    | 295.543.906               | -                 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                  | Công ty liên kết  | Lãi từ cho vay Hợp tác đầu tư | 60.368.691<br>109.650.981 | 23.349.092<br>-   |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng  | Công ty liên quan | Cho mượn vật tư và tài sản    | 102.439.202               | -                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú         | Công ty liên quan | Lãi từ cho vay                | 20.987.500                | -                 |
|  |                   |                               | <b>588.990.280</b>        | <b>23.349.092</b> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan  | Mối quan hệ       | Nội dung nghiệp vụ  | Năm nay  | Ngàn VND<br>Năm trước                               |
|--|-------------------|---|--|---|
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>       |                   |   |  |   |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                            | Công ty mẹ        | Mua vật tư<br>Mua các khoản đầu tư<br>Mua tài sản cố định<br>Khác | (294.126.649)<br>(12.828.645)<br>(6.718.545)<br>(24.707) | (149.236.381)<br>-<br>(259.900.187)<br>(22.180.171) |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                            | Công ty liên kết  | Mua hàng hóa và dịch vụ<br>Mua tài sản cố định                    | (38.299.440)<br>(19.290.278)                             | -<br>(6.945.437)                                    |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng            | Công ty liên quan | Mua hàng hóa và dịch vụ   | (3.195.941)  | -   |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai                 | Công ty liên quan | Mua nguyên vật liệu   | (1.319.002)  | (2.677.446)   |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai                  | Công ty liên quan | Dịch vụ khám chữa bệnh  | (179.022)  | (254.786)   |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai         | Công ty liên quan | Thi công xây dựng   | -  | (9.660.688)   |
| Khác   | Bên liên quan     | Mua nguyên vật liệu   | (1.443.770)  | (348.799)   |
|  |                   |   | <b>(377.425.999)</b>                                     | <b>(451.203.895)</b>                                |
| <b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19)</b> |                   |   |  |   |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng            | Công ty liên quan | Mua hàng hóa  | (24.395.000)   | -   |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                            | Công ty liên quan | Mua hàng hóa  | (21.993.920)   | (101.375.786)                                       |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai                         | Công ty liên quan | Mua hàng hóa  | (20.904)   | (716.520)   |
| Công ty TNHH Hoàng Thơ                                       | Công ty liên quan | Mua hàng hóa  | (23.560)   | -   |
|  |                   |   | <b>(46.433.384)</b>                                      | <b>(102.092.306)</b>                                |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan                                     | Mối quan hệ       | Nội dung nghiệp vụ                     | Số cuối năm            | Ngàn VND<br>Số đầu năm         |
|---|-------------------|--|------------------------|--------------------------------|
| <b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22)</b> |                   |  |                        |                                |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                 | Công ty mẹ        | Mượn tiền và chi phí lãi vay<br>Thu hộ | (1.007.581.103)<br>-   | (1.364.104.229)<br>(1.993.113) |
| Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3                      | Công ty liên quan | Mượn tiền                              | (499.290.919)          | (405.141.333)                  |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                 | Công ty liên kết  | Mượn tạm                               | (404.622.013)          | -                              |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh                                 | Bên liên quan     | Mượn tiền                              | (22.000.000)           | -                              |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Bangkok            | Công ty liên quan | Chi phí lãi vay                        | (7.369.738)            | -                              |
| Công ty TNHH An Tiến                              | Công ty liên quan | Khác                                   | (2.034.000)            | (2.034.000)                    |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai      | Công ty liên quan | Khác                                   | (1.943.782)            | -                              |
| Công ty TNHH Khoáng Sản Hoàng Anh Sê Kông         | Công ty liên quan | Mượn tiền                              | (1.457.363)            | (1.478.796)                    |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai       | Công ty liên quan | Khác                                   | (158.882)              | -                              |
| Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu            | Công ty liên quan | Mượn tiền                              | -                      | (3.196.958)                    |
| Khác  | Bên liên quan     | Thu hộ                                 | -                      | (555.587)                      |
|   |                   |  | <b>(1.946.457.800)</b> | <b>(1.778.504.016)</b>         |
| <b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 22)</b>  |                   |  |                        |                                |
| Công ty TNHH An Tiến                              | Công ty liên quan | Hợp tác kinh doanh                     | (550.000.000)          | -                              |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                 | Công ty mẹ        | Chi phí lãi vay                        | (136.237.677)          | (659.411.049)                  |
|   |                   |  | <b>(686.237.677)</b>   | <b>(659.411.049)</b>           |
| <b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.5)</b>         |                   |  |                        |                                |
| Ông Dương Hoàng Bắc                               | Bên liên quan     | Vay ngắn hạn                           | (7.823.000)            | -                              |

## 35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## 34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan                            | Mối quan hệ      | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay                | Ngàn VND<br>Năm trước  |
|--|------------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.4)</b> |                  |                    |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai        | Công ty mẹ       | Vay dài hạn        | (9.686.239.709)        | (3.443.449.358)        |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai        | Công ty liên kết | Vay dài hạn        | (298.000.000)          | -                      |
|  |                  |                    | <b>(9.984.239.709)</b> | <b>(3.443.449.358)</b> |

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

|                          | Năm nay   | Ngàn VND<br>Năm trước |
|--------------------------|-----------|-----------------------|
| Lương, thù lao và thưởng | 6.012.691 | 9.700.568             |

## 35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

|                  | Số cuối năm          | Ngàn VND<br>Số đầu năm |
|------------------|----------------------|------------------------|
| Đến 1 năm        | 37.971.585           | 34.610.371             |
| Từ 1 đến 5 năm   | 183.123.566          | 175.511.188            |
| Trên 5 năm       | 2.642.095.589        | 2.498.738.536          |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>2.863.190.740</b> | <b>2.708.860.095</b>   |

## 36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|                              | Số cuối năm   | Số đầu năm     |
|------------------------------|---------------|----------------|
| Các loại ngoại tệ:           |               |                |
| - LAK                        | 9.035.600.152 | 18.497.052.361 |
| - Đồng Riels Campuchia (KHR) | 111.306.843   | 123.448.266    |
| - USD                        | 1.182.684     | 8.033.654      |
| - EUR                        | 1.259         | 1.150          |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN  
(tiếp theo)

## 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm công ty.

## 37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

##### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| Doanh thu  | Trồng cây            | Chăn nuôi            | Thương mại và dịch vụ | Khác               | Loại trừ               | Tổng cộng   |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|---|
| Từ khách hàng bên ngoài  | 1.448.703.768        | 2.541.497.017        | 397.853.991           | 342.625.657        | -                      | 4.730.680.433   |
| Giữa các bộ phận   | 355.587.553          | 465.646.010          | 402.620.680           | -                  | (1.223.854.243)        | -   |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>1.804.291.321</b> | <b>3.007.143.027</b> | <b>800.474.671</b>    | <b>342.625.657</b> | <b>(1.223.854.243)</b> | <b>4.730.680.433</b>  |
| <i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>                            |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| Kết quả của bộ phận  | 341.635.847          | 737.983.718          | 30.172.697            | 127.308.178        | -                      | 1.237.100.440<br>(302.242.346)                              |
| Chi phí không phân bổ  |                      |                      |                       |                    |                        | 934.858.094<br>164.880.632<br>(383.460.219)<br>(1.225.021)  |
| Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính |                      |                      |                       |                    |                        | 715.053.486<br>(3.048.663)<br>32.003.555                    |
| Thu nhập tài chính   |                      |                      |                       |                    |                        | <b>744.008.378</b>  |
| Chia lỗ trong công ty liên kết                                 |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| Lợi nhuận trước thuế   |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| Thuế TNDN hiện hành  |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại                                 |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| <b>Lợi nhuận thuần trong năm</b>                               |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| <b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>                           |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| <i>Tài sản và nợ phải trả</i>                                  |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| Tài sản của bộ phận  | 19.744.299.165       | 2.982.789.885        | 1.989.678.742         | 775.446.934        | -                      | 25.492.214.726<br>331.961.020<br>271.950.970<br>639.503.891 |
| Tiền   |                      |                      |                       |                    |                        | <b>26.735.630.607</b>                                       |
| Đầu tư vào công ty liên kết                                    |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| Tài sản không phân bổ  |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| <b>Tổng tài sản</b>  |                      |                      |                       |                    |                        |   |
| Nợ phải trả của bộ phận  | (8.113.796.933)      | (2.178.198.133)      | (5.959.482.241)       | (500.386.808)      | -                      | (16.751.864.115)<br>(234.745.875)                           |
| Nợ phải trả không phân bổ                                      |                      |                      |                       |                    |                        | <b>(16.986.609.990)</b>                                     |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>  |                      |                      |                       |                    |                        |   |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HIN  
(tiếp theo)

### 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

##### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Doanh thu  | Trồng cây          | Chăn nuôi            | Thương mại và dịch vụ | Khác              | Loại trừ             | Tổng cộng   |
|--|--------------------|----------------------|-----------------------|-------------------|----------------------|---|
| Từ khách hàng bên ngoài  | 711.906.233        | 3.468.681.428        | 563.345.966           | 32.034.457        | -                    | 4.775.968.084   |
| Giữa các bộ phận   | 202.221.947        | 213.661.892          | 299.103.961           | -                 | (714.987.800)        | -   |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>914.128.180</b> | <b>3.682.343.320</b> | <b>862.449.927</b>    | <b>32.034.457</b> | <b>(714.987.800)</b> | <b>4.775.968.084</b>  |
| <i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>                            |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| Kết quả của bộ phận  | 183.766.102        | 420.405.342          | 31.410.877            | (125.482.326)     | -                    | 510.099.995<br>(960.156.981)                                  |
| Chi phí không phân bổ  |                    |                      |                       |                   |                      | (450.056.986)<br>236.063.665<br>(779.118.866)<br>15.581.670   |
| Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính |                    |                      |                       |                   |                      | (977.530.517)<br>(2.769.781)<br>(39.808.019)                  |
| Thu nhập tài chính   |                    |                      |                       |                   |                      | <b>(1.020.108.317)</b>  |
| Chia lợi nhuận trong công ty liên kết                          |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| Lợi nhuận trước thuế   |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| Thuế TNDN hiện hành  |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại                                 |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| <b>Lợi nhuận thuần trong năm</b>                               |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| <b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>                           |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| <i>Tài sản và nợ phải trả</i>                                  |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| Tài sản của bộ phận  | 25.978.226.272     | 2.551.785.637        | 1.234.685.249         | 1.526.216.329     | -                    | 31.290.913.487<br>308.340.423<br>896.161.285<br>2.972.837.854 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                             |                    |                      |                       |                   |                      | <b>35.468.253.049</b>   |
| Đầu tư vào công ty liên kết                                    |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| Tài sản không phân bổ  |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| <b>Tổng tài sản</b>  |                    |                      |                       |                   |                      |   |
| Nợ phải trả của bộ phận  | (13.139.621.660)   | (2.545.288.799)      | (10.239.876.051)      | (557.842.012)     | -                    | (26.482.628.522)<br>1.498.365.619                             |
| Nợ phải trả không phân bổ                                      |                    |                      |                       |                   |                      | <b>(24.984.262.903)</b>                                       |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>  |                    |                      |                       |                   |                      |   |

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)****37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty như sau:

|   | Việt Nam      | Lào            | Campuchia     | Khác       | Ngân VND<br>Tổng cộng |
|---|---------------|----------------|---------------|------------|-----------------------|
| <b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b> |               |                |               |            |                       |
| Doanh thu từ khách hàng bên ngoài                           | 2.109.732.826 | 2.316.020.039  | 304.927.568   | -          | 4.730.680.433         |
| Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình                 | 715.848.330   | 2.483.005.561  | 589.213.313   | -          | 3.788.067.204         |
| <b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>                        |               |                |               |            |                       |
| Các thông tin bộ phận khác                                  |               |                |               |            |                       |
| Tài sản bộ phận   | 3.944.178.249 | 14.141.251.807 | 7.406.784.670 | -          | 25.492.214.726        |
| Tiền  |               |                | 331.961.020   |            |                       |
| Đầu tư vào công ty liên kết                                 |               |                |               |            | 271.950.970           |
| Tài sản không phân bổ                                       |               |                |               |            | 639.503.891           |
| <b>Tổng tài sản</b>   |               |                |               |            | <b>26.735.630.607</b> |
| <b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b> |               |                |               |            |                       |
| Doanh thu từ khách hàng bên ngoài                           | 2.222.732.425 | 2.472.866.133  | 64.613.336    | 15.756.190 | 4.775.968.084         |
| Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình                 | 46.169.172    | 1.014.048.859  | 498.371.847   | -          | 1.558.589.878         |
| <b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>                        |               |                |               |            |                       |
| Các thông tin bộ phận khác                                  |               |                |               |            |                       |
| Tài sản bộ phận   | 8.905.872.681 | 13.731.123.032 | 8.653.917.774 | -          | 31.290.913.487        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                          |               |                |               |            | 308.340.423           |
| Đầu tư vào công ty liên kết                                 |               |                |               |            | 896.161.285           |
| Tài sản không phân bổ                                       |               |                |               |            | 2.972.837.854         |
| <b>Tổng tài sản</b>   |               |                |               |            | <b>35.468.253.049</b> |

B09-DN/HN  
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11, Ban Giám đốc đã tiến hành đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản thuần của các công ty con đã mua và hợp nhất trong năm trước. Theo đó, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 99,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con - Công ty TNHH Daun Pênh Agrico, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND, thực hiện vào ngày 14 tháng 10 năm 2015.


Thêm vào đó, Ban Giám đốc cũng đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 69,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía và công ty con - Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND, thực hiện vào ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại như sau:

|                                      | Số đầu năm<br>(đã được trình bày<br>trước đây) | Ảnh hưởng của<br>việc điều chỉnh lại | Ngân VND<br>Số đầu năm<br>(được điều chỉnh lại) |
|--------------------------------------|--|--------------------------------------|---|
| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b> |  |                                      |   |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang      | 11.153.955.744                                 | (1.176.771.204)                      | 9.977.184.540                                   |
| Lợi thế thương mại                   | 433.374.661                                    | 810.809.676                          | 1.244.184.337                                   |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả      | 235.354.240                                    | (235.354.240)                        | -   |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát      | 225.915.036                                    | (130.607.288)                        | 95.307.748                                      |

**39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập

Ngày 27 tháng 4 năm 2017


Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Thắng  
Tổng Giám đốc



Vui lòng truy cập vào website  
<http://haagrico.com.vn/nha-dau-tu/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-thuong-nien/>  
Cập nhật thông tin và các chi tiết về hoạt động mới nhất của  
HAGL Agrico có thể xem thêm tại website  
<http://haagrico.com.vn/>



**HAGL Agrico**

**Địa chỉ trụ sở chính:**

📍 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,  
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

☎️ (84.59) 22 22 283

📠 (84.59) 22 22 218

🌐 [www.haagrico.com.vn](http://www.haagrico.com.vn)